NẠN ĐÓI NĂM 1945 Ở VIỆT NAM

Những chứng tích lịch sử

Mã số: 9(V)2
CTQG - 2016

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC
TIỂU BAN HỢP TÁC VIỆT - NHẬT NGHIÊN CỨU VỀ NẠN ĐÓI NĂM 1945 Ở VIỆT NAM
Chủ biên
GS. VĂN TẠO
GS. FURUTA MOTOO

NẠN ĐÓI NĂM 1945 Ở VIỆT NAM

Những chứng tích lịch sử

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2016

VI
DIỄN BIẾN CỦA NẠN ĐÓI*

A. QUA SÁCH, BÁO

ÔNG KAWAI TRỞ THÀNH QUAN QUẢN LÝ GẠO[1]

"Văn phòng quản lý gạo từ tay người Pháp chuyển sang tay người Nhật đặt dưới quyền quân đội Nhật và chịu sự chỉ đạo của Ban kinh tế Đại sứ quán Nhật Bản. Ông Kawai đảm nhiệm công việc giám sát gạo chuyển từ Nam ra Bắc qua tỉnh Nam Định, đồng thời quản lý chung về số gạo dự trữ, phân phối ở trong tỉnh. Quân đội Nhật rất cần nắm chắc và trữ gạo với số lượng lớn để hoàn thành cuộc chiến, nhất là trong lúc dân chúng Việt Nam thiếu gạo nghiêm trọng, thì đây là công việc vô cùng quan trọng. Trong kho gạo của người Việt Nam lúc đó không thấy một hạt những thứ gọi là lương thực. Ông Kawai nói rằng: "Người Việt Nam đều là kẻ ăn xin". Một trong những công việc của quan quản lý gạo lúc đó là phân phát gạo cứu tế cho những người Việt Nam ở trong tình trạng như vậy. Biện pháp khẩn cấp

---

* Mục này, ngoài tư liệu của Nhật Bản và một số tư liệu lịch sử địa phương do Trần Thị Mai bổ sung ở phần cuối, phần nhiều là từ công trình của Nguyễn Quang Ân đã nói ở trên.

1. Tư liệu của một nhà sử học Nhật Bản.

để cứu đói lúc đó là phân phát cho mỗi người một nắm cơm... Họ phải xếp hàng dài như rồng rắn để lĩnh được một nắm cơm. Trong đó có cả bà mẹ bế một đứa con đang bú. Ông định cho cả đứa bé đó một nắm cơm, nhưng khi nhìn kỹ thì đứa bé đó đã chết trong tay bà mẹ nó.

Trong thời gian ấy, ông Kawai đã nhiều lần qua lại đường quốc lộ số 1 từ Nam Định đến Hà Nội và ông đã nhìn thấy tận mắt nhiều lần cảnh người chết đói ngã lăn dọc đường quốc lộ. Từ cuối năm 1944 đến mùa xuân năm 1945, cuộc sống và tính mạng của dân chúng Việt Nam ở Nam Định cũng như nhiều vùng khác ở Bắc Bộ đã nằm trong tình trạng bị uy hiếp.

Như ông Kawai đã nhấn mạnh, gạo thì có những nơi vẫn còn. Gạo vẫn được chất lên như núi trong kho của quân đội Nhật. Không những thế, ông Kawai đã xác nhận tận mắt rằng: tại một nhà thờ Thiên Chúa giáo ở trong tỉnh, gạo chất đầy ắp trong kho. Ông đã thuyết phục cán bộ phụ trách vấn đề kinh tế của Đại sứ quán Nhật Bản: "Phải mở các kho gạo ấy", nhưng họ đã không nghe với lý do không thể làm được vì chính sách tôn giáo.

Kho gạo nhiều lần đã trở thành mục tiêu tập kích của phong trào quần chúng do Việt Minh lãnh đạo. Ta có thể thấy rõ qua những bản tin về phá kho gạo ở báo "Cứu quốc", tờ báo của Việt Minh lúc bấy giờ. Vì vậy, tôi đã hỏi ông Kawai có cảm thấy nguy hiểm khi bị Việt Minh tập kích trong trường hợp như thế không, thì ông trả lời hoàn toàn không cảm thấy điều đó. Nhưng dần dần ông cảm thấy là có Việt Minh thực sự. Vào tháng nào thì không xác định được, nhưng một chiếc thuyền chở gạo đã bị đánh úp, thuyền viên bị giết ở gần Nam Định. Ông tin chắc rằng: Nhất định do Việt Minh gây ra...".

Xem: Yoshizawa Minami: *Chiến tranh châu Á trong tiềm thức của chúng ta, Sđd,* (t.6 và 7).

VẤN ĐỀ ĂN MÀY TRONG THÀNH PHỐ

"Mấy tháng nay, nơi thành thị cũng như chốn thôn quê chúng ta đã được mục kích nhiều cảnh rất thương tâm. Ở Hà Nội, suốt mấy dãy phố từ đầu tỉnh đến cuối tỉnh, hàng mấy trăm ăn mày, thất tha thất thểu lũ lượt kéo nhau đi xin. Trên bờ hè, trên đám cỏ, đâu đâu chúng ta cũng thấy những bó chiếu, bó lá ở trong văng vẳng ra những tiếng rên kêu đói rét não nùng.

Những cảnh thương tâm đó là lỗi ở đâu? Quân đội Nhật sau khi đánh đuổi quân Pháp và đột nhập vào trong thành đã lấy ra không biết bao nhiêu là đồ vật quân Pháp tích trữ từ trước đến nay. Nào vải đen, vải trắng hàng mấy trăm tấm, nào gạo trắng, gạo đỏ hàng mấy trăm tấn; người Pháp tích trữ như thế trong lúc ngoài đường hàng bao nhiêu con người đang rên lên vì đói, họ không lấy làm hổ thẹn với tiếng bảo hộ dân Việt Nam. Rồi chẳng tự xét mình, họ lại đi tìm những người tích trữ gạo ở ngoài để phạt (tuy những người này đáng phạt thật) hay đổ lỗi cho người khác. Những người ăn mày đáng thương đó là những cái mầm trộm cắp của Hà thành. Bị cơn đói thúc giục họ chẳng quản trước sau, chẳng chịu suy nghĩ đã dám đâm đầu vào con đường tội, con đường đầy những tội xấu, việc ác. Và sau nữa, những thây chết đầy đường chẳng bao lâu đến mùa nhiễm nhiệt, sẽ thành ra cái mầm của bao bệnh truyền nhiễm ghê gớm...".

TAM KIM (Ban Cứu tế học sinh) -
(Báo *Bình minh*, ngày 29-3-1945).

NHỮNG LỜI CHÍ THIẾT

"Tôi là một người dân ở nơi thôn dã, nên tôi đã được mắt thấy tai nghe những cảnh tượng vô cùng thê thảm của đám nông dân đang nheo nhóc trong cảnh đói rét.

Trên các ngả đường rải rác biết bao nhiêu gia đình: cha, mẹ, con, cháu chỉ còn manh khố cố bám lấy cái sống nheo nhóc, lại có biết bao nhiêu xác: đàn ông, đàn bà, trẻ em chết nằm úp bụng xuống đất để đợi những người hảo tâm đào cho cái hố nông, hắt xuống, lấp lại.

Trong những làng xóm, ta gặp những người quen mà không thể nhận được mặt vì đó chỉ là những bộ mặt nhem nhuốc, ngơ ngác, một tấm vải bẩn thỉu rách nát che thân; lượt da vàng ủng bọc lấy bộ xương trông rõ từng cái đầu gối.

Ngoài các ngả chợ, đầu đường biết bao nhiêu những trẻ con: đây là những bộ xương đứng chờ khách qua đường bố thí, hay chúng liều lĩnh cướp giật rổ rá của người đi chợ, chúng tranh nhau miếng thịt sống, con cá sống, xô nhau nằm úp xuống, cố nhét vào mồm nuốt lấy nuốt để, mặc những cái đấm, cái đá của người mất của. Cũng có kẻ quần áo lành lặn đến các hàng quà thản nhiên ngồi ăn rồi chạy; hay nói một câu thực thà đáng thương hại: "Tôi đói quá, bốn ngày hôm nay không có cái gì bỏ vào bụng; tùy bà lột áo hay muốn hành hạ tôi cách nào, tôi xin chịu".

Đói quá, túng quá, bố chết hôm trước mẹ chết hôm sau, hôm thứ ba, hai đứa con chết nốt, chết không có chiếu mà bó, chết không có kẻ đưa, vì ai cũng đói, túng. Ôi, mạng người còn kém mạng con vật, chỉ còn có cách: giống người chưa dám ăn thịt người.

Dân quê đói, trong làng xóm không còn một củ chuối nào ở vườn, không còn một đám rau nào xanh tốt, cho đến cả các búp cây dâu, cây ngô non họ cũng bẻ mang về để ăn.

Đói đã làm cho dân chúng điêu tàn, đói đã làm cho bỏ con, bỏ vợ, bỏ chồng. Biết bao nhiêu cảnh thống khổ gây ra bởi đâu?...

Nay kính".

PHẠM TƯ (Nam Định)

(Báo *Bình minh*, số 18, ngày 9-4-1945).

ĐOÀN KHẤT THỰC

"Chúng tôi đã chọn trong những hành khất 200 người làm phu xuống sửa sang trại Giáp Bát. Sáng thứ hai 9-4-1945 chúng tôi cho 2000 ăn mày xuống đó; xong chúng tôi sẽ cho dùng xe bò chở xuống trại tất cả những người ốm đau. Như thế thành phố sẽ nhẹ hẳn đi được một gánh thương tâm và nguy hiểm.

Bấy lâu nay bà con đã hết sức tán thành công việc của đoàn, nay lại xin bà con giúp hơn nữa lên, nhất là về cơm, chúng tôi sẽ đi thu hai bữa. Cả thành phố chúng ta bây giờ phải cố vào công việc này để cứu lấy đồng bào và tự cứu mình.

Hôm qua có mấy cô nữ sinh cho 40 chiếc chiếu, ông Đinh Văn Thọ cho 200 chiếc chiếu, một bạn vô danh cho 100 chiếc.

Ông Ngô Văn Viên cho một tấn tằm, bà Phan Thị Tửu cho 200 bị, các ban trong Nghiệp đoàn Thương mại cho 70 bị, Phòng kiến trúc Sở Công chính mua cho 600đ tông đơ và chiếu.

Hiệu Cao Phong cho một tông đơ.

Mỗi ngày số cơm thu được ước hai tấn. Nay xin bà con quyên thêm chiếu, và quyên cuốc, đèn bấm, thùng gánh nước, v.v.. Đoàn khất thực của Tổng hội Cứu tế 30 Gia Long, Hà Nội".

(Báo *Bình minh*, số 21, ngày 12-4-1945).

CỨU TẾ Ở CÁC LÀNG

"Trên những con đường vùng quê, lũ lượt từng bọn năm ba gia đình, người đi ngược, kẻ về xuôi. Người ngược là đi từ Nam Định, Thái Bình lên Thái Nguyên, Tuyên Quang, nghe nói ở trên đó, gạo rẻ, dễ tìm công ăn việc làm. Người xuôi là đi từ Thái Nguyên, Tuyên Quang về Nam Định, Thái Bình những đồn điền trên đó thải bớt người, họ bồng bế nhau về quê hương. Kẻ ngược cũng như người xuôi, đã bán cả cơ nghiệp để lấy tiền ăn đường, bây giờ nặng

bồng nhẹ tếch, họ đi, tiền lưng cạn dần, quần áo tả tơi dần, người gầy rạc dần, và ấy thế là họ thành một bọn hành khất.

Những người ấy nhiều lắm - con số hai mươi vạn liệu có tạm đúng không? Và nguy hiểm vô cùng càng ngày càng tăng".

N.N.QUANG

(Báo *Bình minh*, số 23, ngày 14-4-1945).

TRẠI GIÁP BÁT

"Trại:

Quá ngã tư Trung Hiền, một tấm biển đập vào mắt tôi. Không cần hỏi thăm đường, biển báo cho tôi biết đã đến trại Giáp Bát của Tổng hội Cứu tế.

Cách đường thuộc địa số 1 một trăm thước, trại lập trên một đám đất rộng 25 mẫu. Trong trại 32 gian nhà, xếp đặt thành từng khu, thứ tự và ngăn nắp.

Đây là nơi, ngày trước dùng làm chỗ ở cho những vợ con binh lính trường bay Bạch Mai. Bây giờ, Tổng hội Cứu tế tổ chức thành trại thứ nhất chứa những đồng bào sống dở chết dở trên các bờ hè thành phố Hà Nội...

... Anh Giám đốc trại cho tôi biết chỗ làm việc của anh còn gọi là Tổng bộ. Một cái tên kêu và cũng xứng đáng với sự trông nom toàn thể trại.

Tôi nhìn lên tấm bảng đen treo trước của Tổng bộ. Tôi đọc:

"Ngày 26-4-1945

Buổi sáng:

"Số người còn lại:	3.036
"Số người chết:	16
"Số người vào:	0
" Số người còn lại:	3.020

Buổi chiều:

"Số người còn lại:	3.020
"Số người chết:	18
"Số người vào:	2.000
"Số người còn lại:	5.002

Tôi làm một tính cộng về số người chết. Bất giác tôi nhớ lại lúc gần vào đến cổng trại tôi đã trông thấy một cái xe bò trên xếp người chết, bó gọn gàng trong chiếu. Một lần nữa tôi làm phép tính nhẩm, nhận thấy cái ý định đó của tôi, anh Giám đốc vỗ vai tôi, rồi anh cười:

- Không phải ngày nào cũng chết tới con số ấy hay hơn nữa đâu. Tất cả những người vào đây còn đi lại được đều có hy vọng được cứu sống. Chỉ trừ những người đã đói lả ngoài đường mới được nhặt đem vào là lâm vào cái cảnh ở ngoài lại trở ra ngoài và rồi đi thẳng về nghĩa trang Hợp Thiện".

THANH ĐẠM

(Báo *Tin mới*, số 1609, ngày 29-4-1945).

VIỆC CHÔN XÁC CHẾT TRONG THÀNH PHỐ

..."Bà con trong thành phố thấy có xác chết ở chỗ nào xin báo ngay cho Hội Hợp thiện ở 125 đường Henri d'Orléans, dây nói số 598, hay báo cho ông Lưu Chức, dây nói số 871.

Hội đã nhận được của cụ Thụy Thành cho 100 đôi chiếu và 300 thừng, các bà Hòa Tướng 100 đôi chiếu, 300 thừng, Đức Sinh 100 đôi chiếu, 300 thừng, Hội Ái hữu Đốc lý (Apim) 300 đôi chiếu, ông Hồ Công Sĩ một lô bao cói.

Hội còn cần nhiều chiếu, thừng và vôi bột để dùng vào việc chôn người chết đường. Các nhà từ thiện có lòng giúp đỡ xin cứ gửi thẳng đến Hội quán cho, hội xin cám ơn trước. Hội Hợp thiện lai cảo".

(Báo *Bình minh*, số 36, ngày 2-5-1945).

PHẢI CỨU NGAY ANH EM THỢ THUYỀN

"Sau cuộc đảo chính, một số đông anh em thợ thuyền ở các sở của người Pháp, nhất là ở các sở nhà binh đã bỗng nhiên lâm vào cảnh thất nghiệp. Như ai cũng biết, anh em thợ thuyền toàn thể là những người nghèo túng, tay làm hàm nhai, ăn bữa sớm lo bữa tối, ngoài sổ lương lĩnh hằng ngày, không còn trông mong bấu víu vào một nguồn lợi gì khác mà sống được.

Từ ngày đảo chính tới nay đã gần ba tháng rồi, anh em sống không sinh kế, đã bắt đầu thấy cái nguy cơ đói thiếu hăm dọa trước cửa nhà. Trừ một số ít anh em đã được gọi đi làm, còn rất nhiều anh em đương đem toàn lực ra chống với thần đói để bảo vệ thân mình và vợ con. Còn chút ít tiền của hoặc đồ đạc dành dụm được khi xưa đã đem cầm bán dần dần, một số đông anh em đã phải đành nhịn đói. Chẳng còn bao lâu nữa, những anh em thợ thuyền thất nghiệp cùng gia đình họ sẽ rất có thể lâm vào cảnh sầu thảm của những dân đói miền Nam.

Trước tai họa đương nhiên đó, Tổng hội Cứu tế đã lập được một quán cơm bán rẻ cho anh em, nhưng khốn thay! Không lẽ anh em lại ngày ngày tới đó kiếm chút ấm lòng lấy một mình, còn mặc vợ con ở nhà đói khổ! Bởi lẽ đó, nên phần nhiều anh em đành chịu ở nhà chia sầu đói khổ với gia đình: thà là cùng chết!

Chúng tôi mong rằng Bộ cứu tế hãy kịp mở rộng phạm vi giúp đỡ anh em để bảo tồn lấy những phần tử quý báu của quốc gia đó, có thể một ngày kia còn dự vào các công cuộc kiến thiết chung được".

DƯƠNG NGÀ

(Báo *Bình minh*, ngày 21-5-1945).

CHUYỆN CŨ HÀ NỘI

.....

"Nói bao nhiêu về cảnh đói 1944 - 1945 cũng vẫn chưa thấm. Chữ nghĩa tôi run rẩy, thổi bay được. Khủng khiếp quá.

Tôi chỉ ghi lại về những anh em bà con quanh tôi chết đói năm ấy. Như thắp nén hương mà thôi.

Thằng Tây vẽ vời những cảnh đau lòng thật oái oăm. Bên này đường Thành, ven hồ Tây, các làng thuộc phủ Hoài Đức ngày trước bây giờ là huyện Từ Liêm, rộng ra cả tỉnh Hà Đông, và khắp các vùng đồng bằng, người chết đói như rạ. Nhưng mấy làng ven nội bấy giờ thuộc đại lý Hoàn Long và trong thành phố chỉ bị khủng khiếp xanh mặt về nạn đói. Nhưng chưa đến nỗi chết. Người Pháp che mắt, giữ tươi tỉnh bộ mặt phố xá, nên trong Hà Nội được *đong gạo bông*[1]. Tuy được đong gạo có ngữ, nhưng chẳng biết cái đói còn triền miên đến bao giờ, cũng không ai dám ăn no. Bữa cơm, bữa cháo, rồi chỉ ăn cháo. Càng phấp phỏng, càng hoảng hốt khi trông thấy lũ lượt người đói các nơi kéo vào. Đội xếp chỉ còn có việc đánh đuổi người đói ra khỏi thành phố. Sau đảo chính mùng chín tháng ba, lính Nhật đi đẩy người đói không xuể. Người ngồi, người chết la liệt các vỉa hè. Suốt ngày suốt đêm kéo xác chết lầm lũi qua.

Vùng tôi bị xẻ làm đôi. Bên này đường Thành, ba làng Yên Thái với những làng Hồ, làng Thụy được đong *gạo bông* cầm hơi. Còn từ làng tôi vào vùng Noi, Cáo, Canh, Thìa,... chỉ còn biết bới đất lật cỏ.

Nhà bác Khán Lợi càng khó khăn. Thằng Tiếp đã ốm chết từ năm trước. Vợ kế bác Khán đem hai đứa con lên làng Cả đi seo kiếm bữa. Bác Khán cũng lên đấy, cứ trần lực đủ mọi việc. Đạp bìa, đạp lề, vớt dó, dậm bìa, quảy nước, kéo tàu,... Nhưng thời buổi khó khăn cũng chỉ có việc buổi đực, buổi cái. Người cứ phờ phạc, vêu vao.

Cái Lợi đã lấy chồng. Gặp cơn tao đói, vợ chồng còn son rỗi mà không ai cưu mang nổi ai, đành mỗi người kiếm ăn một nơi. Lợi trở

1. Bông (tiếng Pháp: bon) là phiếu bán gạo.

về nhà bác Khán. Lúc mới về còn có khi lên đứng đón seo đầu làng Đông, làng Thọ. Nhưng rồi đợi cả buổi cũng không ma nào đến giam cho đồng xu hẹn vào tàu seo hôm ấy. Không có cái ăn, người nhợt nhạt, bủng beo ra. Đôi khi, bác Khán tạt về nhà. Bố con trông thấy nhau, rơi nước mắt.

Rồi Lợi đi chết ở đâu, không biết. Những người đói đến lúc cảm thấy mình sắp chết thường lủi đi, rồi nằm xuống chốn bơ vơ, chẳng muốn ai nhìn thấy mình.

Anh hai Bùng thợ mũ hoạt động ái hữu bình dân cũng bị đói rồi đi chết đường. Anh Búng, con ông Hương chết. Mua ba đồng một chiếc, bán năm đồng. Chẳng phải chỉ có chợ, mà đêm đêm làng nào cũng đi xua người đói không cho đến, sợ phải chôn.

Cũng lại sinh ra một nghề mới: một buổi sáng, chánh hội Nền thấy có mấy người làng, những người đói dở, đến báo rằng ở đường Thành địa phận làng ta có người chết, xin ông cho tiền chôn. Thật ra đấy là người chết đói ở nơi khác, những người này đã khiêng về đấy rồi đi báo làng để lấy tiền đi chôn - có khi lấy tiền rồi không chôn mà lại vứt sang làng khác.

Ngoài cửa chợ, một thằng bé gầy, đen nhẻm, đầu gối to hơn ống chân, bị một nhát búa bổ toác ra, trắng hếu. Thằng bé này phải trói giật cánh khuỷu với một thằng bé khác. Quyền bảo tôi:

- Nhật đánh nó đấy. Thằng bé này bị Nhật bổ búa vỡ đầu gối, lại xén cụt cả tóc thế kia. Chắc là Nhật nó bắt được ăn cắp cái gì.

Nhưng quanh hai đứa bé, tang vật chỉ thấy một mẩu thừng và một mảnh chai vỡ.

Những con số khủng khiếp trong hàng triệu con số người chết đói tôi ghi ra. Nạn đói do thực dân Pháp và phátxít Nhật gây ra, sau đảo chính Nhật, chính quyền Nhật và bù nhìn đã trí trá dựng nên tổ chức cứu tế, mặc dù vậy, tổ chức này đi vào sự thực điều tra ở một vài vùng, cũng đã phơi bày một vài sự việc và con số nạn đói cực kỳ thê thảm... .

... Tỉnh Hà Nam có 400 làng. Một nửa dân bị đói do sự thu thóc của Pháp từ trước kia. Có nhiều người Pháp có đồn điền ở tỉnh này, thế mà không những người Pháp không phải nộp thóc cho nhà nước, mà còn được nhà nước lấy thóc của dân ra trợ cấp cho các đồn điền.

Các chỗ đói nhất trong tỉnh Ninh Bình là các huyện Yên Khánh, Yên Mô, phủ Kim Sơn. Số người chết đói tới 50 phần trăm, hoặc có nơi nhiều hơn.

Dân số các tỉnh Ninh Bình là 96.000, trong số có 24.000 đinh. Số người chết đói hai tháng khai là 3.325 người. Nhưng thật ra phải gấp ba, nghĩa là độ 1 vạn. Ruộng mùa có 22.000 mẫu gặt được 6.862 mẫu. Mỗi mẫu độ 3 tạ. Số thóc đã thu nộp là 2.664 tấn. Ruộng chiêm 22.283 mẫu. Chỉ cấy có 10.093 mẫu. Nhân công không có, vì chết nhiều và số siêu tán là 3.724 người.

Dân số phủ Kim Sơn (Ninh Bình) ngót 11 vạn, 1 vạn đã bỏ đi. Mỗi ngày có 400 người chết. Nếu không được cứu, đến tháng 5, số chết sẽ lên tới 5 vạn. Ruộng cày được 24.000 mẫu, mỗi người hơn 2 sào. Vụ tháng 10 sẽ thu mỗi năm nhiều nhất là 2 tạ thóc, cộng là 4.800 tấn, "công toa" nhà nước thu thóc đã thu 1.586 tấn, chỉ còn 3.214 tấn chia ra thì mỗi đầu người được có 32 cân, ăn trong 6 tháng. Có làng 400 dân, ruộng không có người làm, bán không ai mua, mỗi mẫu đáng 1.000đ bán không nổi 30đ. Phủ này người ta đương mong được chóng chết. Trẻ con từ 7-8 tháng đến 1-2 tuổi bị cha mẹ bỏ hoặc cha mẹ đã chết, ngồi nheo nhóc khắp nơi, đi đường nào cũng thấy.

Dân số phủ Nghĩa Hưng (Nam Định) có 15 vạn người, số chết mỗi ngày khoảng 500 người. Thóc phải nộp nhà nước là 1.250 tấn. Nhưng chức dịch chỉ thu được 986 tấn. Dân đói phải ăn củ chuối và ăn cả thịt người. Bắt trẻ con 5-6 tuổi rồi đào lỗ chôn xuống lấp đất, hun lửa trên, xong đem bán lẫn với thịt chó, bán giả thịt chó. Việc này có biên bản rõ của ông phủ sở tại kèm theo"...

TÔ HOÀI

B. QUA LỊCH SỬ CÁC ĐỊA PHƯƠNG

HÀ NỘI

"Trẻ con bị bỏ hoặc bố mẹ chết rồi lê lết nhặt lá bánh, vỏ cây, rác rưởi nhét vào miệng. Người chết hẳn, người sắp chết rải rác trong chợ, trong các ngõ, nằm gối đầu lên manh chiếu hay cái bị rách, nhặng xanh bâu đầy mặt. Tử khí nặng nề u uất. Những chiếc xe bò đi nhặt xác chết lẫn cả người còn thoi thóp lên xe, đổ vôi bột vào, chở ra phía Giáp Bát, Cầu Giấy hất xuống những chiếc hố lớn đào sẵn. Người chưa chết hôm nay đi nhặt thuê xác người đã chết để lấy tiền mua một nắm cơm chim, mấy bát cháo cầm hơi và chờ đến hôm khác, người khác nhặt xác mình. Mấy con chó đói tha về trong xóm những khúc chân, tay trẻ con chết đói. Rùng rợn, thê thảm. Địa ngục đây chứ còn đâu? Không thể chịu chết nhục nhã khốn khổ như thế này được!".

Trích *Hà Nội khởi nghĩa*. Hồi ký Lê Văn Ngọ. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng, Hà Nội, 1970, tr.182.

HẢI PHÒNG

..."Nạn đói khủng khiếp - hậu quả thảm khốc do chính sách bóc lột của Nhật - Pháp đem đến, đã làm cho hàng nghìn người dân trong huyện chết đói. Có nhiều làng chết đói tới một nửa, nhiều gia đình chết không còn một ai như ở An Thọ, Bách Phương, An Tiến...".

Trích *Tìm hiểu Cách mạng Tháng Tám ở Hải Phòng - Kiến An,* 1986, tr. 18-19.

..."Nạn đói 1945 đã làm chết đói 324 người dân Tân Việt, có 18 hộ gia đình phiêu bạt rồi không trở về quê nữa".

Lược khảo lịch sử xã Tân Việt (An Lão), 1991, tr. 57.

..."Trong vòng 3, 4 tháng, nhân dân Hải Phòng, Kiến An bị chết đói hàng chục vạn người. Ở Thủy Nguyên, nạn đói khủng khiếp cũng diễn ra và cướp đi gần 5.000 người. Làng nào, xã nào cũng có nhiều người chết đói. Những xã như Kỳ Sơn, Phục Lễ, Lâm Động, Minh Tân... đã có hàng trăm người chết đói, nhiều gia đình bị chết không còn một ai. Xóm làng xác xơ, tiêu điều".

Tìm hiểu Cách mạng Tháng Tám ở Hải Phòng - Kiến An, 1986, tr. 28-29.

..."Nạn đói đã giết hơn một vạn người dân Vĩnh Bảo. Nhiều làng xã đông đúc dân cư như Cao Minh, Trấn Dương... bị nạn đói làm chết mất quá nửa. Nhiều gia đình chết không còn một ai".

Tìm hiểu Cách mạng Tháng Tám ở Hải Phòng - Kiến An, 1986, tr. 38-39.

..."Chỉ riêng ở Đông Khê năm ấy đã có 700 người chết đói".

Trích *Lịch sử đấu tranh vũ trang cách mạng thị xã Kiến An 1945-1975*, 1994, tr. 27.

... "Có nơi chết quá nửa như: Đông Tác, Phúc Hải, Cồn Mục, Phụ Nỗi... Có gia đình chết không còn một ai. Toàn phủ Kiến Thụy chết đói tới năm nghìn người. Làng nào cũng trắng khăn tang".

Trích *Lịch sử Đảng bộ huyện Kiến Thụy*, 1992, tr.29.

..."Nạn đói trong huyện ngày càng lan rộng. Có làng chết đói hai phần ba số dân, nhiều gia đình chết hết. Riêng thôn Chủ Khê (Hùng Thắng) chết 463 người, trong đó có 24 gia đình chết hết. Theo thống kê chưa đầy đủ, toàn huyện Tiên Lãng nhỏ bé vậy mà bị chết đói trên 6.000 người".

Tiên Lãng - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954, 1990, tr. 23.

HÀ BẮC

..."Tháng 3-1945, trong lúc đời sống nhân dân đang có nhiều khó khăn, Vũ Văn An làm tay sai cho Nhật bắt dân bẻ hết ngô, nhổ lúa để trồng đay. Dịp này toàn huyện Yên Phong bị phá 728 mẫu hoa màu để trồng đay[1].

Ở Đông Thọ khi bọn Nhật cho lính về đôn đốc việc trồng và chăm sóc đay, một số nông dân đã dùng đòn gánh đánh lại bọn lính Nhật".

Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Yên Phong 1928-1954 (Sơ thảo), Hà Bắc: Huyện ủy Yên Phong, 1986, tr.36.

..."Nạn đói năm Ất Dậu 1945 có gia đình chết cả 4 người và cả xã có 21 người bị chết đói".

Trích *Lịch sử xã Nội Duệ (Tiên Sơn),* 1992, tr.58.

HÀ SƠN BÌNH

..."Trong nạn đói năm 1945, khoảng 8 vạn người (gần 10% dân số trong tỉnh) bị chết đói, nhiều nơi xóm làng xơ xác tiêu điều, nhất là ở những nơi nghề thủ công bị đình đốn. Làng La Cả (Hoài Đức) có 2.093 người chết đói trong số 4.893 dân, có 147 gia đình chết không còn ai. Làng La Khê (Hoài Đức) có 2.100 người thì 1.200 người bị chết đói, bằng 57% số dân".

Trích *Lịch sử Đảng bộ Hà Sơn Bình (1926-1945),* 1986, t.I, tr.278.

---

1. Số liệu thống kê một số xã bị phá lúa màu trồng đay như sau: Đông Phong: 123 mẫu; Tam Đa: 113 mẫu; Long Châu: 87 mẫu; Hòa Tiến: 18 mẫu; Đông Thọ: 150 mẫu; Dũng Liệt: 237 mẫu (Tài liệu số 657, A2 - Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc).

..."Ở Hoài Đức nạn đói bắt đầu từ cuối năm 1944 và ngày càng lan rộng khủng khiếp, vào tháng 3-1945 với cảnh tượng người chết đói đầy đường, thôn xóm nhà cửa tiêu điều xơ xác. Nạn đói xảy ra trầm trọng ở các làng có nghề thủ công, ở khu vực La Cả, La Khê tỷ lệ chết đói lên tới 50% số dân, có xóm người chết đói không còn một ai".

Trích *Sơ thảo lịch sử cách mạng huyện Hoài Đức, 1930-1945*, Hà Tây, 1982, tr.71.

..."Mười ba thôn trong xã thì có 12 thôn có gia đình chết đói cả nhà. Đầu năm 1945, bệnh tả lỵ, bệnh sốt định kỳ lan tới. Số người chết đói, chết bệnh lại tăng lên. Thôn Hợp Long có 67 người chết đói (trong số 180 người dân), Đông Duyên có trên 40 người, Nguyên Hanh, An Định, Đinh Xá mỗi thôn hơn 30 người, các thôn khác mỗi thôn trên 20 người chết đói, chết bệnh. Cả xã đã có trên 200 người chết đói cuối năm 1944 đầu năm 1945. Riêng thôn An Lãng không có người chết đói".

Trích *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Tô Hiệu (cũ) 1945-1954* (Thường Tín - Hà Sơn Bình), 1990, tr.23-24.

..."Hàng trăm người phải bỏ làng đi lang thang kiếm ăn. Cả 3 làng của Đại Nghĩa có gần 100 người chết đói. Riêng ở Tế Tiêu đã chết 50 người, trong đó có một số gia đình chết gần hết.

...Nạn đói năm Ất Dậu 1945 kèm theo bệnh dịch tả đã cướp đi của các làng hơn một trăm người, riêng làng Ngọc Bài chết mất 46 người".

Trích *Truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Ngọc Liệp 1945-1954 (huyện Quốc Oai - Hà Sơn Bình)*, 1986, tr.14.

..."Nạn đói khủng khiếp đã xảy ra ở Phú Xuyên. Mới chỉ tính có 8 thôn, xã đã có gần 2.500 người chết đói: Thông Thái 566 người, Chi Trung 45 người, Chuyên Mỹ 325 người, Quang Trung 350 người, Hồng Minh 300 người, Phương Dực 200 người, thôn An Môn non 200 người".

Lịch sử Cách mạng Tháng Tám huyện Phú Xuyên (Sơ thảo), 1982, tr.41.

..."Văn Khê cũng trong tình cảnh đó. Thôn La Khê, làng dệt phồn vinh trước đây là thế, nay lại là nơi nạn đói xảy ra trầm trọng. Lúc ấy La Khê có 2.100 người dân thì 1.200 người chết đói. Có gia đình chết đói không còn một ai. Họ Bạch chỉ còn vài người. Có xóm chết gần hết. Ngay cả một số nhà giàu, có tủ chè, sập gụ cũng phải lôi ra bán và lâm vào cảnh đói nghèo. Thậm chí có gia đình giàu mà chết đói, chỉ còn 1 người. Thôn Văn Phú có 70 người chết đói trong đó có 7 gia đình chết cả nhà (dân số Văn Phú năm 1945 là gần 400 người). Thôn Văn La có 36 người chết đói trong đó có 5 gia đình chết đói cả nhà. Làng quê Văn La, Văn Phú, La Khê vào nửa đầu năm 1945 là những làng chết, dân bỏ đi lang thang ra thành phố, gầm cầu, góc chợ kiếm ăn".

Ban Chấp hành Đảng bộ xã Văn Khê, thị xã Hà Đông: *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Văn Khê 1936-1954,* 1994, tr. 67.

..."Đồng Mít chết đói 183 người, bằng 1/3 số dân. Làng Hoành mới từ Ngõ Đá ra chợ Thượng đã có 53 người chết đói".

Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đồng Tâm (Mỹ Đức): *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Đồng Tâm 1943-1975 (Sơ thảo),* 1985, tr.27.

HẢI HƯNG

..."Ở làng Liêu Trung (Mỹ Văn) có những ngày người chết đói không kịp chôn. Năm gia đình chết không còn ai. Xã Đức Hợp (Kim Thi) hơn 3.100 dân, chết hơn 300 người. Xã Hiệp Lực (Ninh Thanh) 3.500 dân, chết 500 người".

Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng: *Hải Hưng 40 năm xây dựng và chiến đấu,* 1985, tr.150.

..."Nạn đói khủng khiếp đầu năm 1945 làm cho nhân dân Hải Hưng chết đói hàng chục vạn người, riêng Hải Dương chết trên 20 vạn người, thị xã Hải Dương và các thị trấn có ngày số người chết đói tới 200 người. Mỏ than Mạo Khê có 5.000 nhân khẩu thì chết đói hơn 800 người; xã Đức Hợp (Kim Động) có hơn 3.100 dân chết hơn 300 người; Hiệp Lực (Ninh Giang) 5.500 dân chết 500 người; thôn Bình Hà (Thanh Hà) có trên 2.000 dân, chết đói gần 700 người. Có nhiều gia đình chết cả nhà 7 - 8 người, có xóm chết quá nửa dân số...".

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hải Hưng: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hải Hưng*, 1990, tr.102.

..."Chỉ có mấy tháng đầu năm 1945, trong xã đã có 389 người chết đói, 42 hộ chết đói cả nhà. Hàng chục gia đình chết sạch từ 4-5 người trở lên".

Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cẩm Chế, huyện Nam Thanh, Hải Hưng: *Lịch sử cách mạng xã Cẩm Chế 1945-1954,* 1992, tr.22, 23.

..."Riêng thành phố Hải Dương có 1.030 người chết đói, chiếm 7,5% dân số".

Ban Chỉ huy quân sự thị xã Hải Dương: *Lịch sử đấu tranh vũ trang cách mạng thị xã Hải Dương 1930-1954,* 1990, t.I, tr.29.

..."Riêng năm Ất Dậu (1945) nạn đói đã làm chết 4.800 người dân trong huyện, nạn dịch lan tràn khắp nơi. Làng Khóa Nho (nay thuộc xã Yên Hòa, Châu Giang) bị chết đói hai phần ba số dân; Các làng Xuân Lôi, Thọ Khang không đủ chiếu để bó người chết dịch, 5.500 người phải tha phương cầu thực".

Ban Chỉ huy quân sự huyện Mỹ Văn (Lê Mạnh Hà, Tạ Lương, Nguyễn Xuân San): *Lịch sử đấu tranh vũ trang cách mạng huyện Mỹ Văn*, t.I, 1986, tr.12-13.

..."Cuối năm 1944, đầu năm 1945, trong các thôn phải tới 2/3 nhân dân đều đói, họ phải đi xa đến 7 - 8km vào tận thôn Xích Đằng, ven bãi sông Hồng và lên đê sông Luộc để lấy rau má ăn thay cơm. Nhưng nạn đói ngày càng trầm trọng đã làm hơn 75 người thôn Cao Đoài và 34 người ở thôn Linh Hạ chết vì đói... Nạn đói cướp đi 174 người dân lương thiện trong xã".

Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nhật Tân, huyện Tứ Lộc, Hải Hưng: *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân Nhật Tân 1945-1975 Sơ thảo.* Hải Hưng, 1989, tr. 17-18.

... "Nạn đói tháng 3 năm Ất Dậu 1945 đã làm cho nhân dân trong xã có 27 hộ có người chết đói. Toàn xã đã chết đói mất 40 người. Cả xã có 99 người phải đi tha phương cầu thực, trong đó có 33 người đi mộ phu Nam Kỳ, Tân Thế Giới".

Ban Chấp hành Đảng bộ xã Hùng Thắng Cẩm Bình, Hải Hưng: *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ xã Hùng Thắng 1930-1975*, 1991, tr.21.

..."Vụ chết đói hơn 300 người hồi tháng 3 vẫn còn ám ảnh, thiên tai lại ập đến...".

Ban Chấp hành Đảng bộ xã Quyết Thắng, huyện Nam Thanh, Hải Hưng: *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Quyết Thắng 1930-1945,* 1992, tr. 47.

..."Theo thống kê chưa đầy đủ, toàn xã có 605 người của trên 100 hộ chết đói trong vòng 2 tháng (mất 1/4 dân số); có hộ chết đói cả nhà, xóm có nhiều người chết đói như Minh Tân 120 người, Thắng Lợi 112 người, còn rải rác xóm nào cũng có. Một số gia đình chết không sót một ai như gia đình ông Xô ở Tràng Liệt, ông Ọp, bà Mên ở Thúy Lâm. Chết phần lớn không có ván chôn, chỉ có chiếu, có hố chôn hai đến ba người, có những người mẹ đã chết, con còn nhai bú như chị Được, chị vợ anh Kẻm, sau đó những trẻ đó cũng kiệt sức chết theo. Thậm chí chết không có người chôn như ông Đoàn Xuyên ở Tráng Liệt".

Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thanh Sơn, huyện Nam Thanh, Hải Hưng: *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân Thanh Sơn 1930-1954,* 1992, tr. 20.

NAM HÀ

"Nạn đói năm Ất Dậu 1945 này đã cướp đi của Nam Định 212.218 người, Hà Nam 50.398 người, Ninh Bình 37.936 người".

Trích *Lịch sử Hà Nam Ninh*, 1989, t.I, tr. 344-345.

..."Đầu năm 1945, chỉ trong vòng 3 tháng trời, nhân dân ta (Tân Ấp) chết quá nửa người, riêng Xuân Hy chết đói 883/1.650 nhân khẩu, nhiều hộ chết cả gia đình...".

Tổ nghiên cứu lịch sử quê hương: *Lịch sử làng Thi,* 1986, t.2, tr. 103-105.

..."Nạn đói năm Ất Dậu (năm 1945), không có xóm nào là không có người chết đói. Toàn xã chết 865 người. Thôn Đống Xuyên có 266 người thì 111 người chết đói".

Trích *Lịch sử Liên Minh*,1984, tr.43-44.

..."Hai xóm Lâm Thọ và Lâm Quý (nay thuộc xã Giao Lâm, huyện Giao Thủy) có 105 hộ thì 89 hộ chết hết".

Trích *Sơ thảo lịch sử Cách mạng Tháng Tám tỉnh Nam Định,* 1966, tr.31.

..."Chính sách bóc lột tàn bạo của phátxít Nhật đã làm cho hàng nghìn người dân trong xã bị chết đói. Có gia đình chết không còn người nào như gia đình ông Đại, ông Hán, ông Ngũ ở Văn Ấp. Có xóm chết tới 123 người, chiếm tới 55% số dân như xóm Tân Mỹ..." .

Huyện ủy Bình Lục, Nam Hà: *Lịch sử Đảng bộ xã Bồ Đề (1930-1954)* (*Sơ thảo*), t.I, 1985, tr.40.

..."Năm 1944, thiên tai gây ra cảnh mất mùa nghiêm trọng cùng với nạn vơ vét thóc lẫm của phátxít Nhật đã đẩy nhân dân ta vào nạn đói khủng khiếp năm 1945. Riêng ở Mỹ Thuận có 737 người chết đói, trong đó có 33 gia đình chết trụi (trong tổng số 380 hộ có người chết đói)".

Ban Chấp hành Đảng bộ xã Mỹ Thuận (Bình Lục, Nam Hà): *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân Mỹ Thuận (1930-1980) (Sơ thảo)*, 1985, tr.22.

..."Nạn đói năm 1945 đã cướp đi 1.556 người. Bỏ quê hương đi tha phương cầu thực 125 người, có 178 gia đình chết không còn một người, bằng gần 50% số khẩu trong xã".

Ban Chấp hành Đảng bộ xã Hoàng Nam (Nghĩa Hưng, Nam Hà): *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Hoàng Nam (Sơ thảo)*, 1990, tr.18.

..."Nạn đói năm 1945 - đây là tột đỉnh của sự cùng cực. Toàn xã có 241 hộ có người chết đói, có 1.468 người chết đói, trong đó có 82 gia đình chết hết hoặc chỉ còn sống 1 người. Điển hình như gia

đình các ông: Luận, Diệm, Thông (Sĩ Lâm), Chè, Đam, Liêm (Sĩ Hội), Kim, Lập (Văn Giáo)...".

Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nghĩa Hùng (Nghĩa Hưng, Nam Hà): *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Nghĩa Hùng (Sơ thảo)*, 1991, tr.16.

..."Năm 1944, thiên tai xảy ra gây mất mùa nghiêm trọng, đời sống nhân dân điêu đứng. Đã thế phátxít Nhật còn thúc ép bọn tay sai ở An Nội ra sức vơ vét thóc gạo chất đầy kho ở nhà Bá Khoái và đưa đi các nơi. Chúng ráo riết bắt nhân dân phá hoa màu, nhổ lúa trồng đay. Tình trạng ấy đã dẫn đến nạn đói khủng khiếp đầu năm 1945, riêng ở An Nội gần 500 người chết đói, 23 gia đình chết đói không còn một ai...".

Ban chấp hành Đảng bộ xã An Nội (Bình Lục, Nam Hà): *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã An Nội, 1930-1954 (Sơ thảo),* 1986, tr.26.

..."Toàn tỉnh đầu tháng 3 năm 1945 đã có 37.936 người chết đói. Trong đó huyện Gia Khánh có 16.780 người, điển hình là các thôn: Xuân Áng 274 người; Ninh An 363 người; Thư Điền 154 người (ở Thư Điền 19 gia đình chết không còn người nào). Các thôn Cam Giá, Đái Nhân, Quán Vinh, Áng Ngũ cũng là những nơi dân bị chết đói nhiều".

Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Huyện ủy Gia Khánh, Ninh Bình: *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ huyện Gia Khánh, 1929-1945*, 1977.

NGHỆ TĨNH

..."Sự cướp bóc của giặc Nhật đã dẫn đến tai họa là nhân dân Nghệ Tĩnh phải chết đói hàng loạt. Riêng Nghệ An không đầy 3 tháng vào khoảng cuối năm 1944 đầu năm 1945 đã có tới 42.630

người chết đói. Trong số 16.358 gia đình có người chết đói thì có 2.250 gia đình không còn một ai. Ở Hà Tĩnh, riêng huyện Nghi Xuân có 8.161 người chết. Làng Xuân Viên chết đến 1.165 người. Tính từ tháng 5 đến tháng 7 năm 1945, trong số 259 làng đứng lên chống thuế, có 29 làng chống đi phu, 65 làng chống lại chủ trương thu thóc và nhổ hoa màu trồng đay của giặc Nhật, 104 làng kiện hào lý".

Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh: *Lịch sử Nghệ Tĩnh,* 1984, t.I, tr. 421.

..."Cuối năm 1944, hơn 1 vạn quân đội Nhật tràn vào Nghệ Tĩnh và đóng giữ những địa bàn quan trọng ở hai tỉnh. Một loạt chính sách vơ vét, bóc lột của chúng đã được thực hiện. Chúng bắt nhân dân nhổ lúa, ngô trồng đay; trưng mua, trưng thu thóc tạ theo đầu mẫu ruộng đất. Trên mỗi đầu mẫu ruộng đất ở Hội Tâm, Kim Liên, và Vạn Phúc, chúng bắt nhân dân đóng 2 tạ thóc. Thóc gạo ở các chợ bị chúng mua vét. Nhiều hành động tàn bạo của giặc Nhật diễn ra. Một nông dân làng Kim Liên, trong khi chở thóc lên nộp ở đồn, chỉ vì tiếng kêu của xe cút kít khi qua cổng đồn, lính Nhật đã đánh đập người này một cách dã man. Trước cảnh tượng bị đè nén, áp bức như vậy nhân dân vùng Thịnh Sơn lúc này có câu:

Trắng đầu làm tội chưa qua,
Đỏ đầu làm tội bằng ba trắng đầu"

(Trắng đầu chỉ giặc Pháp, đỏ đầu chỉ giặc Nhật)

Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Thịnh Sơn (Sơ thảo). Nghệ Tĩnh: *Đảng bộ và nhân dân xã Thịnh Sơn (Đô Lương),* 1989, t.1, tr.63.

..."Đến đầu năm 1945, nạn đói xảy ra cả miền Bắc và lan đến tận từng xóm nhỏ ở Yên Thành.

Chỉ tính 22 xã trong 33 xã đã có 2.230 người chết đói trong đó có 114 gia đình chết cả nhà.

- Làng Yên Duệ 93 người chết đói, 12 gia đình chết cả nhà;
- Làng Lương Hội 95 người chết đói, 3 gia đình chết cả nhà;
- Làng Yên Xá 26 người chết đói, 4 gia đình chết cả nhà;
- Làng Hậu Sơn 94 người chết đói, 6 gia đình chết cả nhà;
- Xã Bảo Thành 130 người chết đói, 13 gia đình chết cả nhà;
- Riêng xóm giáo Bảo Nhạn có 14 người chết đói...".

Trích *Sơ thảo lịch sử huyện Yên Thành*, t.I. tr.134-135.

QUẢNG YÊN

..."Do chính sách vơ vét của Nhật - Pháp, nhân dân Quảng Ninh trải qua nạn đói có một không hai trong lịch sử. Ở các xã La Khê, Bùi Xá (Yên Hưng) có tới 90 gia đình chết đói, các xã Thạch Hà (huyện Cẩm Phả), Hoành Lỗ (Yên Hưng) bị mất tới hai phần ba số dân...".

Quảng Ninh - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), Nxb. Quân đội nhân dân, 1991, tr.15.

..."Hàng chục ngàn người đã rơi vào cảnh chết chóc thê thảm. Nạn đói hoành hành như vậy, nhưng bọn chủ vẫn bí mật chở gạo, ngô đổ xuống biển hòng dập tắt tinh thần đấu tranh của công nhân. Lính Nhật đóng quân ở Bãi Cháy đổ gạo xuống giếng cho lên men để lấy nước tưới hoa. Có người dân vào vớt gạo bị chúng bắn chết ngay. Đầu đường, cuối chợ, trong hầm lò... đâu đâu cũng thấy

xác người chết đói. Làng Thượng Chiểu, Hạ Chiểu (Kinh Môn), Mạo Khê (Đông Triều) có 4.500 người thì 800 người chết đói. Ở Tiền An (Yên Hưng) có 300 hộ chỉ còn 40 hộ không có người chết đói, chết dịch".

Truyền thống cách mạng phụ nữ Quảng Ninh (1930-1955), Quảng Ninh: Nxb. Quảng Ninh, 1990 (Hội Liên hiệp Phụ nữ Quảng Ninh), t.I, tr.55.

THÁI BÌNH

..."Nhiều làng chết đói từ 50 đến 80% dân số. Làng Sơn Thọ (Thụy Anh) có 1.025 người thì chết đói mất 965 người (79% dân số); làng Thanh Nê (Kiến Xương) có 4.164 người, chết đói 1.854 người... Chỉ trong vòng 5 tháng, số người chết đói trong toàn tỉnh lên tới 280.000 người (khoảng 25% dân số)".

Trích *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ Thái Bình (1929-1954)*, Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Thái Bình, 1991.

..."Từ tháng 3 đến tháng 7 - 1945, dân số Song Lãng chỉ còn một nửa. Hàng trăm người ly tán biệt tích. Riêng nạn chết đói tháng 3, chết dịch tả tháng 7 đã làm chết khoảng 800 người lớn, bé, già, trẻ[1].

Sau chết đói là nạn chết dịch tiếp diễn. Trận chết dịch này làm Song Lãng chết trên 300 người cả nhà nghèo lẫn nhà giàu".

Trích *Lịch sử đấu tranh của Đảng bộ xã Song Lãng (Vũ Thư) (1930-1954),* 1991, tr. 28-29.

---

1. Năm 1945, huyện Thư Trì chết khoảng 45.627 người (Theo *Những sự kiện lịch sử Đảng huyện Vũ Thư,* 1989).

..."Dân số Bình An và Từ Châu lúc bấy giờ có khoảng ngót hai ngàn người thì số người chết chiếm non nửa".

Trích *Lịch sử xây dựng đấu tranh của Đảng bộ và nhân dân xã Hòa Bình (Vũ Thư) 1927-1954,* 1991, tr.80.

..."Nạn đói khủng khiếp kéo dài từ cuối năm 1944 đến tháng 3 năm 1945, cướp đi 672 mạng người, đã làm cho xóm làng xơ xác tiêu điều. Có những dòng họ chết quá nửa, có những gia đình như nhà ông Phạm Liệp, Phạm Tộ chết cả nhà. Nhà ông Ngâu, nhà bà Ngang chết gần hết. Nhà ông Nguyễn Hiểu chết đến 8 người".

Ban Chấp hành Đảng bộ xã Vũ Lăng (Tiền Hải, Thái Bình): *Truyền thống xã Vũ Lăng,* 1988, tr.69.

..."Nạn đói tháng 3 năm 1945 đã làm cho 784 người dân Nguyên Xá bị chết đói. Trong đó nhiều gia đình bị chết hết không còn một ai. Riêng tại địa điểm đình Thượng có tới gần 100 người bị chết đói".

Ban Chấp hành Đảng bộ xã: *Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Nguyên Xá (Vũ Thư), Thái Bình,* 1991, tr.46.

... "Toàn xã đã có trên 1.000 người chết trong nạn đói khủng khiếp này".

Trích *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Tân Phong (Vũ Thư), 1930-1954,* 1991, t.I, tr.16.

..."Nạn đói tháng 3-1945 đã cướp đi của Minh Lãng 1.085 người, trong đó có hàng chục gia đình chết không còn một ai".

Trích *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Minh Lãng, Vũ Thư (1930-1954),* 1991, tr.35.

..."Cả xã Hiệp Hòa trận đói năm ấy có tới 1.358 người chết. Cụ thể ở:

- Phương Cáp chết 479 người.
- An Để chết 690 người.
- Đức Hiệp chết 189 người.

Đau đớn hơn cho số gia đình chết như trên đã có tới 157 hộ chết sạch cả nhà.

Cả xóm Đoàn Kết (trước gọi là xóm Rống) có 81 người nhưng có tới 52 người chết đói (chiếm 64%).

Tính chung so với dân số Hiệp Hòa năm 1945 là 4.418 người thì số người chết đói chiếm trên 30%.

Trích *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Hiệp Hòa (Vũ Thư) (1930-1954),* 1993, tr.28-29.

... Nạn đói tháng 3-1945 đã làm cho trên 3.000 người dân Sương Liễu Trại bị chết đói... Xóm Tây Nam Lân gồm 108 suất đinh, nhưng sau nạn đói chỉ còn 35 suất. Đặc biệt làng Trung Lập có 34 gia đình duy chỉ còn sống sót 6 gia đình.

Trích *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ xã Bình Định huyện Kiến Xương (1927-1954),* 1991, t.I, tr.44.

... "Đói kéo dài từ tháng 10 năm trước đến tháng 5 năm sau... Nạn đói cướp đi các làng trong xã là 5.000 người. Nếu tính cả người do đói phải đi tha phương cầu thực thì số người chết lên đến 1.219 người. Trong khi nhân dân chết đói thì các kho thóc của Nhật đóng chặt để nuôi chiến tranh".

Trích *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ xã Quang Hưng, Kiến Xương,* t.I (1927-1954), 1989, tr.18-19.

..."Dân Trà Giang chết đói tới trên một ngàn người, chiếm 1/3 dân số trong xã, có thôn như Lãng Đông, Dục Dương số người chết đói đến non một nửa".

Trích *Sơ thảo lịch sử đấu tranh của Đảng bộ và nhân dân xã Trà Giang (1945-1954),* 1991, t.I, tr.12-13.

..."Ba làng Dương Liễu, Nguyệt Giám, Tân Ấp có hàng ngàn người chết đói. Riêng làng Dương Liễu có tới 1.050 người chết đói, nhiều hộ gia đình chết hết không còn người nào".

Trích *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ xã Minh Tân (Kiến Xương) thời kỳ 1930-1945 và 1945-1954,* 1990, tr.61.

..."Đỉnh cao của nạn đói khổ là năm Ất Dậu 1945, Kênh Son chết 351 người, có gia đình 6, 7 nhân khẩu chết hết như gia đình bà Cậy, các ông Loan, Khoái, Châu, Thuận, gần một nửa nhân khẩu xóm Chùa đã chết. Tình cảnh rất thê thảm không bút nào tả xiết".

Trích *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ xã Minh Hưng (Kiến Xương) thời kỳ 1927-1954,* 1986, tr.10.

..."Nam Cao chết đói 1.247 người, trong đó có 108 gia đình chết hết. Nam Đường chết đói 545 người, 50 gia đình chết đói cả nhà; Cao Bạt Lụ chết đói 702 người, 58 gia đình chết đói cả nhà".

Trích *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam xã Nam Cao, huyện Kiến Xương,* t.I: *Thời kỳ trước năm 1945 và 1945-1954,* 1988, tr.18.

..."Nạn đói 1944 và tháng 3 - 1945 đã làm cho 1.800 người chết đói (trong đó có 109 hộ gia đình không còn một ai)".

Trích *Lịch sử truyền thống Đảng bộ và nhân dân xã Nam Hà (Tiền Hải) trước Cách mạng Tháng Tám 1945 đến 1954,* 1990, tr.33.

..."Toàn xã đã chết 725 người (gần 30% dân số) trong đó hơn 30 gia đình chết không còn một ai".

Trích *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Đông Cơ (Tiền Hải) 1930-1975,* 1993, tr.18.

..."Chỉ trong vòng mấy tháng đầu năm 1945, cả ba làng của Tây Ninh bị chết đói 1.812 người, trong số đó có 171 gia đình chết hết".

Trích *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Tây Ninh (Tiền Hải),* 1992, tr. 34-35.

..."Đỉnh cao là năm đói Ất Dậu, Trình Phố có 188 gia đình (20% số gia đình trong xã), 2.500 người chết đói (40% so với 5.500 dân)".

Trích *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ xã An Ninh, huyện Tiền Hải, thời kỳ 1925-1945 và 1945-1954,* 1985, tr. 16.

... "Tháng 3 năm Ất Dậu 1945, nạn đói khủng khiếp đã cướp đi 498 người dân ở 195 gia đình trong xã, trong đó có 27 gia đình bị chết hết cả nhà".

Trích *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Quỳnh Thọ (Quỳnh Phụ),* t.I: *Thời kỳ trước 1945 và 1945-1954,* 1992, tr.26-27.

..."Nạn đói tháng 3-1945 đã làm cho 1.336 người dân Hồng Việt bị chết đói (chiếm 45% dân số toàn xã)".

Trích *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ xã Hồng Việt, huyện Đông Hưng (1927-1954),* 1992, t.I, tr.44.

..."Trong vòng 3 tháng, bốn làng chết gần nửa dân số. Nếu tính cả chết no, đói, đói kiệt ăn no ngay sau khi gặt chiêm, chết sốt rét định kỳ con số còn hơn. Xóm giáo Phú Lễ chết quá nửa, dẫn đầu các xóm. Hai làng Đại An, Phù Sa, xóm Ruộng Sâu Phú Lễ, hai xóm Kiều Mộc, Bắc Sơn (La Điền) số chết xếp hàng thứ hai. Hơn 60 gia đình, ít thì 3, nhiều thì 9 nhân khẩu bị tuyệt diệt. Quá nửa

số gia đình của bốn làng chết từ 1 đến 3 người. Lúc đầu chết chôn lẻ tẻ, sau nhiều không kịp chôn, bó chiếu vùi qua loa".

Trích *Lịch sử Đảng bộ xã Tự Tân (Vũ Thư)*, 1991, tr.27-29.

... "1.076 người của trên 300 hộ ở Minh Khai đã vĩnh viễn nằm xuống một cách khổ đau vì sự bần cùng, vì đói khát và 142 người đã phải rời bỏ làng xã vật vờ lang thang cho đến nay không biết sống chết ra sao. Trong số trên 300 hộ chết đói thì 148 hộ chết không còn ai. Đầu đường ngõ xóm, xó chợ, sân đình... đâu đâu cũng gặp xác người còng queo đã chết hoặc đang chờ chết".

Trích *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ xã Minh Khai, huyện Vũ Thư*, 1993.

..."Tháng 3 năm 1945, nạn đói khủng khiếp do phátxít Nhật - Pháp và bọn tay sai phản động gây ra đã làm 280 người Quỳnh Minh chết đói".

Trích *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ xã Quỳnh Minh (Quỳnh Phụ) thời kỳ 1938-1954*, 1986, tr.17.

..."Nạn đói tháng 3 năm 1945 đã làm cho gần 200 người dân An Tràng bị chết đói. Nhiều gia đình chết hết chẳng còn ai như gia đình ông Phạm Y ở Bồi Công, gia đình ông Vĩnh, Phu, Thính ở thôn Thượng".

Trích *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã An Tràng (Quỳnh Phụ)*, 1993, t.I, tr.58.

..."Tháng 3 năm Ất Dậu, nạn đói khủng khiếp và dịch bệnh đã cướp đi 47 người dân trong xã. Trong đó có 3 gia đình chết cả nhà".

Trích *Sơ thảo lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Quỳnh Hải (Quỳnh Phụ)*, t.I: *Trước 1945 và 1945-1954*, 1991, tr.21.

..."Chỉ trong vòng 3 đến 4 tháng, Bách Thuận đã có trên 1.500 người chết. Người chết đói co quắp khắp nơi vệ đường bụi cây, bến đò, góc chợ...".

Trích *Sơ thảo lịch sử đấu tranh của Đảng bộ và nhân dân xã Bách Thuận (Vũ Thư) 1930-1954,* 1990, tr.14-15.

..."Nạn đói khủng khiếp và dịch bệnh đã cướp đi 308 người dân trong xã, trong đó có 18 gia đình chết hết cả nhà".

Trích *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ xã An Quý (Quỳnh Phụ) thời kỳ trước 1945 và 1945 - 1954*, tr.20.

..."Xã Hoàng Diệu chết hơn 1.280 người. Riêng thôn Sa Cát công giáo chết gần 500 người, người dân Hoàng Diệu tận mắt thấy cảnh người ăn thịt người ở gần Cầu Bo".

Trích *Những tư liệu lịch sử truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Hoàng Diệu, thị xã Thái Bình (thời kỳ 1945-1987)*, 1991, tr.15.

..."Từ giữa năm 1944 đến giữa năm 1945, Phú Sơn đã có trên 400 người chết đói. Có những gia đình chết đói cả nhà".

Trích *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ xã Phú Sơn,* t.I: *1945-1954,* 1994, tr.31-32.

..."Chỉ trong vòng hai, ba tháng khoảng hàng trăm người nông dân nghèo lớn bé, già, trẻ của các làng Vô Song, Kỳ Trọng đã chết đói".

Trích *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Đông Hà (Đông Hưng)*, 1994, t.I, tr.36.

... "Nạn đói đã cướp đi 1.087 người của hai làng.... Một số dòng họ cũng không còn người nối dõi".

Trích *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Tây Tiến 1930-1975 (Sơ thảo),* 1993, tr. 63-64.

VĨNH PHÚ

..."Xã Tiền Phong (Yên Lãng) dân số có 4.675, chết đói 549 người; Xã Thanh Lãng (Bình Xuyên) dân số 4.000 chết đói gần 300; xóm Tháp Miếu (Phúc Yên) chết đói 80 người; làng Xuân Phương (Kim Anh) chết đói trên 100 người. Làng Lực Điền (Vĩnh Tường) có trên 50 hộ chết đói 7 người. Tại thị xã Phú Thọ, có ba nơi chôn người chết đói, khu nghĩa địa là một trong ba nơi đã chôn 500 người chết đói".

Trích *Bốn mươi năm hoạt động của Đảng bộ Vĩnh Phú (Sơ thảo),* 1971, tr.38.

..."Theo điều tra sơ bộ trong xã thời kỳ Nhật - Pháp thống trị đã có 11 gia đình phải đi nơi khác kiếm sống, 3 gia đình phải bán con, 45 người bị chết đói thê thảm năm 1945".

Trích *Lịch sử tóm tắt Đảng bộ xã Gia Thanh, Phong Châu*, 1985, tr.8.

..."Riêng xã Bình Dương cũng có hàng trăm người chết đói, có gia đình chết đói cả nhà tới 4, 5 người như ở Đông Viên, Phong Doanh. Hơn 40 gia đình phải ly tán đi kiếm sống ở nơi khác như Đoan Hùng, Lập Thạch, Tam Dương...".

Trích *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Bình Dương,* tr. 10-11.

VII
NẠN ĐÓI DƯỚI CON MẮT CỦA NHÀ NHIẾP ẢNH

"Qua hình ảnh đói

Tôi đã nói: "Vào đây để mà khóc!" Các bạn ơi, còn sự thực nào thực hơn cả một trăm phần trăm hơn những sự thực ghi bằng ống ảnh! Tất cả những thảm cảnh của nạn đói từ tháng giêng đến tháng sáu dương lịch đã được bạn Võ An Ninh lột trần đem bày vào tủ kính giấy bên phải phòng triển lãm.

Các hình ảnh đói ấy đã nói với tôi rất nhiều. Này đây, một dãy nhà của một người nhà quê Thái Bình chỉ còn trơ lại mấy bức tường đất, vì đất không có người mua nên nó mới còn lưu luyến chủ nó. Này đây, một nhà có đủ miếu thờ, bể cạn, cây cảnh, vườn sau, thế mà chủ nó đã bỏ đi tha phương cầu thực, bỏ trống cả sân trước, cả vườn sau. Này đây, một khu chợ điêu tàn không có người đến họp, vì cả làng đã chết đói. Này đây... này đây..., hoang tàn và hoang tàn! Những bức ảnh gợi ra những cảnh phá sản ở những vùng thôn quê Thái Bình và Nam Định đã cho tôi thấy rằng bọn thực dân Pháp, Nhật đã gián tiếp gây ra nạn đói để phá hoại chúng ta một cách mạnh mẽ hơn, ác liệt hơn cả bom lẫn đạn. Và những bức ảnh đàn bà, con gái Thái Bình, Nam Định trần truồng đã tố cáo với tôi rằng tội ác của chúng gây ra, ác trên tất cả mọi tội ác.

Tội ác của chúng còn nhiều, trên khắp hơn sáu chục bức ảnh phóng sự. Trên đường Thái Bình đi Kiến Xương, chỗ nào cũng có trẻ em cha mẹ chết hết, ngồi kêu khóc ăn xin. Rồi lại xác và xác! Đâu cũng thấy xác người! Đây là một khối xương khô của một bà già chết đói ở Lạc Quần (Nam Định). Người chết đói và người đẻ thêm con! Đẻ rồi lại có thêm một cái xác chết nữa! Đây là một người nghèo ở Lạc Quần, đi bộ hàng chục cây số, giữa lúc đang đói và rét, đẻ ở dọc đường. Đứa bé còn đỏ hỏn chết nằm trên bao tải trước mắt người mẹ không còn sức để khóc thương con nữa.

Hết cảnh đói ở vùng quê đến cảnh đói ở thành thị. Đây là những khung cảnh rất quen, tôi đã được trông thấy hàng ngày hồi thành phố Hà Nội nồng lên những mùi thịt thối và mùi người chưa chết nhưng cũng không kém mùi thịt chết. Những đám người đói chui xuống gầm xe bò, cúi xuống mặt đất lấm bùn, vơ quét những hột gạo rơi; những đám người đói xúm quanh một đống rác tìm lương thực, xúm quanh một đống vỏ ốc, mút mút một cách ngon ơ; một người đàn bà đập chuột, vặt lông nướng rồi ăn; ba bố con một nhà nông đi bộ từ Tân Đệ (Thái Bình) lên Hà Nội: Người bố sắp chết, hai con xin được bát cháo đổ cho bố ăn. Và đây là những vết tích ghi thành di hận ngàn đời không quên được tội ác của giặc thực dân Pháp, Nhật. Những cánh tay, những xe bò, những xe cam nhông suốt ngày đi nhặt xác chết để mang xuống Nghĩa trang Hợp Thiện hất như hất rác vào những cái hố dài 50, 60 thước sâu ngập đầu người...".

CÔNG DÂN

Báo *Cứu quốc*, số 132,133,134
từ ngày 3-1-1946 đến ngày 5-1-1946.

PHẦN 3

ĐIỀU TRA THỰC ĐỊA VỀ NẠN ĐÓI NĂM 1945 Ở VIỆT NAM

ĐIỀU TRA THỰC ĐỊA VỀ NẠN ĐÓI NĂM 1945 Ở VIỆT NAM ĐỢT I

THÁI BÌNH

Thái Bình là tỉnh mà *nạn đói diễn ra trầm trọng nhất*. Đây là một tỉnh thuộc miền châu thổ sông Hồng, đất chật, người đông, mật độ dân số hiện nay khoảng 1.000 người trên $1km^2$.

Dưới thời Nhật - Pháp, nhân dân Thái Bình không chỉ bị sưu cao, thuế nặng, bị cưỡng bức cung cấp lúa gạo cho phátxít, mà còn bị Nhật bắt phá màu trồng đay, khiến lương thực lại càng thiếu hụt.

Thái Bình cũng là một trong những nơi nhân dân sớm nổi lên đấu tranh chống đế quốc, phong kiến, cho nên cũng là trọng điểm Nhật - Pháp muốn dùng nạn đói như "cái phanh hữu hiệu" để làm giảm bớt nhiệt tình cách mạng của nhân dân (như âm mưu của chúng đã bị ta phanh phui).

Chọn Tây Lương làm *thí điểm điều tra*, ngoài những lý do trên còn là vì:

- Nơi đây còn có những nhân chứng dủ để tiến hành điều tra theo phương pháp xã hội học lịch sử.

- Nhân dân và chính quyền địa phương coi trọng việc làm đầy ý nghĩa lịch sử này, đã nhiệt tình giúp đỡ đoàn điều tra thực hiện.

TIẾNG NÓI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG

1. Ông Hoàng Văn Cầu (70 tuổi)

Xóm Nam Thọ, thôn Hiên, xã Tây Lương.

"Trước năm 1945, gia đình tôi có 9 khẩu, chỉ có một suất đinh, ruộng công điền (7 sào 2 thước), tôi lên Hà Nội kéo xe tay từ trước năm 1945; Trong thời gian xảy ra nạn đói, dân Tây Lương lên Hà Nội không phải là ít, tôi không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Họ nói với tôi là ở nhà đói lắm, chẳng có gì mà ăn, đến củ chuối cũng hiếm lắm. Họ nhờ tôi kiếm chỗ làm nghề kéo xe thuê, cũng có người bán hết các thứ ở quê để lên Hà Nội, trừ ăn đường còn ít tiền mua xe để hành nghề. Hầu hết là đi thuê xe của người ta. Một số người không thể kéo xe được (đàn bà, trẻ em, người yếu) thì phải vào làng Tám (làng cứu tế), ở đó nó bố thí cầm hơi. Đói quá, chạy xe nhiều khi thở không ra hơi, có khi gục ngã, bị khách đánh. Không ít người chết vì đói, lại có người cả đói, cả bị đánh mà chết. Tôi chứng kiến ông Hoàng Ngọc Nam, mới khoảng 40 tuổi, rất khỏe. Ông Nam lên Hà Nội mua lại xe của người ta để đi kéo xe thuê. Hết tiền, hình như mấy hôm trước ông đã không có gì vào bụng rồi. Hôm ấy ông Nam đói quá liền xông vào cướp bánh mì của một con mẹ đầm ở ngã tư Tràng Tiền để ăn. Mẹ đầm nó kêu ầm lên rồi nó gọi lính Tây lại. Mấy thằng xì xồ chạy đến vây quanh đấm, đá, tát, một thằng to cao ấn ông Nam xuống, cứ thế nó bóp cổ ông, ông Nam giãy giãy rồi gục dần đến chết hẳn...".

2. Ông Nguyễn Khinh (81 tuổi)

Xóm Tây Bắc, thôn Hiên, xã Tây Lương. Trước năm 1945 làm thư ký Hội đồng cải lương dân xã, có một suất đinh, ruộng công 4 sào 4 thước.

"Tôi cho rằng nguyên nhân chủ yếu của nạn đói là do Nhật thu thóc, ngoài ra còn là do mất mùa. Dân làng từ trước đến đó đều trong tình trạng thiếu ăn, phải chạy ăn theo vụ, theo tháng, thậm chí từng bữa một, không có dự trữ, vì thế mất mùa là đói, mà đói thì chẳng trông cậy vào đâu được. Mùa năm 1944, lúa trỗ nhưng không vào mẩy, lúa chín thì lép. Mười ống thóc may ra được một ống gạo gãy, nhưng ăn đắng lắm. Thường thì vụ mùa ở đây chỗ tốt nhất được 7-8 thùng/sào, xấu cũng khoảng 4-5 thùng/sào. Mùa năm 1944, chỉ có ai cấy thóc nếp, thóc tám còn được 7 thùng/sào. Mùa năm 1944, chỉ có nhà giàu mới cấy loại thóc này thôi, chứ thóc tẻ chỉ khoảng 2 thùng trên 1 sào thôi. Việc phá lúa trồng đay có đấy, tôi nhớ cả thôn Hiên khoảng 3 mẫu ở đồng ngoài. Nếu cộng cả thôn Thượng và thôn Nghĩa nữa, cả xã này cũng khoảng không dưới 10 mẫu bị phá lúa đi để trồng đay. Việc thu thóc tạ cũng có, tôi nhớ mức thu khoảng 10 thúng/mẫu, thóc mang xuống nộp ở Trà Lý. Trong làng, họ Nguyễn chết khoảng trên 20 người. Tổng số họ Nguyễn ở Tây Bắc có 16 suất đinh với khoảng trên 60 nhân khẩu, như vậy tỷ lệ khoảng 1/3. So với các họ khác thì họ Nguyễn chết ít nhất. Họ Tô chết khoảng 1/2. Họ Lê chết gần hết, chỉ còn có ông Khoa năm ấy khoảng 18 tuổi. Họ Hoàng cũng chết 1/2. Họ Đặng có 3 suất đinh chết 15 nhân khẩu chỉ còn lại 2 nhân khẩu. So cả xóm Tây Bắc thì chết 2/3. Xóm Nam Thị chết nhiều hơn. Tính cả thôn Hiên thì chết 2/3. Gia đình ông Hoàng Mạnh Tiếp có 8 nhân khẩu (2 vợ chồng ông Tiếp, 2 vợ chồng người em và 4 người con) đều chết cả...".

3. Ông Bùi Văn Sang (69 tuổi)

Xóm Nam Thọ, thôn Hiên, xã Tây Lương. Nguyên Bí thư Đoàn thanh niên cứu quốc, Trung đội trưởng Du kích xã.

"Tôi thấy có Nhật về đong thóc ở Trà Lý, xã Đông Quý, liền kề xã Tây Lương, chánh tổng kêu gọi mọi người ai có thóc thì bán cho quan Nhật, ai không có nó cũng bắt buộc phải bán. Tôi thấy có người chết bệnh ví như cụ Bùi Văn Nuôi, năm đói khoảng 45 tuổi, bỏ làng lên kéo xe thuê ở Hà Nội. Tháng 6-1945 về sống với người chú ở đây rồi bị bệnh tả chết, lúc ấy bệnh tả làm chết khoảng ngót chục người. Cụ Hoàng Văn Kim có 1 suất đinh, ruộng công, nhưng không làm, cho người cấy theo thuế, còn người trong gia đình đi làm thuê cho địa chủ. Tất cả hộ có 5 nhân khẩu (2 vợ chồng, 3 người con gái) chết 4 người, có người con gái cả đi lấy chồng rồi tha phương lên Hà Nội sau cách mạng mới về. Họ Bùi trong làng có khoảng 72 nhân khẩu, có 9 gia đình chết đói cả, khoảng 50 nhân khẩu chết, chiếm 2/3 số nhân khẩu. Cả thôn Hiên khoảng 100 gia đình chết hoàn toàn, ví dụ như nhà ông Bùi Văn Chấc có 6 nhân khẩu chết cả...".

4. Ông Bùi Văn Nhĩ (81 tuổi)

Xóm Nam Thọ, Thôn Hiên, xã Tây Lương. Nguyên Bí thư Nông hội. Phó ban Mặt trận xã Hưng Đạo.

"Tôi nghĩ nguyên nhân chết đói ở đây chủ yếu là do Nhật thu thóc, ngoài ra còn do mất mùa năm 1944. Năm ấy người ta gọi là lúa bị rù (bây giờ gọi là bị rầy). Sáng ra thấy trắng xóa cả lượt. Lúa kém bông, ít hạt mà lép gần hết, nguyên nhân chính, suy cho cùng là do bọn đế quốc,

phong kiến cả. Nó vắt kiệt sức dân, không có dự trữ phòng cơ, lại chẳng quan tâm gì đến nhà nông, nông nghiệp cả, nên đến khi dân mình vấp một cái là bị liền, mà bị rất đau, rất nặng không sao cứu nổi, tôi thấy nhập thóc tạ rất đông ở nhà chánh tổng. Đã quá lâu nên tôi không còn nhớ cụ thể là thế nào, chỉ nhớ có nhiều người phải đi nộp, tôi nhớ có nhiều thóc, hình như cứ từ một mẫu trở lên là phải thu.

Cũng có những nguyên nhân khác, nhưng cá biệt lắm, chỉ một hai trường hợp ví dụ như cụ Nguyễn Văn Ly năm ấy 60 tuổi, làm tuần đinh, gia đình khá giả lắm (có 2 con trâu, 3 mẫu ruộng). Tổng cộng cả gia đình có 16 nhân khẩu vậy mà chết mất 15 người, chỉ còn một người con gái đi lấy chồng là còn sống. Vì sao chẳng rõ thế nào? Cụ đem bán hết cả đồ đạc trong nhà, kể cả chiếc quan tài, để chống đói. Theo tôi là gia đình ăn tiêu không có kế hoạch, không biết dự phòng. Có ít gia đình giàu thôi, giàu lắm cũng chỉ 1 tấn lúa, mà số đó cũng chỉ có 5 gia đình.

Trong làng, họ Bùi có 79 người, chết mất 53 người. Ông Hoàng Bê nhà có 5 nhân khẩu mà chỉ có 1 suất đinh ruộng công phải làm thuê, đơm đó để kiếm sống, tháng 3-1945 đói quá chết cả 5 người. Xóm Nam Thọ chết quá 1/3. Thôn Hiên có 320 suất đinh chỉ còn 130 suất...".

5. Ông Cao Trang (68 tuổi)

Người Trại Cháy (nay là xóm 7), thôn Nghĩa, xã Tây Lương.

"Họ Cao gồm 4 gia đình anh em có 28 nhân khẩu. Gia đình tôi có 7 người (bố mẹ, 3 con trai, 2 con gái), gia đình có đất nhưng phải bán hết. Hết ruộng rồi bán cả 5 gian nhà tre và 10 thước đất được 16 chén gạo, vì thế không còn cách gì để sống, duy nhất chỉ còn lại mình tôi, cả nhà chết (6 người).

- Gia đình ông Cao Găng có 6 người (2 vợ chồng và 4 con) cùng đều bị chết cả.

- Gia đình ông Cao Nhe có 8 người thì chết 7 người (2 vợ chồng, 3 con trai, 1 con dâu, 1 cháu), chỉ còn một người con gái là sống thôi.

- Gia đình ông Cao Hiếu có 7 người (2 vợ chồng, 3 con gái, 2 con trai), thì chết 5 người, chỉ còn 2 người con gái lên Hà Nội bắt cua cá...".

6. Ông Hoàng Ngọc Triu (72 tuổi)

Xóm Nam Thọ, thôn Hiên, xã Tây Lương. Nguyên giáo viên bình dân học vụ, ủy viên Ban Chấp hành Nông hội.

"Trong làng có gia đình ông Hoàng Tung chỉ có một suất đinh ruộng công 7 sào 2 thước. Nhà có hai vợ chồng và 4 con; năm 1945 chết đói cả. Toàn bộ họ Hoàng chết khoảng 50 người trong tổng số 150 người. Xóm Nam Thọ bị chết 40% tổng số người trong xóm. Thôn Hiên chết khoảng 40%...".

7. Ông Hoàng Sử (70 tuổi)

Xóm Tây Bắc, thôn Hiên, xã Tây Lương.

"Gia đình ông Hoàng Văn Sáng có 2 nhân khẩu chỉ có 1 sào ruộng lão. Bà vợ ông là Hoàng Thị Nhớn vì quá đói, khi có lúa do ăn quá nhiều rồi chết bội thực. Ngoài vợ ông Sáng, tôi còn thấy ông Hoàng Bôi, qua đợt đói, lúc có lúa ăn no quá cũng bị chết".

8. Ông Nguyễn Văn Thâu (64 tuổi)

Xóm Nam Thọ, thôn Hiên, xã Tây Lương.

"Năm ấy lúa xấu lắm, không có gạo, ăn chẳng được, nhiều người chết lắm, có gia đình chết mà không ai biết, thối ra chuột ăn... nên nhiều khi cũng chẳng rõ là ai. Họ Nguyễn chết nhiều, có 3 hộ chết hoàn toàn gồm 17 nhân khẩu. Số hộ chết lẻ tẻ thì rất nhiều, khoảng 25 người. Tổng số người chết của họ Nguyễn là 42 người trong khoảng 100 người. Trường hợp ông Nguyễn Văn Tứ

chết đói rất đặc biệt. Kinh tế nhà ông ấy vào loại khá trong xóm, nhưng ông đem bán thóc đi để mua đồ, đến lúc vấp đói, xoay không kịp, gia đình bị đói, cả nhà cùng chết.

Lại có trường hợp như cụ Bùi Văn Thám, năm ấy khoảng 40 tuổi làm nghề thủ cống (coi cống Hoàng Môn) ở trong biên chế nhà nước hẳn hoi, gia đình đói quá, cụ thu xếp cả nhà ra ngoài cống, còn nhà cửa đất đai thì đóng lại. Ra ngoài ấy, cụ vơ vét các thứ để bán lấy tiền, chạy vạy buôn bán lặt vặt ít hoa quả, bánh trái. Nhưng rồi đói quá, cụ bị chết ngoài cống. Chỉ có địa chủ, nhà giàu là không chết, còn ngay một số nhà khá giả cũng chết, nhà nghèo thoát đói hiếm lắm. Trường hợp chết đói nào cũng đáng thương. Nhà ông Bùi Văn Dị có 2 vợ chồng, 2 đứa con, chỉ có 1 suất đinh ruộng công không cấy mà cho người ta cấy theo thuế, cả nhà đi làm thuê (vì không có tiền thuê trâu cày) cứ hết mùa là hết gạo. Năm 1944 mất mùa đói quá, bán cả nhà và 1 sào đất được 200 đồng thì trừ nợ 100 đồng, còn 100 đồng chia đôi, vợ 50 đồng, chồng 50 đồng. Ông bố dẫn cậu con trai đi Hà Nội, nghe nói vào làng Tám rồi sau chết ở đâu không rõ. Hai mẹ con sang nhà ông ngoại cậy nhờ, nhưng người con gái vẫn không thoát chết. Vì bị đói, suy dinh dưỡng, bụng to trướng lên rồi chết. Thế là chỉ có bà vợ của ông qua khỏi.

Gia đình cụ Hoàng Văn Duẩn có 5 nhân khẩu chỉ đi làm thuê, mò cua bắt ốc, chết đói cả nhà, gia đình người em là Hoàng Riếc, chồng đi đánh dậm, vợ mò cua, cả nhà có 5 nhân khẩu cũng chết cả nhà. Hai anh em nhà này là người chết đầu tiên ở địa phương...".

9. Bà Phạm Thị Gái (89 tuổi)

Trại Cháy (nay là xóm 7), thôn Nghĩa, xã Tây Lương.

"Gia đình cụ Hoàng Cốt có khoảng 13-14 người, chết gần hết, chỉ còn 2 đứa con ông Đãi (cháu cụ Cốt) đi Hà Nội kiếm ăn nên thoát chết, nay không rõ ở đâu...".

10. Bà Nguyễn Thị Giang

"Năm ấy bố tôi có một con thuyền, khi dân ra cướp thóc của Hội Thùng, nó cứ đổ vạ cho thuyền của bố tôi ăn cướp nên nó bắt. Có một ông bác không chạy được vì ốm, nó bắt lên thì ông ấy tự tử. Bố tôi trốn, nó bắt bà mẹ tôi nó đánh, lúc đó nhờ có thuyền mà cứu đói được gia đình tôi. Ông bác tôi là Nguyễn Văn Điện thì chết cả gia đình...".

11. Bà Hoàng Thị Điệu (Phạm Thị Gái - 89 tuổi)

Năm 1945 tôi đã 31 tuổi, nhà tôi chết 4 người (bố mẹ và 2 em). Ông nhà tôi, con trai, con dâu lên Hà Nội thì còn sống, ông tôi ở nhà cùng bố và cô tôi cũng đã bị chết. Cụ Khôi chết mất 2 con trai, 2 con gái, 2 ông bà. Anh chồng nhà tôi (ông Hoàng Hiệu) chết 5 người (2 ông bà và 3 đứa con từ 6 đến 15 tuổi). Nhà tôi bán 7 sào ruộng tư điền, tiền tôi buộc vào dải yếm cứ mỗi ngày đong miệng ống gạo, thái củ chuối trộn vào. Nhà có 7 người (2 vợ chồng và 5 đứa con) chúng tôi cố sống cho qua ngày.

Ông Hoàng Cốt có 2 ông bà ngoài 60 tuổi, 3 con trai, 2 con dâu và 6, 7 đứa cháu đều chết, 2 cô con dâu sau này chết không ai biết. Ông nhà tôi ra đồng thấy họ chết mới cho một chút gạo bảo nấu cháo rồi ra đồng chôn. Cháu cụ Cốt là Hoàng Đãi, 2 vợ chồng đều chết, 2 đứa con đi Hà Nội thì thoát chết. Nhà cụ Cốt chết tiệt cả.

Gia đình ông Ty (hình như cũng họ Hoàng), hai vợ chồng với đứa con còn nhỏ, ông ta cũng ở xóm này, chết cả nhà...".

12. Ông Hoàng Bảo (72 tuổi)

Xóm Cháy (Đông Hưng).

"Ông Cao Nhang có 2 vợ chồng, 3 con trai, 1 con gái, 1 con dâu, 1 cháu ngoại, chết 7 người.

Ông Cao Văn, 2 vợ chồng, 3 con chết hết.

Ba gia đình: Ông Cao Găng, Cao Nhe, Cao Ánh chỉ còn 1 con trai, 1 con gái.

Nhà tôi chết 14 người, còn mỗi mình cụ tôi và tôi (số chết là: 3 con trai, 2 con dâu, 6 cháu, 1 thím dâu, 2 người em).

Cụ Cao Yến có 5 con và 2 bố mẹ chết hết chỉ còn 1 người.

Cụ Hoàng Kình trưởng tộc chết hết (2 ông bà, 4 người con). Ông Kình em chết cả nhà (2 vợ chồng, mẹ, em gái, chị gái, 5 con). 2 gia đình 16 người chết không còn một ai. Gia đình ông Sầu chết 2 vợ chồng, 4 con, 1 em trai; chết 6 còn 1 con trai (ở Hà Nội đi lang thang xin ăn)...

13. Ông Bùi Thọ Tỵ

Nguyên Phó Chủ tịch tỉnh Thái Bình.

"Nạn đói ở Thái Bình thật là khủng khiếp. Người đi ăn xin rất đông, chỉ còn da bọc xương. Từ đầu thị xã về đến nhà thờ, đầy mộ chôn người chết đói. Chết không ván chôn, chỉ lấy dây buộc cổ lôi ra. Cảnh mẹ chết con bé không biết gì cứ nhay vú rồi lăn ra khóc lả đi mà chết cũng có. Nhà tôi là nhà buôn bán nên không bị đói. Có nhà thì chạy lên Thái Nguyên, Tuyên Quang tìm khoai sắn, cũng chết. Xóm tôi có 20 gia đình thì có 5 gia đình có người chết đói (khoảng 15 người). Ông Nhân (không nhớ họ), ông Dẹo có 2 người con, 1 con dâu, cả nhà có 5 người đều chết hết...".

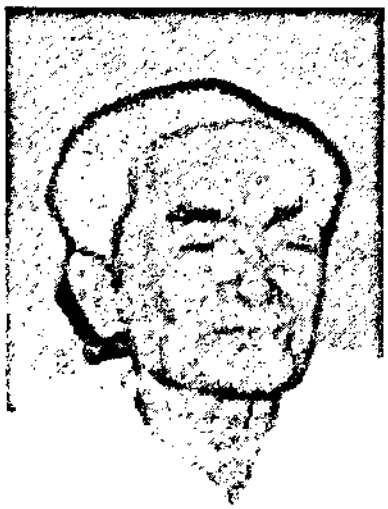

14. Ông Giang Đức Tuệ

Nguyên Chủ tịch tỉnh Thái Bình.

"Tỉnh này có 28 vạn người chết đói. Quê tôi là thôn Phú Viên, xã Mỹ Lộc, chết gần nửa dân số. Gia đình tôi lúc bấy giờ phải chạy đi Hà Nội, hàng ngày phải ăn cháo cám, mà cám không phải nguyên chất mà còn pha thêm mùn cưa. Gia đình ông bác họ tôi có vợ, con dâu chết phải bó chiếu khiêng ra vệ ruộng lấp đất. Cứ mỗi

người chết, người chôn được xóm cho 1 đồng bạc, đến ông Đáy cũng chết như vậy. Con gái ông Đáy cũng tản cư đi các nơi không thấy trở về. Một số gia đình như ông Tâm, ông Thái, bác Trực chết cả nhà. Ở đấy có ông tên là Nhật chuyên đi chôn người để sống. Nhà ông Tôn chết cả nhà, người ta đốt nhà và vùi người vào đó. Năm ấy tôi tổ chức một cuộc cứu đói ở Hà Nội, ông Mai Văn Hàm là Chủ tịch Hội cứu đói ở Bắc Bộ, tôi lấy một cái giấy của ông Hàm về đi qua Thái Bình, đến vay một nhà địa chủ, ông ấy không cho vay, tôi bèn tổ chức phá kho thóc nhà ông ấy. Tôi lấy những người có sức lực, cử ra 12 người, trong đó có 1 thợ mộc để phá khóa cho dân xúc thóc. Tin ấy bay đi, dân mấy xã trục đường 39 kéo ra mấy nghìn người. Nhà có thóc chống đối ghê lắm, họ dùng gạch đá, giáo mác chống đối nên không vào được. Ông Mạch còn có sức xông vào, nhưng người trong nhà không dám đâm. Mấy mẫu khoai lang ở xung quanh bị dân đói nhổ hết lên, nhưng khoai lang năm ấy không có củ... Thôn tôi hầu hết ăn cháo cám, có người mua cám, lấy trộm của Nhật một nắm gạo giấu dưới cám, thằng Nhật khám thấy nó bắn chết luôn.

Năm 1943, Nhật chủ trương vơ vét thóc. Thái Bình tổ chức được mấy vụ phá kho thóc của Nhật để tự cứu lấy mình. Thái Bình lúc đó có ban "Chấn chỉnh phong trào" mà nhiệm vụ chủ yếu là cứu đói, phá kho thóc của Nhật, nhờ đó mà cứu được một số dân bị đói. Tôi chỉ nhớ phá kho thóc làng An Lão bấy giờ thuộc xã Phong An, chặn mấy đoàn thuyền của Nhật ở sông Luộc. Năm ấy rất rét, cứ mỗi buổi sáng là hàng đoàn xe bò đi nhặt xác chết, vì ban đêm người bị đói lại bị rét nên chết rất nhiều. Người chết được xếp vào các hố lớn như xếp cá hộp, đổ vôi bột rồi lấp lại. Đó là cảnh chết đói ở Hà Nội...".

15. Ông Hoàng Văn Thìn (80 tuổi)

"Chết nhiều nhất là nhà bà Tô Thị Thủy gồm 19 người (vợ chồng Khôi, vợ chồng Tí, vợ chồng Như, vợ chồng con nhà Nghênh,

con nhà Tí, con nhà Khiêm, nhà Khôi, 1 người đi mất tích, cháu thì nhiều không nhớ hết).

Gia đình bà Măng có 3 người, chết không còn ai (Nguyễn Thị Măng và 2 cô con gái là: Hội lớn, Hội con).

Gia đình ông Hoàng Khối có 6 người chết ngay tại nhà (hai vợ chồng, 4 người con). Những gia đình này đều có ruộng công, mỗi suất đinh được 6 sào nhưng bán đi chỉ cấy vài sào. Tháng ba ngày tám thì đi kéo xe ở Hà Nội lấy tiền nuôi con.

Ông Hoàng Rục: Gia đình chết 8 người (2 vợ chồng, con trai và con dâu, 3 đứa con gái, 1 cháu), nhà có 2 mẫu công điền bán hết, đi làm thuê, bố làm tuần đinh chết vụ chiêm tháng 3 vì đói. Tháng 3 là tháng chết nhiều nhất, tháng chạp chết ít hơn .

Ông Hồ Trứ chết 2 vợ chồng và 1 con trai 18 tuổi...".

16. Ông Nguyễn Thanh Vân

Nguyên Trưởng ban Nghiên cứu Lịch sử tỉnh Thái Bình.

"Từ đầu năm 1944 trở đi, Nhật, Pháp tăng cường vơ vét của cải, thóc gạo. Thông qua Pháp, Nhật bắt nhân dân Thái Bình nhổ lúa trồng đay. Mỗi làng ở Thái Bình phải trồng từ 3 đến 5 mẫu đay, làng nào có hoa màu phải trồng từ 5 đến 10 mẫu. Việc thu thóc đầu mẫu cũng tăng theo lũy tiến. Hộ nào cấy từ 3 mẫu trở lên đều phải nộp cho Nhật, mỗi mẫu một tạ (chúng có trả tiền nhưng rẻ hơn giá thị trường nhiều lần). Ngoài việc thu thuế, chúng còn thông qua bọn cường hào lý dịch vơ vét thóc ngoài chợ phục vụ cho chiến tranh. Ở Thái Bình có hai tên nổi tiếng là Nghị Lộ và Hào Thùy đứng ra thầu mua thóc cho Nhật, chúng cũng kiếm lời được kha khá. Nhất là sau vụ mất mùa cuối năm 1944, tổng số thóc thu được trong tỉnh không đủ

nuôi dân trong hai tháng, trong khi ấy sưu thuế vẫn không giảm. Mất mùa cộng với chính sách vơ vét thóc gạo đã làm cho giá thóc tăng nhanh từ 15 đồng lên 20, 30 rồi 60, 70 vọt lên 80 đồng một thùng, gây rất nhiều khó khăn cho dân. Có thể nói lúc đó thóc ở Thái Bình tập trung hầu hết trong các kho của Nhật; ngay cả địa chủ, số thóc còn lại cũng không nhiều, do đó không phải chỉ nông dân chết đói mà ngay cả địa chủ cũng có người chết đói vì họ đã đem thóc bán rẻ để mua đồ đạc, đến khi hết thóc bán đồ đạc không ai mua. Sau vụ thất bát, giá thóc tiếp tục tăng, nông dân gặp khó khăn, phải ăn rau má, củ chuối thay cơm. Rồi những thứ này cũng kiệt, có tiền cũng chỉ đi mua cám về nấu cháo (gọi là cám, nhưng thực ra là cám trộn trấu, thóc nếp giã nhỏ, đôi khi còn trộn cả mùn cưa). Đến lúc đói quá mà tiền cũng hết thì phải bán nhà, vườn, bán cả đồ thừa tự tổ tiên, có thể nói cái gì có thể bán được là bán, cuối cùng hết cách, đành chết đói trong cảnh khốn cùng.

Nạn đói ở Thái Bình kéo dài trong 7 tháng từ đầu năm 1945, nghiêm trọng nhất là từ tháng 3 đến tháng 6 và kéo dài đến tháng 7. Trong thời gian này, có khá nhiều người chết tại địa phương. Những người còn sống thì kéo nhau ra chợ, đường cái, chợ Bo, thị trấn và các vùng khác, miễn là có thể tìm được miếng ăn, nhưng rồi đại bộ phận họ cũng chết tha phương. Họ chết không kịp chôn, ruồi bọ, kiến, chim muông đến rỉa xác thối rữa. Việc chôn người chết đói trông vào những người tuần đinh được thuê. Bụng họ cũng đói meo, sức lực cũng cạn kiệt, chỉ có thể đào hố nông, kéo người chết ào xuống, có người còn sống cũng vẫn phải bị chôn. Ở gần biển, người chôn đã cào xác xuống biển làm mồi cho cá.

Theo thống kê thì thời kỳ này toàn tỉnh Thái Bình chết đói 28 vạn người, chiếm 25% dân số toàn tỉnh. Chết nhiều nhất là huyện Kiến Xương, rồi đến Tiền Hải, Vũ Thư, Thư Trì, Thái Ninh, cuối cùng là Đông Hưng, Quỳnh Côi, Phụ Dực, Hưng Hà, Thái Thụy.

Có làng chết đến 45%, thậm chí có làng tới 70%, như làng Thượng Tầm, bây giờ là xã Đông Hoàng, 4.000 dân chết 2.000 người; làng Thượng Thọ (Thái Ninh, Thái Thụy) dân số là 1.205 người, chết 956 người, như vậy tỷ lệ là 76,48%; làng Thanh Nê (Kiến Xương) có 4.164 người, chết mất 1.854 người; xã An Ninh (Tiền Hải) có 5.500 người, chết 2.500 người (trên 45%); xã Trà Giang (Kiến Xương) có 3.000 người, chết 1.000 (trên 30%); xã Đông Hoàng (Đông Hưng) có 4.000 người, chết 2.000 (chiếm 50%); xã Sơn Thọ (Thái Thụy) có 1.205 người, chết 956 người (chiếm 79%); xã Tây Ninh (Tiền Hải) có 3.624 người, chết 1.812 (chiếm 50%); xã Hồng Việt (Đông Hưng) có 2.950 người, chết 1.336 (chiếm 45%); xã Bình Đinh (Kiến Xương) có 6.000 người, chết 3.000 (chiếm 50%); xã Nam Hải (Tiền Hải) có 2.746 người, chết 1.873 (chiếm 50%)...

Trong số những xã trên, có nhiều gia đình chết cả nhà, thí dụ ở xã Tây Ninh có 171 hộ chết cả nhà.

Xã Nam Cao quê tôi có 2 thôn: Nam Đường và Cao Bảng. Nam Đường chết 545 người, 52 gia đình chết hết. Thôn Cao Bảng chết 702 người, 58 gia đình chết hết. Toàn xã có 4.256 người, chết 1.217 người (chiếm 28%), trong đó có 108 gia đình chết cả. Xã tôi đất hẹp người đông, nên chết nhiều. Xã An Quý (Quỳnh Phụ) đất rộng, ít dân hơn, nên chết ít, toàn xã có 308 người chết và chỉ có 18 gia đình chết cả. Xã Minh Hưng có làng Cây Xan chết 351 người, có gia đình 6, 7 người cũng chết hết, như nhà bà Cậy, ông Loan, ông Khoái, ông Chân, ông Vọng... Có xóm như xóm Chùa, một nửa chết đói. Làng Cây Xan trước cách mạng có 300 suất đinh, với 1.000 nhân khẩu, như vậy là bị chết đói hơn 1/3. Làng này chủ yếu là tư điền (360 mẫu) nhưng tập trung vào tay địa chủ 250 mẫu, còn lại là của nông dân, công điền chỉ có 6, 7 mẫu, trừ các loại thần từ, phật tự, còn lại chia cho dân mỗi người chỉ được 7 miếng, do ít ruộng nên chết đói nhiều, ngược lại có làng nhiều ruộng như Minh Châu mà vẫn chết.

Theo tôi, nạn chết đói không chỉ vì nhiều ruộng hay ít ruộng, mà còn vì sưu thuế cũng làm cho dân lao đao. Thuế đinh 2,5 đồng, nhưng thực tế thu 3,5 đồng, có nơi còn thu 3,5-4 đồng/suất (tương đương 140-180 kg thóc), tính ra một suất ruộng công không đủ tiền đóng sưu. Còn tô tức thì không phải ở mức như thế, mà cũng chiếm tới 2/3 mức thu nhập của nông dân, còn thuế có ba loại nhất, nhì, ba, mà bọn địa chủ cường hào thì không phải đóng như thế, nông dân cày ruộng xấu mà phải đóng thuế cao. Thuế đinh, thuế điền, tô tức là những thòng lọng buộc vào cổ nông dân, cộng với chính sách thu mua, vơ vét thóc gạo, gặp nạn đói kém mất mùa thì nạn chết đói xảy ra là không thể tránh khỏi. Sau vụ chiêm năm 1945, tình trạng ô nhiễm môi trường nặng nề, bệnh dịch phát sinh kéo theo một số người chết. Khi có lúa ăn, mức sống thay đổi đột ngột, số người chết bội thực cũng không phải là ít. Nhưng nhìn chung do lao động sút kém nghiêm trọng nên vụ chiêm năng suất lúa cũng chẳng được là bao và nạn đói vẫn tiếp diễn.

Phong trào cứu đói ở Thái Bình khá sôi nổi, lôi kéo được đông đảo giáo viên Hội Truyền bá quốc ngữ, Thanh niên cứu quốc và ngay cả công chức, nhà giáo, thành phần trung gian, mà cả các tầng lớp trên cũng tham gia. Cứ buổi trưa, họ quyên gạo, củi, xong rồi nấu cơm nắm lại đưa cho người bị đói. Quỹ cứu đói đã quyên góp được 30 tấn thóc, xin Khâm sai Phan Kế Toại được 100 tấn. Ngoài ra Việt Minh còn tổ chức nhiều đợt cướp kho thóc, thuyền thóc của Nhật, của nhà giàu chia cho dân. Thí dụ như vụ cướp thuyền thóc của Nhật trên sông Luộc, phá kho thóc ở Đồng Tâm (Kiến Xương). Trong vụ này, các đồng chí Nguyễn Lạc, Thanh Tú... đã mở khóa kho thóc để chia cho nông dân. Ở Hưng Nhân (Hưng Hà), ở An Lão (Vũ Thư) đã vận động nhân dân đến đấu tranh với Hàn Huệ buộc phải chia thóc cho nông dân. Sau đó Việt Minh còn vận động một số nhà giàu cho dân vay thóc như: Trần Khánh Nam cho vay 80 thúng, Lý Trí cho vay 20 thúng.

Cùng với việc cứu tế, Việt Minh còn vận động nhân dân chống nhổ lúa trồng đay. Thằng Nhật cũng rất láu cá, ở ven sông Luộc có những xã như Quỳnh Lang, Nghi Phú, Lễ Đồ, Hợp Tuế,... Bãi Đông Khê là một bãi đất rộng, người ta thường trồng ngô, lúa để cứu đói những lúc giáp hạt. Nhật buộc nhân dân vùng này phải phá hoa màu, trồng đay, lạc, vừng. Nếu trồng đay thì Nhật phải trả chi phí ít. Cơ sở Việt Minh đã vận động nhân dân kiên quyết chống lại. Nhật đã lập ở đây một trạm có 6, 7 thằng Nhật và 1 thằng Việt gian để buộc dân làm theo ý chúng. Nhờ phong trào đấu tranh mạnh, địch không dám khủng bố, cuối cùng ở đây dân vẫn duy trì được việc trồng lúa và ngô...".

TIẾNG NÓI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG

1. Ông Phạm Gia Mỹ (60 tuổi)

Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam.

"Khi xã chủ trương cho xây dựng chợ ven biển ở khu vực bãi tha ma cũ của làng (ông Mỹ gỡ tấm bản đồ mang ký hiệu F.48-118 do Phòng bản đồ, Bộ Tổng tham mưu vẽ, chỉ cho chúng tôi vị trí của khu vực đó là ô 79/90), tôi cùng một số anh em nhận việc di chuyển hài cốt để lấy mặt bằng làm chợ. Trong số những hài cốt dời đi, tôi xác định có 207 bộ hài cốt là người chết đói. Đó là những hài cốt nằm chung một hố được vùi lấp qua loa, hoặc là những hài cốt ở các tư thế nằm sấp, nghiêng, ngồi co quắp không được chôn cất theo nghi thức bình thường. Có không ít những hài cốt vẫn còn cả sợi dây thép dùng để kéo, quẳng ra bãi". Theo ông Mỹ, lô đất mà các ông đã đào chỉ là một phần của bãi tha ma cũ. Phần lớn của bãi tha ma cũ bây giờ nằm ở phía ngoài đê. Ra quan sát thực tế, hỏi trẻ em, các em nói ở bãi biển còn nhiều xương sọ lẫn trong bùn...

2. Ông Ngô Quang Phong (68 tuổi)

Nguyên Đại úy công an nghỉ hưu.

"Ngày ấy tôi làm nghề chở xe ngựa thuê cho chủ. Người chết đói nhiều quá. Những nhà chết hết hoặc những người chết không còn thân nhân, hoặc những xác chết ngoài đường, ngoài chợ... lý dịch phải thuê xe, thuê người nhặt xác mang ra bãi tha ma. Thật thương tâm, có người còn chưa chết hẳn, nhưng không nói được,

không cử động được nữa cũng bị vứt lên xe mang ra bãi đẩy cả xuống hố. Thương nhất là một lần có người còn nói được, tôi ngồi trên xe còn nghe thấy giọng nói yếu ớt từ trong mấy xác chết ở thùng xe rên rỉ: "Tôi vẫn còn sống, đừng vứt tôi ra bãi". Nhưng khi xe ra đến bãi tha ma, tôi ngó vào thùng xe thì không thấy ai còn sống nữa...".

3. Ông Nguyễn Văn Lừng (70 tuổi)

Thương binh trong kháng chiến chống Pháp.

"Tôi chứng kiến tận mắt nhiều gia đình không còn ai. Trong họ tôi, nhà ông Vông có 6 người chết cả 6, nhà ông Nhân có 7 người chết cả 7. Nhà ông Hàm, nhà bà Bản, nhà bà Cường mỗi nhà có 5 người đều chết cả. Nhà tôi 7 người, chết 5. Hai cha con tôi còn sống được vì thấy trong họ ngoài làng chết đói nhiều quá đã bỏ nhà đi làm thuê cho Nhật ở sân bay...".

4. Bà Phạm Thị Nụ (74 tuổi)

"Ở xóm tôi, nhà ông Thìn những 7 người, nhà ông Mấu 5 người đều chết cả. Còn gia đình tôi (bà òa lên khóc) 7 người, chỉ còn một mình tôi sống sót...".

5. Ông Mai Văn Đôn (72 tuổi)

Nguyên là Phó Chủ tịch xã.

"Sau trận đói năm Dậu, làng tôi vợi hẳn đi, không mấy nhà không có người chết. Những người sống sót cũng không ra hình người, còn sức đâu mà đi biển nữa. Trong làng người còn thưa thớt. Ngoài mặt biển không một bóng thuyền. Lắm đêm nằm không ngủ được, tôi cứ mong một tiếng chó sủa cũng không có.

Còn những trường hợp chết đói, hôm nào các anh làm bản thống kê tôi sẽ đọc cho mà ghi, rồi hỏi lại con cháu nhà người ta hoặc hàng xóm xem có đúng không. Tôi nhớ cũng không mấy sai đâu. Làng này bấy giờ họ Trần có 2 nhà. Nhà ông Trần Văn Tăng thì bà Hoa đã nói rồi. Còn nhà ông Xá có 6 người chết 4. Ông bà Xá quanh năm đi làm thuê, đội đất đá, 2 cô con gái còn sống sót, đi lưu lạc, đến nay cũng không biết ở đâu.

Họ Phạm cũng chết nhiều. Nhà ông Thanh 6 người, nhà ông Tư 3 người, nhà ông Tằng 6 người, nhà ông Nhân 7 người đều chết cả. Nhà ông Lợi 7 người chết 6. Nhà ông Ngự 3 người chết 2. Hai nhà này, mỗi nhà còn một cô con gái sống sót, rồi đi đâu không biết nữa. Nhà ông Vượng 6 người chết 5. Nhà ông Huỳnh 5 người chết 3. Nhà ông Viền có 3 người chết cả 3.

Họ Bùi: Nhà ông Kẹo 2 người, nhà ông Tiện 6 người chết cả.

Họ Nguyễn: Nhà ông Phú 4 người, nhà Lưng 5 người, nhà ông Huế 9 người, nhà ông Thuận 2 người, nhà ông Phú 5 người, nhà ông Túc 4 người đều chết cả.

Họ Đống, họ Ngô, họ Đào, họ Đặng... (xem *Bảng thống kê*).

Họ Mai của tôi toàn làm nghề đi biển nên cũng bị chết nhiều. Chết cả nhà có nhà ông Thưởng, 5 người.

6. Bà Ngô Thị Toan (76 tuổi)

Nhớ lại nạn đói năm 1945, bà Toan không cầm được nước mắt...

"Tôi cứ tưởng là bây giờ nhờ ơn Đảng và Chính phủ, dân ta đã no đủ rồi còn ai hỏi đến nạn đói năm Dậu nữa. Họ Ngô tôi ở làng này đã ít lại bị chết đói mất đến quá nửa. Cứ nghĩ đến cảnh chết thê thảm năm ấy, tôi không cầm được nước mắt, các anh đừng cười người già mau nước mắt. Các anh có hỏi về những nhà chết hết tôi biết có nhà ông Lộ 6 người, nhà ông Thuần 7 người, nhà ông In 4 người đều chết, chẳng còn ai mà hương khói nữa. Sau

Tết năm ấy tôi cứ nghĩ làng này có lẽ sẽ chết bằng hết. Số người chết mỗi ngày một nhiều. Những người chết trước còn được chôn cất tử tế. Sau chết nhiều quá, rồi người sống cũng kiệt dần không còn sức đâu mà đào huyệt nữa. Người chết chỉ được bó chiếu vùi lấp qua loa...".

7. Ông Phạm Văn Khả (76 tuổi)

Gia đình tôi, cả bên nội và bên ngoại đều chết đói gần hết. Ông nội tôi là cụ Phạm Văn Kính, bấy giờ bố mẹ tôi đã ra ăn riêng, còn lại 4 người: Ông bà và cô chú tôi đều chết đói. Ông bà bên ngoại tôi, nhà 6 người thì 4 người chết đói. Bấy giờ người chết đói quá nhiều, lý dịch trong thôn, xã phải thuê xe ngựa nhặt xác ở các ngõ, ở ven đê biển mang ra bãi vùi lấp qua loa cho quạ khỏi rỉa. Họ dùng dây thép, thừng lôi xác từ các nhà ra xe. Bấy giờ đói quá rồi chẳng nghĩ gì, nhưng sau nạn đói còn sống sót, nhớ lại mà rùng rợn, nghĩ mà đau xót cho thân phận người dân nước mình...".

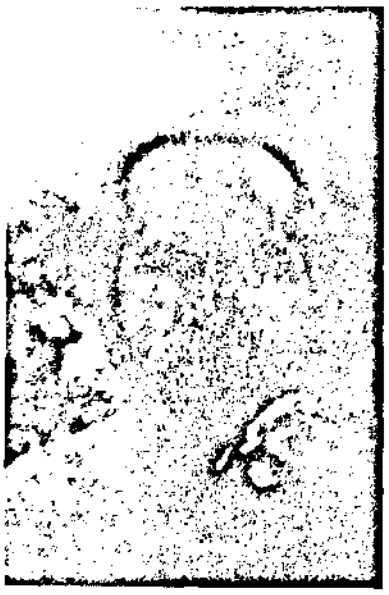

8. Ông Nguyễn Văn Đấu (58 tuổi)

"Tôi là người duy nhất trong gia đình còn sống sót đến hôm nay. Nạn đói đã làm cho ông bà, bố mẹ, các chú bác, anh chị em tôi đều chết...".

9. Ông Phạm Văn Cẩm (67 tuổi)

Nguyên là Chủ tịch xã.

"Người ta lả đi mà chết, héo đi mà chết, gục xuống mà chết. Những em bé ngắc ngoải mắt nhắm nghiền lại, nằm trên tấm xác gầy guốc của người mẹ đã chết, rồi cũng xỉu dần mà chết. Có đứa trẻ còn cố sờ tìm núm vú đã teo đét của người mẹ để ngậm, mong được giọt sữa, nhưng khốn nỗi, có sữa nữa đâu mà bú. Có đứa trẻ còn thoi thóp đã bị vứt lên xe ngựa cùng với người mẹ đã chết để hất ra bãi tha ma. Trong nạn đói, trẻ em đã phải chịu những cái chết thê thảm nhất, đã gây cho tôi những ấn tượng đau đớn nhất...".

TIẾNG NÓI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG

1. Ông Nguyễn Trung Hùng (60 tuổi)

Xóm Đình

"Năm 1945, tôi đã 11 tuổi. Hoàn cảnh gia đình tôi hồi đó mẹ tôi làm nghề hàng xáo nên không chết đói. Riêng gia đình tôi và một số gia đình khác làm nghề hàng xáo thì sống qua được, như nhà bà Lình, bà Đào, bà Dương... tất cả 5 nhà. Nhận lúa của một thương gia buôn bán ở Vinh đem về xay giã rồi nhập gạo cho họ. Mình chỉ được hạt tấm, hạt bãy mà ăn. Mấy nhà có người làm công nhân Trường Thi cũng không bị chết đói. Còn công nhân các nhà máy diêm, gỗ thì chết, vì các nhà máy ấy đóng cửa.

Làng tôi ít ruộng đất, lại tập trung vào mấy địa chủ, nhất là mấy địa chủ lớn ở Vinh. Đa số dân ở đây đi làm thuê công nhật ở Vinh. Đàn bà thì làm nghề chằm tơi. Khi đói xảy ra, không ai thuê làm nữa, tơi cũng có lúc bán được, lúc không bán được. Thành ra dân bị chết nhiều. Cạnh nhà tôi như ông Từng chết 3 mẹ con, ông Dương Bình chết 2 ông bà và 4 đứa con. Mấy đứa còn sống như Dương Anh, Dương Nuôi lưu lạc. Họ mới tìm được mộ bố mẹ năm ngoái do người làng còn nhớ và chỉ cho.

Khi viết lịch sử xã, tôi và ông Thi đã lập danh sách người chết đói. Hầu hết người chết đói là không có ruộng đất, toàn đi làm thuê. Đa số chết trong làng. Có người chết không ai biết, bị thối

rữa mới biết. Bãi tha ma chôn người chết đói ở gần xóm chợ Trường Thi".

2. Ông Nguyễn Văn Tỉnh (72 tuổi)

Xóm Đông, phường Hưng Dũng

"Năm 1945, gia đình tôi có 4 người, ruộng nhà có 2 sào, cày rẽ một mẫu rưỡi, nghề phụ làm tơi. Do nhân khẩu ít, toàn là người lao động, sản xuất tốt nên cũng có cái ăn, cái để hơn, có dự trữ hơn so với các gia đình khác trong xóm, nên không ai chết đói. Trong họ cũng có nhiều gia đình chết đói. Nhà Thông 5 người chết 5, nhà Thuận 4 người chết 4, chết cả nhà. Lúc đó anh em cũng khó có điều kiện giúp nhau. Ai cũng cố lo sao cho mình khỏi chết đói. Bản thân tôi lúc đó thì đêm chằm tơi đến 2 - 3 giờ sáng mới thôi. Sáng ra đưa lên chợ Vinh bán. Người ta mua tơi để chôn người chết.

Những gia đình không ruộng đất và đông người thì chết nhiều. Ruộng đất làng tôi cánh đồng tàu bay có 336 mẫu. Gọi là cánh đồng tàu bay, vì năm 1927 Pháp cướp làm sân bay. Chúng xây dựng được mấy năm. Sau đó sân bay dời ra Nghi Lộc. Chúng bán lại ruộng đất. Bọn địa chủ, nhà buôn ở Vinh bỏ tiền ra mua. Dân làng phải cày rẽ. Đa số là không có ruộng đất. Một số nhà có đất tư, nhưng rất ít. Võ Hoành Tân 1 sào, Nguyễn Đức Hán 5 sào, Nguyễn Trung Bồi 2 sào, Nguyễn Thế Ngang 4 sào, Dương Kha 1 sào, Nguyễn Đình Ân 3 sào, Võ Tấn 1 sào.

Vụ mùa năm 1944, lúa mới cấy tốt lắm. Nhưng sau bị hoàng trùng, rồi lụt, nên mất mùa nặng. Những nhà cày rẽ thu hoạch được bao nhiêu phải nộp tô nên chết đói. Có gia đình ông Nguyễn Đình Lâm đói quá, vợ chết nằm trên chõng, chồng cũng ngã luôn rồi chết.

Việc phát chẩn có tổ chức tại Bến Thủy, nhà Vạn Te, có người đói chưa nhận được nắm cơm phát chẩn đã chết. Có người đi dọc đường đã chết. Chùa Tạp Phúc cũng phát chẩn cơm. Người chết đói ở chợ Vinh, ở thành phố Vinh nhiều lắm. Người ta đưa xe bò đi nhặt về chôn ở hầm Săngta (Săngta là tên một bà người Tây, làm sở chăn nuôi, lò mổ, đào một cái hầm để bỏ xương súc vật). Hầm có tường xung quanh, khoảng 1 mẫu ruộng. Người chết kéo xuống đó chôn luôn. Hiện nay chỗ đó đã san ủi, làm thành bến than".

3. Ông Nguyễn Công Thức (70 tuổi)

Xóm Trỗ

"Hồi đó tôi đã đi làm thợ lục lộ ở Trường Thi, xây dựng các nhà cho chủ Tây. Lúc đó trong thành phố có nhiều người chết đói, Tây dùng xe bò bánh sắt đi nhặt người chết đem chôn ở nhà Săngta. Tôi đi làm thấy rất nhiều xác chết trên dọc đường. Có người chết bị diều quạ móc mắt, rỉa thịt, sợ quá. Trong làng tôi cũng có nhiều người chết. Nhất là xóm Đông. Như Lê Bá Chuông, Võ Đình Hồ, Lê Thạc, Nguyễn Văn Ngân, Nguyễn Công Duyệt, Nghi, Nguyện, Thuận, Thông, Văn, Lệ, Hồ, Thạc, Minh, Tài, Phổ, Chuân... Hầu hết người chết chẳng có quần áo gì, chôn trần. Cũng có người được bọc vào tơi, hoặc bì gai, chiếu. Đào sơ rồi chôn. Lúc đầu còn sắp người xuống hố, quét vôi trắng, đắp 2 tấm lá cót trở đầu đuôi rồi lấp lại. Về sau, người chết nhiều quá chỉ nhặt xác đổ xuống hố rồi vùi đất lên.

Ở Sở Vạn, chùa Tạp Phúc có phát chẩn. Nấu cơm nắm thành cục. Có người nhận được, có người không nhận được, người khỏe cướp cơm người yếu. Hồi đó tháng giêng, tháng hai, rét lắm. Người còn sống lột lấy manh áo của người đã chết để che thân".

TIẾNG NÓI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG

1. Ông Tạ Bá Lẫm (78 tuổi)

Người làng Khả Lý Thượng. Ruộng có 2 mẫu, là người tham gia viết sử Việt Yên.

"Tôi là Tạ Bá Lẫm, 78 tuổi ở thôn Khả Lý. Thời Pháp thuộc, làm hộ lại.

Năm 1943, lý trưởng làm thùng thóc 2 đáy, thu thóc của dân tăng lên, dân phản ứng, tôi cùng Chánh Ấm kiện, lý trưởng bị cách chức.

Chúng *bắt phá lúa trồng đay* - đời sống nhân dân nói chung, trừ nhà có năm, ba mẫu trở lên, còn hết sức cơ cực. Người chỉ còn xác, da thịt nhăn nheo.

Diện tích có hơn 100 mẫu, *chúng bắt nhổ 6 mẫu ở đồng Ngang, 16, 17 mẫu ở đồng Sau*, như vậy lương thực bị thiếu hụt... Cuối năm 1944, bọn tay sai Nhật như tên Ngôn về thu thuế, ngoài thuế chúng còn thu và để lại 4 tạ gạo xay, 3 cót thóc tẻ gửi các gia đình mà chúng bỏ quên, lúc đảo chính, Việt Minh vào lấy thóc đó để cứu đói.

Tri huyện Trần Đình Đại bắt tôi lên huyện để *kết tội cướp thóc của Nhật*, cũng ngày đó ở thôn Mi Điền - *Nhật bắt người, treo cổ lên cây đa đầu làng*. Có mấy năm lý trưởng thông báo bắt dân bán thóc "đảm phụ quốc phòng" chúng rút thóc của dân: Cũng là nguyên nhân gây nên chết đói năm 1945".

2. Ông Chu Bá Quán (60 tuổi)

Người làng Khả Lý Thượng. Trước cách mạng không có ruộng đất, đi làm thuê và đi ở cho địa chủ.

"Lúc bấy giờ tôi còn ít tuổi. Ra đường phải quấn áo bao tải. Ngay xóm tôi chết ông Chu Bá Cừu - phải ăn cháo cám, đói rét. *Đói sinh ra bệnh dịch*. Có gia đình chết 2 người. Bà Sán gia đình chết 2 người. Tôi thường xuyên phải ăn cháo cám. Ông Chu Bá Nhiên, Chu Bá Cừu chết. Xóm có 60 hộ, có 10 hộ có ruộng, còn lại đòn gánh trên vai, nên đói rách, ngoài bãi chết nhiều. *Phátxít Nhật bắt trồng đay cho nó*, xóm này cũng trồng, trong làng ít hơn".

3. Ông Trần Văn Tịch (78 tuổi)

Người làng Khả Lý Thượng. Trước cách mạng không ruộng đất, đi ở cho địa chủ. Là người lãnh đạo nhóm cứu tế.

"Dân số bấy giờ khoảng 200 hộ. Số người giàu, địa chủ (lớn) chiếm ruộng đất cao nhất có người 30 mẫu, còn ít hơn 10-15 mẫu. Trung nông tạm đủ ăn, chiếm 20%. Tuy có ruộng nhưng vẫn không đủ ăn. Còn dân đi làm thuê, làm mướn ăn vay của địa chủ có thể chiếm đến 30%. Hàng năm đi ở mùa 3 tháng chỉ đủ đóng suất thuế thân 3 đồng, làm suốt 3 tháng mới được miếng cơm.

Người có ít ruộng làm thuê lặt vặt, hàng xáo, v.v. không có việc, đời sống thường thiếu thốn.

Ruộng rất xấu, mỗi sào Bắc Bộ chỉ thu hoạch 50 - 60kg, là trung nông nhưng vẫn phải đi vay. Hồi Nhật - Pháp, phần lớn đi tha phương cầu thực, tôi và anh tôi gánh chậu từ Thổ Hà lên Thái Nguyên, Đại Từ... đổi thóc. Lúc đó *phátxít Nhật bắt nhổ lúa trồng đay* (nhổ ruộng màu). Tôi có ông anh trưởng làm rất cực, phơi ngâm, tuốt (đay) làm không sạch nó không nhận. Do trồng đay, ruộng đã xấu lại càng thiếu (thóc ăn) cộng vào đó *Nhật thu thóc* nên đời sống càng gặp nhiều khó khăn, phần lớn lên nhà cứu bần, một số người chết ở đó... không nhớ hết được, ông Quynh... mấy ông chết hết... ông Ngõa v.v.. Gọi là cứu bần nhưng chỉ bố thí sống qua ngày, chết ông cụ đẻ ra ông này, có ông chú tôi chết đói - chết nhưng phải cáng từ Thái Nguyên về, giả làm người ốm... Con ông Tần hàng ngày xuống ao mò ốc để ăn qua ngày. Về số người chết, chúng tôi có hai cái cầu. Hôm nào cũng có người chết, nơi nhà tôi trước có cái điếm không ngày nào không chôn cất người chết đói, nhớ không hết, điếm là điếm Ngọ Đình trước nhà tôi.

Quân Nhật đảo chính, *địa chủ Ngôn đứng thầu mua thóc chở đi*, chúng tôi đuổi theo giữ lại, còn lấy đi mất bao nhiêu chúng tôi không biết. Lúc bấy giờ dân đau, ức - dân làm đơn kiện, địa chủ Ngôn bị cách chức...".

4. Ông Trần Văn Năm (70 tuổi)

Người làng Khả Lý Hạ. Trước cách mạng không có ruộng đất, đi làm thuê. Là cảm tử quân tham gia phá kho, cướp thóc chia cho dân.

"Tôi chứng kiến ở Điếm cửa đình (trước nhà ông Tịch) chết 10 người, cửa chùa 8 người chết đói - đây là năm 1945. Chết chôn chả có ván lạt gì cả - phiên tuần khênh đi chôn. Dân ở đây lên Thái Nguyên chết 8 người - hai vợ chồng ông Tú Nhất,

ông Quynh, bà Sen, một số người nữa. Ruộng đất, cụ Tịch nói rồi. Có gia đình chết đói 5 người là gia đình cụ Ngàn 2 vợ chồng, 2 đứa con, 1 người đi ở. Cụ Tục có 3 bà cháu, 1 bị chết, có nhà 1 người chết, lẻ tẻ lâu ngày chả nhớ được. Nó tàn phá rất ác... bắn đại bác chết hai vợ chồng anh Tý, Niên và 5 đứa con nhỏ. *Trồng đay 15 mẫu*. Có ai cứu trợ gì đâu. Thằng Trần Đình Đại về phát chẩn ngô thối mỗi gia đình vài bơ...".

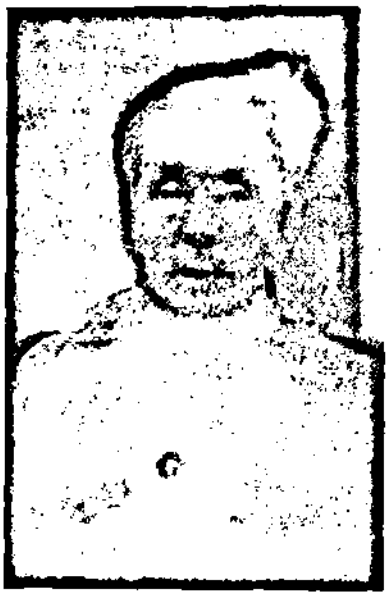

5. Ông Nguyễn Ngọc Bích (76 tuổi)

Người làng Khả Lý Hạ. Đi ở, làm thuê không có ruộng đất, là người đã trực tiếp tham gia chôn cất người chết đói trong làng.

"Tôi được biết từ năm 1944 - 1945, *thời kỳ trồng đay ở đây - bán cho nó - thu chưa hết thì lại phải thu thóc cho nó*. Hội đồng kỳ hào thu - đổ ra sân đình 3 gian nhà đầy. Ông cụ nhà tôi, ông Trần Văn Bằng, Trần Văn Mộc, khi thấy chúng đang chuyển thóc đi, các cụ vận động dân ra giữ lại, trả lại cho chủ hộ là cụ Ngần, sau chuyển đi đâu không rõ, nhưng ở chỗ nhà ông Bình cũng san sẻ cho mỗi người một ít, một ít nấu cơm cho số canh gác... cứu trợ được một số gia đình. Gia đình tôi có một phần, cụ Mộc cũng có...".

6. Ông Tạ Văn Giám (86 tuổi)

Người làng Khả Lý Hạ. Trước cách mạng không có ruộng đất, đi làm thuê. Riêng gia đình cụ có 3 người chết đói năm 1945. Là người sống sót duy nhất của gia đình sau nạn đói.

"Nhật sang, quân Pháp đóng ở đâu, nó ở đấy. Một đêm nó lật Pháp, Nhật đô hộ, bắt *dân trồng đay làm dân cực khổ* (khóc).

Bấy giờ anh em nhà tôi: Nhà tôi 3 người chết đói (khóc): Văn Thản, Văn Cường, Thị Càng... rồi ông Thản, bà Nhàn, thằng Lu, tôi biết ai tôi cứ nói.

Ruộng tôi có vài mẫu, trước nghèo sau mua được ruộng thì ruộng xấu, nhà vẫn nghèo. Nó bắt phá ruộng để trồng đay, phải đem sang cân ở đình Hồng Mai.

Nhật - Pháp *ở đây bắt dân phá ruộng trồng thầu dầu, bắt phá ruộng trồng đay*, không làm nó đánh. Bắt trồng bao nhiêu, phải trồng, phải chịu. Nó còn bắt làm đường, đắp đê, mỗi ngày *phát cho vài lạng gạo - đói tranh nhau đi làm - đói, khổ cực* - tôi biết đến đâu nói đến đó. Dân nơi khác đến lại đi.

Lúc bấy giờ cứ lấy rau bắp cải băm, luộc lên trộn ít bột gạo làm bánh ăn, mua bã đậu về ăn, ăn cám,... ăn cốt lấy no, người cứ meo vào anh ạ. Không có ruộng nếu ai không đi tha phương thì phải làm cho địa chủ. Cực nhất thời Pháp, rồi sang thời Nhật, đi phu nó đánh, có thương mình đâu, nó lấy thóc, bắt trồng đay, làm sao mình không đói...".

7. Ông Chu Quang Phụng (68 tuổi)

Nghề chính của tôi là làm ruộng, có 2 sào không đủ ăn phải đi làm thuê.

"Chính bản thân tôi cũng đi trồng đay cùng gia đình. Chỉ biết làm - chứ thu hoạch như thế nào - gia đình nếu trông chờ vào đấy thì không sống được. Ruộng dân ít, nhà tôi phải trồng 2 sào, do Nhật bắt trồng. Dân như cây gỗ tròn, bảo gì làm nấy, biết không ăn, nhưng bắt làm phải làm. Được 1, 2 tháng sau, buổi chiều và đêm, có từng tốp đói kém cướp bóc..., người phải chạy, người phải giữ nhà. Lúc ấy ta chưa cướp chính quyền. Dân rất nhục. Sau đó dẫn đến nạn đói năm

1945 - lương thực không có. Dân không những chết ở nhà, ra đường, có từng đoàn ba, năm người chết chóc vì đói kém.

... Chết đói: Ông Phán, ông Cừu: 2 ông bà; ông Năm (lấy bà Cau) chết ở nhà thờ, theo tôi biết có 3 người, chết đi chôn về sợ không dám đi chôn nữa, ngày nào cũng phải đi chôn. Dân làng (Khả Lý) có 200 hộ chỉ 10% có ruộng. Ngay xóm này chỉ 3 nhà có ruộng. Bà Loan 5-6 mẫu. Ông Quyên có đến 10 mẫu, bị phá sản, ông sau bị điên, không quy địa chủ được. Trong 1 xóm đông như vậy, nhà có 3 mẫu và con bò là khá giả. Địa chủ 5-10 mẫu. Bà Giỏi 4 sào 1 nhân khẩu, nông dân bình thường chỉ 2 sào...".

8. Ông Chu Bá Hoan (77 tuổi)

Làm ruộng là chính, năm 1944 bị bắt đi lính cho Pháp, đủ ăn, tham gia du kích từ năm 1945.

"Năm 1944, lý trưởng bắt tôi *đi lính Pháp*, ngày xưa, người nghèo xung phong đi, nhưng nhà tôi khá, chúng bắt đi để đòi tiền. Ngày 26-2, Nhật đảo chính, bắt đi lính, tôi đóng ở Đáp Cầu, bị quân Nhật bắt *để 3 ngày bỏ đói, nó bảo ai đi lính cho nó, nó cho ăn*. Tôi không đi vì nhục nhã. *Ai không đi thì nó bỏ tù, tôi bị tù 1 tháng, rồi vượt rào bơi qua sông về*. Khi về, tôi ra chợ Nếnh, hai bên đường gốc cây đa có 2, 3 người chết. Gốc cây nào cũng có người chết (không nhớ tên được). Lúc đó lộn xộn, vô chính phủ, láo nháo. Dân anh nào mạnh, là nổi lên cướp. Lúc đó tôi 25, 26 tuổi, không hiểu cách mạng, nhưng họ rủ vào - một số anh em khỏe mạnh nhập vào ban tự vệ để bảo vệ làng chống cướp. Ông Lý Dùng đón ông thầy về dạy võ, tôi theo. Năm 1945 thì bị đói đến chết, chết do dịch, do đói. Một cụ vào nhà tôi đói há mồm. Ngày xưa đi ăn xin thì đứng ở cổng lạy, nhưng ông này không thấy lạy, mà đứng há mồm, tôi đang cho lợn ăn, múc một môi cám. Ăn xong cụ mới nói được. Các bờ bụi không có rau má, ăn rau má thì mới sống, không chết; ăn các thứ linh tinh chết. *Nó đánh người buộc hai ngón chân cái treo*

lên. Quân Nhật bắt nhổ lúa trồng đay - quân Nhật thu thóc, thu thuế nộp cân tại thuyền. Đến cuối năm 1945, mình chống lại do có Việt Minh.

Chợ Nhã Nam, hầu như khi tan chợ ít nhất có 20-25 người chết, họ hất xuống hố, chôn đau lòng, xót ruột. Ở ngoài đường nhựa chưa chết, nhưng chỉ sau một vài tiếng chết gục ở gốc cây. Trời tháng 2 còn lạnh, quần áo không có, ba, bốn người gục vào nhau mà chết. Một số người đi mò ốc, ăn đổ vỏ đầy đến tận miệng (hố sâu 1 - 2m).

Chứng kiến bà cụ bới tìm ăn lại, rồi chết. Ông Câu chết kiến bò đầy người...".

9. Ông Lê Duy Phong (67 tuổi)

Người làng Khả Lý Thượng, Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu. Trước cách mạng không có ruộng đất đi ở cho địa chủ.

"Quyết liệt nhất là cuối năm 1944, một cổ hai tròng, Nhật - Pháp tranh nhau vơ vét, thu thuế, thóc, dân rất nhục. Nhật ngoài việc tranh với Pháp, nó bắt dân phá lúa, phá hoại hoa màu trồng đay, làm nguyên liệu và làm dây thừng... dân rất khổ. Tháng 3-1945, dân không có cơm ăn, đi nhặt rau má, không phải nhổ mà đi rẫy, đấy là người còn có sức, đến lúc hết thì đi ăn xin, ăn mày, xin cám chứ không dám xin cơm. Xin cám cũng không được, người ăn xin nhắm người bán mật, thục tay vào mật không phải để ăn mà để dúng tay vào thúng cám dính được nhiều cám để ăn. Ngày có 10-20 người dựa vào cột chợ chết. Tuần phiên cho người đào thùng chôn cả đống. Dân cùng cực cho nên Cách mạng Tháng Tám nổ ra, dân vùng lên mạnh mẽ.

Phía Đáp Cầu có kho thóc, Pháp biết Nhật lật, *mang thóc đổ xuống sông*, dân đói nhưng chúng đổ thóc xuống sông hủy hoại, làm cho người dân cùng kiệt không có cái gì để sống. Đỉnh cao là năm 1945: Phátxít Nhật tàn ác, đi đến đâu, dân khiếp, nó ra oai. *Đi đến đâu là chúng thả lừa ngựa ra tha hồ ăn lúa, phátxít Nhật dùng nhiều ngựa, nhưng dân không ai dám động vào.*

Vào làng không nghe tiếng chó kêu, mèo kêu. 2 giờ sáng vác đòn gánh đẩy xe đi rồi, đi lang thang kiếm ăn, 10 giờ đêm mới về. Dân không có gì để bán, chủ yếu bán sức lao động. Dân chủ yếu đánh xe cút kít bánh gỗ - gọi là xe cút kít vì không có ổ bi - nên đẩy nghẹ cút kít. Phátxít Nhật nó ác như thế này: Đi sớm *Nhật cấm không cho đi, hết giờ nghỉ mới cho đi* (vì tiếng cút kít làm nó không ngủ được), lúc nó cho đi thì chợ hết người, bán củi cho ai?

Cái cánh đồng này phátxít Nhật bắt phá lúa trồng đay. Ruộng màu trồng *thầu dầu*, (ruộng) trồng khoai lang, những diện tích này bắt *nhổ trồng đay* (phải mất 1/3). Ông anh họ tôi chết vào thời kỳ đó...".

10. Ông Đỗ Văn Di (70 tuổi)

Người làng Khả Lý.

"Phátxít Nhật bắt nhổ lúa trồng đay, tiền thì không trả, nhưng bắt nộp đay cho nó mang sang Hoàng Mai. Nhật bắt nhổ hai cánh đồng khoảng 16 mẫu. Ở Khả Lý Hạ, dân độ 60 hộ, đại bộ phận dân nghèo, đại bộ phận đi xe cút kít mua củi Nhã Nam về Đáp Cầu, Bắc Giang bán kiếm ăn. Địa chủ lấy hết. Cụ Chuông chết đói, cả cụ Khánh...".

Cụ Đồng (vợ ông Di) kể: "Có ít cà chua cụ sang chơi ăn hết, sau đó chết đói, khổ ơi là khổ. Nhật thu thóc để vào 2 nhà: Nhà cụ Tái, nhà cụ Đồng. Đến năm 1945, ta rục rịch nổi dậy vào phá kho chia cho dân nghèo. Lúc đảo chính, thằng Ngôn còn thóc để ở 2 nhà, ta phá. Tất cả bà con đều được phát. Cụ Lẫm ở tổ chức phá kho thóc.

Ông Mốc hai mẹ con chết đói năm 1945, mẹ con bà Búp, bà cả Vẹn, nhà ông Xếp, anh Bảo, ông Thu chết hết. Cô Thi, bà mẹ sống được, ông Thân có ông anh, cô con gái (bị chết đói). Ông Bút Thân, anh Bắc sống do đi làm cho Tây, quét doanh trại. Ông Trì, ông Lượng nhà hai anh em yếu không làm được, không có ai nuôi. Gia đình tôi ở làng khác, chết 5 người: Bà Quỷnh và mấy em. Năm 1945, gia đình ông Xếp chết mấy người, bà mẹ chết dịch, ông cụ Nếnh chết dịch. Cụ Đinh, ông Ninh, cái Nương đều chết, thằng Đạt chết tháng 3-1945.

Đi bán củi về khuya bị Nhật đuổi đánh, 10 giờ đêm mới về, 3-4 giờ sáng lại đi, có hôm bán không được ế, đêm để vệ đường. Quân Nhật đi tuần thấy là đánh. Ông nhà tôi đi bán con chó về nó đánh gần chết".

(Ông kể): "Tôi bị hai trận đòn, vác cuốc đi cuốc tổ chuột, nó (Nhật - thằng Giama): Bảo trốn phu, nó đánh bằng hèo, bằng báng súng, giờ còn đau. Đi bán con chó về, về cầu ngã tư, tụi Giama đứng đón để bắt. Về đến đó, Nhật bắn một người đang cày gãy cày. Tôi đi sau nó cứ bắn chung quanh người, may mà không chết. Nó gọi, gió to, không nghe tiếng, nó cho một thằng lính xuống bắt lên. Bán con chó được tám chục, không dám đút túi áo, cho vào bao xác gạo, nó đốt cháy tất. Thằng Giama cứ thế đánh, hỏi bằng tiếng nó, thằng dịch lại bảo: *Mày đi tiếp tế cho Việt Minh*. Nó kề súng vào mang tai, thằng đội bảo mày im, không nó bảo mày chửi. Nó đẩy ngã rồi quật bằng báng súng, rồi giày đinh nó dận, lòi cả nước... ra, sau đó nó bắt lên Phú Lâm đi phá lúa trồng đay, không làm nó đánh...".

TIẾNG NÓI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG

1. Ông Nguyễn Khắc Chín (77 tuổi)

Xóm Lai, thôn Dương Húc, xã Đại Đồng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc. Không có ruộng, làm mướn quanh năm. Năm 1945 vì đói, không có ai mướn, cả nhà chết đói 7 người.

"Mẹ chết: 23 tháng chạp. Anh là Nguyễn Khắc Phấn làm thuê ở Bố Hạ về không kịp nhìn mẹ chết. Anh thứ hai là Nguyễn Khắc Năm làm thuê ở Lạng Sơn, ốm, vợ đưa về đến Từ Sơn, 27 tết thì chết.

Mồng 1 Tết vợ tôi là Nguyễn Thị Nhung và 1 đứa con trai lên 3 tuổi cũng bị chết.

Ông Phấn (anh cả) về làm ma mẹ xong, đến 12 tháng Giêng thì chết. Người vẫn nóng mà mềm như dưa, thế mà chết. Anh thứ ba của tôi là Nguyễn Khắc Lưu lên làng Mỗ, nơi tôi đang làm thợ xây, vay 1 gánh thóc gánh bộ về xay cho các cháu ăn qua ngày. Bà vợ ông Lưu đi mót ngô được một nắm về để nấu cháo ăn qua ngày. Tôi cũng bị ốm, không có thuốc tưởng chết. Gia đình tôi và mấy ông anh, tính ra 7 người chết. Chị dâu họ chết hôm 29 Tết, ông Hạ chết mồng 1 Tết. Ông Chanh chết (anh ông Hạ) phải mua chịu ván ở Dũng Vi về để chôn. Không có dầu đèn gì. Tôi, ông Mạch và một người nữa khiêng ông Chanh. Khiêng đến đầu cổng làng gặp một người nữa, khiêng ra ruộng đào vội huyệt nông còn hở cả ván, lấp vội rồi chạy về.

Chiều trong làng không có tiếng người, không có tiếng chó sủa, đường vắng tanh...".

2. Bà Nguyễn Thị Chốc (tức Mạch - 90 tuổi)

Xóm Lai, thôn Dương Húc, xã Đại Đồng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc. Không có ruộng, làm mướn quanh năm. Từ mồng 1 đến 17 tháng Giêng chết cả chồng và con, 7 người. Gia đình 10 người còn lại 3 (bà Chốc, con gái thứ ba và út).

"Chồng tôi là ông Mách chết đói, không có tiền phải cạy gạch ở sân bán lấy tiền mua ván, còn đều phải bó chiếu. Các con là Mạch, Hoàn, Nghĩa, Hột, Dung, từ 1 đến 17 tháng Giêng chết 7 người cả chồng cả con, còn 2 con gái. Tôi sinh 8 người con, chỉ còn đứa thứ ba và đứa út. Cứ mỗi ngày 1 người chết: 21, 24 tháng chạp, 12, 14 tháng Giêng. Chồng con chết hết, còn 3 mẹ con. Bà con trong xóm vận động đi chợ, mua 1 đấu cám về nấu cháo, chín rồi đổ cám lên ăn.

Cả làng ăn cháo cám. Làng có khoảng 40 nóc nhà. Không ai ra ai vào. Vừa ốm dậy đã đi mò ốc bán mua ngô về nấu cháo. Con lớn đào củ rau má về luộc, mỗi người sét bát. Tết xong mới chết, từ 30 tháng chạp đến 20 tháng Giêng chết nhiều nhất...".

3. Ông Nguyễn Mậu Hân (76 tuổi)

Xóm Đa, thôn Dương Húc, xã Đại Đồng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc. Đã chứng kiến tận mắt nạn đói năm 1945.

"Ruộng đất cả thôn Dương Húc chỉ vào tay một số người. Hầu hết đi làm mướn. Muốn cho vay, người ta phải nhìn vào ruộng, có ruộng mới được vay. Khoảng 1940 - 1941, ở đây đã có cơ sở cách mạng. Khoảng năm 1944, Nhật bắt dân nhổ màu trồng đay.

Tháng 2-1945, phátxít Nhật thu thóc của dân, ta chủ trương phá kho thóc chia cho dân nghèo, đến tháng 8-1945, ta giành lại chính quyền, nhưng nhân dân vẫn thiếu thốn. Quần áo ít, bà Chốc có một váy vá mụn nọ chồng mụn kia, hoặc váy bao tải. Ốm, thuốc không có. Chập tối còn chơi với nhau, sáng mai đã chết. Chết bắt đầu từ tháng 10-1944 đến tháng 8-1945. Có người chết không có ván, bó chiếu lôi xềnh xệch. Anh em không chứa được nhau. Ngày chết 12 người, xóm Đa và xóm Tờ chết nhiều nhất...".

4. Ông Nguyễn Duy Nhi (75 tuổi)

Xóm Viên, thôn Dương Húc, xã Đại Đồng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc. Đã chứng kiến họ hàng chết nhiều trong nạn đói năm 1945. Ông chú ruột và bà thím chết cách nhau 2 ngày (ông Nguyễn Duy Thứ), có 4 người con chết cả 4. Nhà ông chú họ 6 người chết 3 người. Ông này chết no vì bội thực (ăn một lúc 4 bát cơm xay). Đã chứng kiến Nhật thu thóc về tập trung ở đình làng và cụ cũng là một trong những người tham gia phá kho thóc năm 1945.

"Ông chú tôi (Nguyễn Duy Thứ) chết không kịp nhìn vợ con. Chôn chồng xong chưa kịp ăn ốc vặn, bà vợ vài hôm sau chết. Không có quần áo, váy bao tải. Gia đình ông chú họ chết 3 người, gầy giơ xương, không ngồi được vì xương mông dô ra. Ông hàng xóm nhà tôi chết còn 2 bà vợ sống lay lắt đến 2 tháng mà không chết. Tôi lên 7 tuổi đi ở 4 chủ. 20 tuổi mới về lập gia đình. Ông chú họ tôi ăn 4 bát cơm xong, bội thực mà chết.

Nhật mua thóc dồn về đình (trường học làng Húc) cạnh giếng đình. Tôi rủ được mấy người là ông Bốn (làng Phong), ông Dị (xóm Tự), ông Dâu (xóm Viên), đạp cửa chớp, tôi cầm mác gác, mấy người tháo cửa chớp, để ở đầu bờ ở ao đình. Hôm sau, ông chánh

Huân và cụ Phác định gọi dân chia thóc thì gặp lính phủ Từ Sơn về bắt hai ông lên phủ. Chúng tôi định đánh tháo, nhưng chúng bắn súng, chúng tôi phải chạy. Mãi sau này lên lấy thành Bắc Ninh mới cứu được hai cụ ra. Cụ Huân làm chánh tổng được ông Trường Chinh giác ngộ, làm chủ tịch lâm thời xã. Cụ Phác hoạt động mạnh ở vùng này. Thóc này là thóc Liên đoàn do bà giáo Mai đứng ra cân cho Nhật. Chúng tôi chỉ lấy được 2 tạ chia cho anh em dân nghèo ăn. Lúc đó dân đã bắt đầu đói khoảng 70%. Năm 1942, tôi bắt đầu tham gia dân quân. Ông Trường Chinh về thường ở xóm Tờ, tôi thường đi gác các ngả. Họp ở nhà ông Tổng Lại, anh cụ chánh Xuân...".

5. Ông Nguyễn Ngọc Đắc (65 tuổi)

Xóm Phan, thôn Dương Húc, xã Đại Đồng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc. Chú ruột cụ là Nguyễn Ngọc Lượng, gia đình có 6 người chết đói cả 6. Cụ còn nhớ hầu hết các gia đình trong xóm bị chết nhiều như cụ Cúc, cụ Nguyễn Tôn Đài (5 người chết), cụ Bơ ổi (4 người chết 3), v.v. và cả những gia đình chết hết (9 gia đình).

"Người nhiều nhất vài sào, sản lượng kém, đa số không ruộng. Năm 1945 lụt, mất mùa, ăn rau má củ chuối. Ông chú tôi là Nguyễn Ngọc Lượng gia đình có 6 người chết cả; ông Nguyễn Ngọc Cúc khỏe mạnh thiếu lương ăn, 2 người chết cả; ông Phan 5 người chết cả; ông cụ Bơ Ổi 2 vợ chồng 2 con chết 3 còn 1; bà Thưởng chết cả 3 người. Còn gia đình có 1 - 2 người chết thì nhiều. Ông Nguyễn Ngọc Lượng con đem mẹ đi chôn chưa kịp, lại được báo là 1 ngày chết 3 người. Con đầu chết, chôn xong, lại con trai thứ hai chết. Gia đình này 7 người chết cả. Có 4 ông khỏe mạnh chuyên đi chôn người chết là: Tham, Bảng, Hồi, Sáu. Đầu

tháng 2, ông Bảng chết. Có 9 gia đình chết hết cả: Tôn Đài 5 người; ông Thưởng chết cả; ông Tình chết cả; ông Chánh chết cả...".

6. Ông Nguyễn Đức Đàn (85 tuổi)

Xóm Tờ, thôn Dương Húc, xã Đại Đồng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc. Đã chứng kiến 5 gia đình chết khoảng 20 người trong thời gian không đầy nửa tháng. Chết ngay trong ngày tết là những ngày đáng ra là vui nhất. Đã ăn hàng tháng trời rau má, rau lang, bột sắn... Cũng đã chứng kiến cảnh ăn ở mất vệ sinh, ăn uống nước ao, nước vại sinh bệnh, không thuốc men mà chết.

"Ông Nhuận 2 vợ chồng chết cả, ông Bét, ông Bổ thuốc men không có, ăn nước bẩn mà chết. Thời đó gia đình nào có bể còn có nước mưa dùng.

Chiều 30 Tết. Con cháu chôn giúp nhau.

Dịch sốt vàng da chết nhiều.

5 gia đình chết khoảng 20 người...".

7. Ông Nguyễn Văn Vùng (77 tuổi)

Xóm Lẻ, thôn Dương Húc, xã Đại Đồng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc. Gia đình, bố chết sớm, năm đói phải cho mẹ và em đi ăn xin, sau chết phải mua ván chịu để chôn, ông chú bà thím chết phải xin ván chùa Ó để chôn. Chứng kiến nhiều nhà chết cả nhà như bà Bốn Dò, ông Vong.

"Gia đình tôi bố chết năm tôi 14 tuổi, bán vườn 9 đồng không đủ làm ma, mẹ con đi ăn xin. Mẹ đói chết mua chịu ván ở Từ Sơn. Ông chú, bà thím đói, bà thím chết. Đến sau tôi về đi ở mướn, ông chú đi mò

cua. Các nhà chết tôi đến đi chôn. Ông bác chết không làm được ma, chôn đêm, nhiều người chết bó chiếu. Bà Bốn Dò chết ở chợ, ông Vong chết bó chiếu cả nhà. Nhà ông Lên con trai, con dâu chết.

Mẹ chết, con bú con chết, 2 người có ván 2 người không. Nhà ông Cần cho đi 2 con gái. Ông ấy chết, người xóm khác đến chôn. Xóm tôi lúc đó có 6 hộ, có 2 nhà có ruộng, còn toàn đi làm thuê. Mẹ tôi đói đi mua rau củ, ngô rang vài hôm chết. Quần áo không có, chấy rận đầy người. Người khỏe đi chôn giúp người kia, mình cũng yếu nhưng phải đi giúp, không có cơm mà ăn, chỉ ăn rau củ. Vay phải có lãi, nhưng không có gì trả nên không ai cho vay, làm thuê ngày 2 xu không mua được gì, mò cua nấu với bột sắn. Đập hoa cỏ may giã nấu cháo. Tôi còn đi tuần ra bãi tha ma. Tôi cùng ông Dân thấy nhiều người chôn không hết, chân tay lòi ra ngoài (bãi chùa Lai). Bố mẹ chết không làm ma, bị người ta bỉ báng. Đói gặt lúa xin rơm về phải giữ, không người ta trộm mất. Bà Khai chết 25-7 bó chiếu kéo qua bãi Tích Mang là cầu Ngã Ba chôn. Bà cụ Oanh, cụ Đán cũng vậy. Tôi lúc đói hay đi làm phúc, có người nhờ đi mua ván đem về chôn. Gia đình ông Sận em tôi mang chôn con, 4 người chết liền 4 ngày. Thằng em sợ quá lên xóm tôi ở, sau cũng chết là 5 người. Ông Thục 22, 23 tháng 1 chết 2 ngày 2 anh em. Cụ Bốn Dò cũng bỏ làng, bỏ nhà đi. Anh rể tôi từ Đáp Cầu về đào củ, ốm đói chết. Bà chị cho con đi lấy chồng. Tôi cũng cho em đi, nhưng không tìm thấy, còn thì bây giờ cũng hơn 60. Tôi thường nhặt thóc rơi ở gốc rạ, nhổ rau má, củ chóc, củ chuối, ai có ma chay khao khoán thì mò xin ăn. Ở đây không cấy chiêm, cua không có, nhà từ 6, 7 khẩu ăn rau diếp chấm muối.

Thóc Liên đoàn, thóc tạ độ 10$/gánh thì trả 4$/gánh. Tôi làm mướn tôi biết, nó bắt mang ra đình. Chia theo đầu tạ, mỗi tạ thu 40kg.

Ở đình Dương Húc tích khoảng 150 tấn. Cán bộ chủ trương phá kho thóc. Lấy được 5 tấn chia cho dân. Số lấy được chia cho

dân xúc. Kho để ở đình Dương Húc, ngoài ra còn vài nơi. Có người quản ban ngày. Đêm mình phá. Cuối năm 1944 đầu năm 1945, chôn ruộng tư, nếu không chôn ở bãi tha ma, công điền công thổ. Muốn nhờ ruộng nhà khác phải đi xin. Chôn bãi chật quá có khi chồng lên nhau, có người bị san mất mả.

Xóm Tờ Lẽ: Cụ Phùng 5 người chết 3, cụ Khoát 7 người chết 1, cụ Cần 7 người chết 1 cho 2, cụ Nén chết 3, bà Vong 5 người chết 3, cụ Tị chết tất (6 nhân khẩu), Bốn Dò 4 người chết 1 đi 1, Thục con 5 người chết 1, Thục lớn 5 người chết 1, Toản 5 người chết 2, Quyền 5 người chết 1, Quản Chín 2 người chết 1, Oánh 4 người chết 1, Khang 2 người chết 1, Nhớn Lông 1 người chết 1, Khai 6 người chết 1, Tùng Tâm 4 người chết 3, Tẩm 9 người chết 6, cụ Diên 6 người chết 1, cụ Bếp Hương 3 người chết 1, cụ Lý Xã 6 người chết 1...".

8. Ông Nguyễn Đức Sen (75 tuổi)

Thôn Đại Trung, xã Đại Đồng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc. Gia đình có bố và cô chết đói. Đi chôn thuê ở các huyện ít người chết hơn như Thuận Thành, Gia Lâm, Gia Lương. Đại Trung so với Dương Húc thì số người chết đói ít hơn, do đó nhóm tác giả chỉ lấy 1 nhân chứng.

"Năm nay tôi 75 tuổi. Tôi sinh ra trong một gia đình nghèo...

Năm 1945, cô tôi chết ở vùng Mọc. Bố tôi, cô tôi cũng chết ở nhà. Tôi và vợ phải đi làm thuê. Năm đói 1945, tôi cũng phải đi khiêng người chết đói sang tận Thuận Thành, Gia Lâm.

Ở Đại Đồng, gia đình ông Dậu chết cả bố cả con cả mẹ, mỗi người chết một nơi; ông Giá cũng 5 con chết 1 cho 1, bây giờ không biết ở đâu; gia đình ông Toàn chết 2 con. Cả làng tôi toàn ruộng

công điền, tư điền về tay nhà giàu. Đa số dân làng tôi đều đơm tôm bắt cá, làm thuê. Cũng có gia đình giàu có, nhưng sau thất thế nghèo đi cũng bị đói: Ông cụ Thống anh đi một nơi, em đi một nẻo.

Ruộng đất Đại Trung: 315 mẫu, công điền 80%, tư điền 20%, nhân khẩu có 80 người, chết đói khoảng 30 người, đi nơi khác mất 20 người.

Bán màu mỗi người từ 18 đến già được 1 mẫu rưỡi, cứ bán đi bán lại, ruộng phe giáp tập trung bán đấu thầu. Những nhà giàu có quyền thế đều mua hết. Bán màu: Cày bán 1 lần, cấy bán 1 lần, gặt bán 1 lần...".

TIẾNG NÓI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG

1. Ông Lương Văn Cặn (83 tuổi)

"Tôi là Lương Văn Cặn, 83 tuổi, trú tại Bản Đon xã Nhượng Bạn (nay là xã Bế Triều) huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Năm 1944 - 1945, nhà tôi có 3 người, ruộng có 6 pung[1], trâu bò không có. Hồi ấy dân làng rất đói vì trước đó chúng thu thuế bằng tiền, từ năm 1944 chúng thu bằng thóc. Nhật - Pháp bắt dân đưa thóc đến kho Vò Đáo nộp. Trong làng nhiều nhà không đủ thóc nộp, Nhật - Pháp thường vào làng cướp lợn gà, thóc lúa của dân làng. Quân Nhật rất thích đường, vì vậy khi vào nhà nào chúng cũng sục tìm đường. Mỗi khi có bọn Nhật - Tây đến là dân làng phải bỏ trốn không làm ruộng được, vì vậy rất đói. Năm 1945, lũ sông Bằng lên cao, nước ngập trong 10 ngày, dân làng không có gì ăn phải ăn ngô thối. Làng tôi có 3 gia đình có người chết là nhà ông Lên (1 người), nhà ông Thiểm (3 người: 2 mẹ con và người anh). Nhà ông Oai không có ruộng đi làm thuê để sống, nước ngập đến khi rút dân làng đến thì hai vợ chồng và 2 đứa con đã chết cả. Trong lúc đói, cán bộ Việt Minh có vận động dân làng giúp đỡ nhau qua ngày...".

---

1. Pung là đơn vị đo diện tích của người Tày - Nùng. Mỗi pung tương đương 500m^2.

2. Ông Phạm Thế Trần (75 tuổi)

"Tôi là Phạm Thế Trần, trú tại thôn Vò Đáo xã Nhượng Bạn (nay là xã Bế Triều) huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Thời kỳ 1944 - 1945, gia đình tôi có 8 người mà chỉ có 10 pung ruộng. Làng tôi ở ngay bên đường cái, Nhật - Pháp thường xuyên đi càn qua đây. Chúng vào làng cướp phá lợn gà, trâu bò. Nhất là mấy thằng phátxít Nhật chúng cướp thóc của dân đưa về kho. Mỗi khi chúng đến, dân làng phải chạy lên núi rời khỏi làng, chúng bắt được ai thì giam và bắt đi làm phu cho chúng. Dân làng không làm được ruộng nên rất đói, nhiều nhà phải ăn củ chuối, ngô non để sống. Một số nhà phải liều cứ 5 đến 6 giờ chiều là ra làm ruộng. Nhà nào không làm được thì phải chết đói. Làng tôi có hai gia đình có người chết đói; chính gia đình tôi hai em tôi đã chết. Nhà ông An có 7 người, không có ruộng phải đi làm thuê, nhưng lúc này chẳng ai thuê nên rất đói, một đứa con đã chết: Đói quá, cán bộ Việt Minh đi vận động dân phá kho thóc Nước Hai chia cho dân để cứu đói. Lúc ấy ở dưới xuôi nghe nói chết đói nhiều. Ngay ở làng, hàng ngày vẫn có người đi ăn xin qua, chúng tôi đã cho họ ngô, sắn và cả gạo, họ đi rồi không biết có sống không, nhưng nhìn họ thì khó mà qua nổi...".

3. Ông Nguyễn Thế Độ (80 tuổi)

"Tôi là Nguyễn Thế Độ, sinh năm 1916, ở làng Bản Sẩy, xã Nhượng Bạn (nay là xã Bế Triều) huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Năm 1944 - 1945, ở quê chúng tôi có xảy ra nạn đói. Vì rằng thời Pháp dân chúng tôi đã khổ, nhưng từ khi Nhật vào càng khổ hơn, thuế thân tăng từ 2,5 đồng lên 3,5 đồng, rồi từ 4 đồng tăng lên 5 đồng. Thuế ruộng tăng, thí dụ ruộng loại A tăng từ 4,5 đồng lên 9 đồng, nhưng lại bắt thu

bằng thóc, ngoài ra thuế chợ cũng tăng nhiều lần. Ở vùng tôi, thực dân Pháp ở đồn Bêna dùng nhiều thủ đoạn để cướp ruộng của dân. Pháp - Nhật còn thường xuyên đi càn phá, vì đây là vùng Việt Minh phát triển mạnh. Chúng vào làng cướp thóc gạo, lợn, gà, trâu, bò của dân, chúng còn đốt cả nhà nữa. Chính nhà tôi bị cướp 2 con trâu, nhà em tôi 2 con trâu và bị đốt nhà. Những nhà nghi là Việt Minh thì chúng đốt sạch, chúng đốt gần 40 nóc nhà, chỉ còn 3 cái. Dân làng phải chạy vào rừng để tránh càn, lúc đầu còn giúp nhau, về sau đói quá phải đào củ mài, củ pa-pẩu để ăn. Nhiều nhà có người chết, riêng nhà tôi 11 người còn có 4 người. Nhà chú Chất 6 người chỉ còn 2 ông bà già, nhà ông Trần Minh chết 2 người bị bắn, chạy vào rừng 7 ngày sau chết đói 1 người. Nhà ông Thành chết 1 đứa con gái. Nhà ông Sẩy có 9 người chết 4 người, nhà ông này sống bằng nghề trồng mía ép lấy đường để bán. Nhật - Pháp đốt cả rẫy mía, máy ép mía, nên đói mà chết. Cảnh đói thật khốn khổ, đau đớn, lúc đầu dân làng còn giúp được nhau, nhưng sau ai cũng đói, lấy gì mà giúp. Trong làng chết đói nhiều, tôi không nhớ hết, nhiều nhất là trẻ nhỏ. Gia đình tôi vì tham gia hoạt động, nên bị chúng o ép khốn khổ, không cho đi đâu, nhà có người ốm cũng không được đi mua thuốc, có 2 em tôi đã phải chết. Người chết, người đói trông thật thảm thương. Ở trên này, người chết thường đưa lên đồi chôn, ngày ấy chẳng ai có sức mà đưa lên đồi, đành phải vùi tạm, quanh làng đến bây giờ vẫn còn một số ngôi mộ...".

4. Ông Bế Nhật Văn (82 tuổi)

"Tôi là Bế Nhật Văn, 82 tuổi, trú tại làng Bản Vạn, xã Nhượng Bạn (nay là xã Bế Triều), huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Năm 1944 - 1945, tôi đã chứng kiến nạn đói xảy ra ở quê tôi. Trước đó, khi Pháp xây dựng trại ngựa Bêna đã cướp nhiều ruộng đất của dân làng. Ruộng làng tôi, chúng cướp khoảng 10 hécta (trong đó ruộng là 5 hécta), dân làng nhiều nhà mất

ruộng, phải đi làm thuê. Đến năm 1944, phátxít Nhật đến, chúng tăng thuế thân theo loại ruộng: Ruộng loại 1 phải đóng 14 đồng, loại 2 là 7 đồng, loại 3 là 3,5 đồng, thuế ruộng cũng tăng rất cao (lúc đó 2 xu một cân gạo). Làng này, chánh tổng cũng là Việt Minh, nên đỡ bị khủng bố hơn làng khác; mỗi khi Nhật - Pháp càn lên là dân được báo trước. Việt Minh vận động dân đem thóc lúa giấu trong núi để khi chạy vào lấy cái ăn, hoặc để trong núi lấy dần về ăn, khỏi bị cướp. Thời kỳ thực hiện vườn không nhà trống, vào núi trốn giặc thì đói thật, phải đào củ rừng để ăn, một số nhà đông trẻ con không đủ ăn thì chết đói. Nói chung dân rất đói, trong làng có khoảng hơn chục người chết, nhưng tôi không nhớ rõ nhà nào. Việt Minh đã vận động giám binh Nước Hai giao kho thóc, mở kho cứu đói cho dân, lấy trâu bò ngựa chia cho dân...".

5. Ông Hoàng Hải Nam (68 tuổi)

Tôi là Hoàng Hải Nam, 68 tuổi, ở làng Pác Gà, xã Nhượng Bạn (nay là xã Bế Triều), huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Gia đình tôi thời kỳ 1944 - 1945 có 5 người, ruộng có 10 pung, thuộc gia đình trung bình trong làng. Khi thực dân Pháp xây dựng trại ngựa Bênả, chúng đã cướp 1/3 đất của dân làng để lập trại ngựa; chúng khoanh lại, không ai được động đến nếu ai vi phạm sẽ bị tù tội. Từ khi có trại ngựa, chúng bắt dân nộp thuế bằng thóc; thông thường mỗi gia đình nộp 7 đến 8 tạ, có gia đình hàng tấn, để nuôi ngựa, dê, bò, cừu. Thí dụ, nhà ông Quang để trâu vào khu vực trại ngựa của chúng mà đã phải tù một năm. Chúng còn thường vào làng cướp phá, bắt lợn gà, nhất là những gia đình có người đi hoạt động cách mạng như gia đình tôi. Từ khi phátxít Nhật đến buộc thực dân Pháp phải trao trại ngựa cho

chúng, Nhật - Pháp đã làm một con mương dài từ Nà Khan để dẫn nước về chạy máy thủy điện ở trại ngựa, lấy nước cho ngựa uống. Ruộng bậc thang không có nước đành phải bỏ hoang, chỉ trông vào nước trời. Ai mà động đến mương nước sẽ bị tù tội. Mặt khác, do việc khủng bố ngày càng mạnh, dân làng bỏ lên núi, không có ăn, đói rét hành hạ, một số người chết vì bệnh sốt rét, một số chết đói, bây giờ tôi không nhớ hết. Tôi chỉ nhớ có một gia đình người Kinh lên, gia đình ông Hoàng Quang Chư cưu mang đến khi đói kém gia đình ông Chư mẹ cũng bị chết, và hai bố con ông người Kinh cũng chết...".

6. Ông Hoàng Văn Rậu (77 tuổi)

"Tôi là Hoàng Văn Rậu, 77 tuổi, trú tại làng Pác Gà, xã Nhượng Bạn (nay là xã Bế Triều) huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Làng tôi ở gần đồn, chúng thường xuyên vào làng cướp phá lợn gà, thóc gạo. Tây còn đỡ, chứ phátxít Nhật nhìn thấy gì là chúng lấy, cả ngô giống chúng cũng lấy. Nhật đi đâu cũng đeo kiếm, súng, ai thấy cũng phải sợ. Không có nước làm ruộng, dân làng rất đói. Giặc lại thường vào làng cướp phá, không chịu được, phải bỏ làng trốn vào rừng. Dân đi, chúng đến đốt sạch cả làng, bắt được ai đưa đi phu cho chúng, vì vậy nạn đói đã xảy ra. Tôi mấy lần suýt chết, sống được đến giờ là may, cả làng vừa đói vừa mắc bệnh sốt rét. Có hai gia đình tiệt nọc là gia đình ông Hoàng Quang Xích 4 người chết trong rừng, gia đình ông Hoàng Quang Thiên chết cả 2 vợ chồng và 2 con, gia đình ông Hoàng Văn Hồ 4 người chết mất 3. Riêng trẻ nhỏ chết hơn chục người, tôi không nhớ con nhà ai. Nhà tôi có ông chú vào rừng bị sốt rét, về chết...".

7. Ông Hoàng Thanh Cương (63 tuổi)

"Tôi là Hoàng Thanh Cương, 63 tuổi, trú tại làng Pác Gà, xã Nhượng Bạn (nay là xã Bế Triều) huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Tôi đã được chứng kiến nạn đói năm 1944 - 1945 thời kỳ Pháp - Nhật ở quê tôi. Thời thực dân Pháp thống trị, dân làng đã khổ, nhưng từ khi phátxít Nhật đến còn khổ hơn nhiều. Đến mùa, chúng thu thóc về nuôi ngựa, không những thế, chúng còn để ngựa, bò phá lúa của dân. Chúng bắt dân bán rẻ rơm cho chúng. Mỗi gánh chúng chỉ trả cho 2 xu. Nhiều người không làm được ruộng phải làm phu cắt cỏ cho sở ngựa với đồng công rẻ mạt 2 xu một ngày. Chẳng may ngựa bị chết, chúng nghi ai, bắt con ngựa mổ bụng cho người đó vào khâu lại rồi chộn. Thời kỳ vào rừng là đói nhất, vừa bệnh sốt rét, vừa đói, nhiều người chết. Tôi chứng kiến con bà Sớm, thím Nhàn, chú Luyện, bà Thảo đều chết. Nhà ông chú Rậu cũng chết 3 đứa...".

TIẾNG NÓI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG

1. Ông Trần Đức Minh (82 tuổi)

Nguyên Chủ tịch xã Văn Khê, nguyên Bí thư Đảng ủy xã Văn Khê, nguyên Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc thị xã Hà Đông.

"La Khê là làng dệt cổ truyền. Sau thời kỳ phát đạt nhất là những năm 1930 - 1940, khi Nhật đem quân vào nước ta, cũng là thời điểm nghề dệt ở đây bắt đầu sa sút do hàng ngoại nhập vào nhiều, giá lại hạ hơn và cũng do tình hình kinh tế bắt đầu có nhiều khó khăn.

Thóc gạo khan hiếm, trước hết là ảnh hưởng đến đời sống dân làm thủ công. Trong 3 thôn của Văn Khê, thì La Khê lâm vào nạn đói khủng khiếp nhất. La Khê Bắc không phải là thôn bị nặng nhất, chỉ ở diện trung bình.

Trong nạn đói năm Ất Dậu, người La Khê chết đói rất nhiều, có xóm chết hết như xóm Ngòi. Khi sưu tầm, biên soạn lịch sử địa phương, chúng tôi đã xác định số người chết đói ở La Khê là 1.200 người, tới 57% dân số. Vốn là dân thủ công nên vấp phải nạn đói, bị phá sản, họ đã bỏ làng ra đi tha phương cầu thực. Họ nào cũng có những gia đình bỏ đi như họ Bạch, sau nạn đói chỉ còn vài người. Con số 1.200 người nói vừa rồi là người chết đói, còn số người mất tích đến nay cũng chưa có tin gì còn nhiều hơn nữa.

Về nguyên nhân gây nên nạn đói thì ở đây không có việc nhổ lúa trồng đay, mà chủ yếu là do sưu thuế nặng, rồi nghề dệt bị phá sản, không có thu nhập, thóc gạo lại cao không có tiền mua, thậm chí không còn mà mua, hầu hết chỉ trông chờ vào sự cứu tế, phát chẩn của các tổ chức xã hội. Nhưng nào có thấm tháp vào đâu. Nhiều người chết ngay tại những nơi phát cháo.

Nhà ông bá Liêu giàu có cũng bị đói đến nỗi phải thắt cổ tự tử. Ngay ở sau nhà tôi cũng có nhà chết thối rữa không ai biết. Riêng tôi đã đi chôn đến 30 người chết đói. Bên xóm Ngòi gần như xóa sổ. Bây giờ mới có người sang ở đông đúc, chứ sau năm đói ở bên ấy như xóm hoang.

Việc cứu trợ chủ yếu ở trong họ. Họ nào giúp họ ấy thôi...".

2. Ông Nguyễn Tiến Bột (78 tuổi)

"Họ Nguyễn Tiến chúng tôi chết đói ít hơn các họ khác vì trong họ có sự cứu trợ lẫn nhau. Nhà tôi 15 người, vừa làm ruộng vừa làm nghề dệt nên không đến nỗi phải chết đói.

Ở La Khê, thôn Đông chết nhiều nhất vì có nhiều hộ ở nơi khác đến, không có cái căn bản. Do đó mà vấp phải nạn đói là lao đao, chết đói nhiều.

Về nguyên nhân của nạn đói, ở chúng tôi không có việc phải nhổ lúa trồng đay, cũng không thấy có phátxít Nhật về làng. Sở dĩ chết đói vì nghề dệt phá sản. Phần đông dân ở đây lại không làm ruộng nên khi thóc cao gạo kém thì chết. Thí dụ, nhà ông Nguyễn Đình Liêu do làm nghề giỏi nên được phong bá hộ công nghệ, nhà 5 người chết đói 2. Nhà ông Cảnh là em ông Liêu có 3 người cũng chết 2. Vậy là, phi nông thì mất căn bản, có danh giá bằng nghề như anh em ông Liêu cũng lâm cảnh chết đói...".

3. Ông Nguyễn Hữu Thống (60 tuổi)

"Trong mấy năm vừa qua, tôi chuyên tâm vào việc sưu tầm gia phả, biên soạn lịch sử của dòng họ Nguyễn Hữu nên cũng nắm được tương đối chính xác tình hình chết đói trong họ mình năm 1945.

Năm ấy, trong làng La Khê bị nạn đói tưởng chừng rồi chết hết, vì hầu như cả làng đều làm nghề dệt, ruộng đất thì đã bán cho nhà giàu ở Cự Đà, không mấy nhà còn cấy lúa. Những năm 1944 - 1945, nghề dệt lại phá sản, không làm ra tiền, gạo lại khan hiếm, đắt đỏ quá. Khắp các đường ngang ngõ xóm La Khê, nhan nhản những người đói những xác chết khô héo.

Họ Nguyễn chúng tôi do có tinh thần hỗ trợ lẫn nhau, biết bảo nhau dè sẻn nên chết vào loại ít nhất làng. Cả họ có 48 gia đình với 223 nhân khẩu, chỉ bị chết đói 35 người. Nhưng đau xót nhất là bị 9 hộ chết cả nhà. Những hộ ấy do túng quẫn quá, nạn đói lại kéo dài nên không cách gì cứu được. Đó là nỗi đau đớn nhất mà họ chúng tôi đời đời phải ghi nhớ để bảo nhau giữ lấy tinh thần lá lành đùm lá rách...".

4. Ông Phạm Hải (67 tuổi)

Sĩ quan quân đội.

"Họ Phạm chúng tôi, số hộ cũng nhiều, số khẩu cũng đông, nhưng vấp phải nạn đói đã làm chết 63 người, chỉ còn sống 22 người, trong đó có 8 hộ chết hết. Gia đình tôi có 5 anh em và mấy đứa cháu, tổng cộng trên một chục người. Nạn đói và bệnh tật đã cướp đi gần như cả nhà, chỉ còn lại 2 anh

em tôi. Thực tế là trong nhà cũng không còn lương thực gì. Vậy là nạn đói kéo theo dịch bệnh đã làm gia đình tôi mất 9 người.

Anh em tôi phải bỏ làng ra Hà Nội bán bánh mì, bán báo để kiếm sống. Đến lúc Pháp đánh Hà Nội mới về làng rồi đi bộ đội, cho đến khi được nghỉ hưu.

Bấy giờ nhà tôi làm nghề dệt, có 4 khung cửi. Anh chị em đông nên tự làm lấy không phải thuê nhân công như nhiều nhà khác. Cứ 5 ngày 1 phiên chợ mang hàng đi bán, đời sống cũng khá. Nhưng đến năm 1944 - 1945, hàng không bán được, phải ngừng nghề dệt. Thế là không có nguồn sống. Ruộng thì không có. Nhà hơn chục miệng ăn, chết dần chết mòn.

Nhà tôi năm 1945 nhà đất cũng mất vì bị bắt nợ. Hai anh em còn sống sót bỏ ra Hà Nội. Lúc đi bộ đội về, xã phải cấp cho mảnh đất mới để làm nhà...".

5. Bà Ngô Thị Khả (63 tuổi)

"Tôi sinh ra trong một gia đình, bố tôi dạy học, mẹ tôi làm thủ công, có 5 chị em, tôi là út. Năm 1944 - 1945 nhà cũng gặp khó khăn. Tôi có đi quay tơ thuê mấy hôm, thấy vất vả quá lại thôi. Mẹ tôi bỏ nghề dệt đi buôn cám. Tôi cứ theo mẹ ra chợ, thấy đồng bào mình khổ quá. Người trông chẳng ra người. Mắt tôi nhìn thấy người trong họ Ngô mình đói quá, ra chợ tìm nhặt cái ăn, rồi cướp giật củ khoai, tấm bánh, bị đánh rất đau.

Nhà tôi phải ăn cháo rau dền, cháo ngô, nhưng không bị chết ai, vì có các bà cô ở Hà Nội tương trợ. Trong họ có một ông ở hàng chú tôi, đói quá ra chợ Hà Đông cướp giật cái ăn, rồi sau cũng chết, chưa có vợ con...".

TIẾNG NÓI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG

1. Ông Trịnh Khắc Khâm (73 tuổi)

Người xóm Triều Hội, thôn Bỉnh Trung, xã Bồ Đề. Trước năm 1945 đi học tiếng Pháp ở Nam Định. Sau 1945 thời gian cách mạng vào bảo vệ xã, giáo viên bình dân.

"Tình hình xóm tôi nói chung, thôn Bỉnh Trung nói riêng, dân số 50 gia đình, trong đó 6 gia đình là chết cả không còn ai. Trong thời gian đó, tôi là một, ông Bổng là hai, ông Uy là ba và ông Kiểm đứng ra lãnh đạo trong xóm, điều khiển bốn anh em đi chôn người chết. Ván, gỗ không có, độc bó chiếu, bó giát, không có điều kiện mang ra nghĩa trang, bạ đâu chôn đấy, ngay vệ đường, rất thảm khốc. 50 gia đình ở đó có 4, 5 gia đình tương đối một tí ngày được một bữa, thóc rang lên giã thành thính chia nhau ăn. Đại bộ phận cắt khoai ngứa thái nấu cháo. Đói quá, vào tháng 3 ngô đang có bắp, bẻ cây ngô còn non ăn trước, có gia đình tước làm mía ăn; mất mùa lúa rỗ rồi còn bị chết.

Có trường hợp chết tang thương là cô Tự. Cô ấy chết đói lúc lúa rỗ rồi, lúa gần đỏ đuôi. Cô rúc vào gian buồng hàng xóm chứa rạ chết không ai biết, đến khi có mùi thối, ruồi nhặng thì mới biết, rồi mang chôn ngay vệ đường.

Bình quân ruộng đất đầu người 1 sào Bắc Bộ, nghề phụ không có, quá thiếu thốn. Một số gia đình ra Hòn Gai làm than, đa số rơi vào tình cảnh bi đát. Người nào khá nhất được 2 mẫu tư điền, hoàn cảnh cũng bình thường thôi.

Gia đình tôi 7 khẩu cũng thiếu, có 2 mẫu 2. Năm 1945, 4 khẩu đi đồn điền. Gia đình tôi đã bán ruộng sắp cấy bán non đưa số tiền đó vào Thanh Hóa đong được thóc hơn để cứu gia đình, ở lại có 3 người...".

2. Ông Trịnh Khắc Bổng (72 tuổi)

Trước cách mạng không làm gì, học hết cấp II. Sau Tổng khởi nghĩa, đi thoát ly năm 1946, sau đó về xã xây dựng công an địa phương 1952 - 1985.

"Năm 1945, ở khu vực xóm tôi, 9 gia đình chết hết, còn một số gia đình còn 1, 2 người. Tất cả xóm chỉ có 4 gia đình có 2 mẫu, mẫu rưỡi; còn lại toàn ruộng công phải đóng thuế suất đinh 1 sào Bắc Bộ. Người dân đi đây đó kiếm ăn, làm thuê làm mướn, không có ruộng, không có nghề nghiệp, độc chiếc đòn gánh trên vai làm thuê để sinh sống. Xóm nghèo, chỉ cấy được 1 vụ, thu hoạch không ra sao.

Tổng số khẩu xóm tôi 300. Chết hết có gia đình ông Trịnh Khắc Ấm, Đỗ Văn Tưởng, Trần Thị Nhớn. Trường hợp cái chết của ông Tưởng, bố chết rồi, con vẫn trên ngực bố. Có 4 anh em chúng tôi đi chôn thôi, không huy động được ai, bạ đâu chôn đấy. Mình cũng đói lắm, không thể khiêng đi xa được...".

3. Ông Đỗ Văn Đễ (71 tuổi)

Không có ruộng, chuyên đi làm thuê.

"Bố mẹ tôi sinh được 6 người con, tôi là út, được chín ngày thì bố chết, mình mẹ tôi nuôi 6 người con. Anh tôi đói quá đi Biên Hòa, chết trong ấy không thấy về. Gia đình không có ruộng đất, chuyên làm thuê mướn, tha phương cầu thực.

Chết hết có gia đình ông Bản, ông Hữu 5 người, ông Hoàng 6 người, ông Tăng 3 người,

ông Tưởng 4 người. Chết đói khác chết bệnh, thoi thóp nửa ngày mới chết. Xóm vườn không nhà trống, không có người ở...".

4. Ông Đinh Tất Thăng (66 tuổi)

Đội 4 xã Bồ Đề.

"Tôi chứng kiến riêng chỗ tôi ở có 7 gia đình, còn mình tôi sống sót. Chết hết có gia đình ông Tư, ông Dương, ông Bằng, ông Bẩy, Thủ Nhậm, chị Hảo.

Thời trước túng thiếu lắm, chuyên đi làm phân. Gia đình tôi phải bán nhà cho ông Phó Sóc để lấy hơn chục bò gạo. Bố mẹ phiêu bạt ra Hồng Quảng, tôi đi Hưng Yên, sau đi bộ đội tháng 10-1945.

Phátxít Nhật bắt trồng đay, dân hết thóc gạo, nhiều cảnh cướp cơm, bốc cám ăn. Xóm Tân Mỹ có 40 gia đình, chết khoảng 200 người, chỉ có vài ba gia đình khá giả.

(Lời cụ Khâm): - Chết tang thương lắm, ruồi bâu kiến đậu.

(Lời cụ Bổng): - Chị Hảo chết chôn tại vườn.

(Lời cụ Khâm): - Không có gì ăn nên người vốn yếu sẵn, đạp một cái là lăn ra chết thôi.

(Lời cụ Thăng): - Chúng tôi thấy đây là việc làm cần thiết, sử sách cần ghi lại sự kiện này để lại cho con cháu sau này. Thanh niên bây giờ nghĩ do các cụ lạc hậu nên đói.

(Lời cụ Khâm): - Có phát chẩn, 10 phần thì tổng lý xơi 5, 6 phần rồi. Lượng phát chẩn tùy theo, có từng nào phát từng ấy, lấy bơ bò xúc, xếp hàng có từng nào phát từng ấy, mỗi người nắm cơm hoặc lẻ gạo. Gia đình có chút ít đem thóc rang rồi giã thành thính, ăn để chống đói. Ngày đó ăn khoai ngứa không thấy ngứa, còn củ chuối ăn vào bào ruột dễ chóng chết, vào cuối tháng 3, ngô bẻ non ăn cả cây như mía khen ngọt...".

5. Ông Trần Hữu Lan (72 tuổi)

Xóm Chợ xã Bồ Đề. Trước cách mạng làm ruộng. Sau cách mạng tham gia đội trưởng du kích. Hòa bình làm Phó Chủ nhiệm hợp tác xã.

"Nạn đói năm 1945 vô cùng khủng khiếp. Gia đình tôi trước ở Canh Ben, ở đó sáng nào cũng có người chết vài ba người.

Ở Bỉnh Trung có gia đình cụ Chữ, gia đình ông Thùy 8, 9 người chết hết (có ông em đi phu cao su còn sống). Gia đình cụ Vĩnh bán nhà được hơn 2 thúng thóc rồi cũng chết cả. Từ trung tuần tháng giêng đến giáp tháng 4, không có mấy ngày không có người chết, không chỉ có người ở đây, ở nơi khác đến đây chết cũng có, họ đi chợ, đi xin ăn đến đó chết.

Ở xóm tôi có gia đình bà Khuất, ông bà chết rồi, con bò quanh quẩn bú.

Xung quanh cũng đói khủng khiếp: Phong kiến đế quốc thu thóc lẫm, phátxít Nhật bắt nhổ ngô, khoai, lúa để trồng đay.

Năng suất thấp, vài ba chục cân/sào, thuế bổ nặng. Sưu đánh vào vô sản và hữu sản: Có sản 2đ60 (khoảng 2 tạ 6 thóc), vô sản 1đ50 (một tạ rưỡi thóc), nhiều nhà ruộng không có một tấc, lấy gì mà nộp.

Phong kiến, đế quốc dùng kẹp, chân thì chúng cùm, tay thì chúng kẹp. Cái kẹp là mảnh tre già chẻ 2 cạnh buộc một đầu lại, rồi đút tay vào buộc lại, kẹp không đứt nhưng tay đau lắm, với người không có tiền nộp sưu, nộp thuế.

Năm 1945, rét nhiều cộng với cái đói nên cực khổ lắm. Người ta đang ăn chiếc bánh, người đứng sau cướp bỏ mồm ăn, hay ra chợ về nắm cám bỏ mồm sặc sụa.

Ăn đói, mặc rách, đói rét nên chết nhiều, bẩn không tắm nên lắm rận bò lổm ngổm: Người chết rồi, tóc xõa ra rận bò đầy. Mẹ chết rồi, con bò quanh bú, bú mãi không có gì rồi cũng chết nốt, hai ba mẹ con chết cùng một chỗ...".

6. Ông Trần Hữu Huẩn (83 tuổi)

Xóm Chợ, xã Bồ Đề. Những năm 1942 - 1944 làm thủ quỹ Hội đồng kỳ hào. Năm 1945 là Trưởng ban cứu đói.

"Nạn đói năm 1945 xảy ra, dân đói nhiều. Chúng tôi nghĩ đến làm thế nào để giảm đói cho dân, đã tổ chức đi quyên góp lúc đó đói, chưa ai chết. Tôi được cử làm Trưởng ban cứu đói, vì tôi vừa ở miền Nam về, thông thuộc tình hình. Sau đó tôi viết thư vào Nam xin tiền. Họ có gửi tiền về. Ban cứu tế đi mua thóc. Lúc đầu cho phát thóc, thấy họ đem rang lẻ, rồi cho xay gạo vỗ bỏ mồm nhai cũng không giải quyết được vấn đề gì, sau chúng tôi hội ý bàn nắm cơm phát chia cho dân.

Bản thân tôi lên Phủ rất nhiều lần (để lĩnh tiền), nhìn thấy nhiều người chết, có chỗ ruồi bâu kiến đậu. Ở chợ Bình Lục có phát chẩn nên tập trung đông. Sau khi tôi lĩnh tiền ra về, có bà có 3 đứa con nằm ở quán. Lúc đi vào huyện thì mẹ còn sống, thì bây giờ chết rồi, hai đứa con ngồi khóc, một đứa còn bú; tôi nghĩ là có nắm gạo, nấu cơm thì cứu được hết, nhưng không có gì mà cho. Ở huyện Bình Lục, ngay trường cấp III bây giờ, có nhiều người chết. 4, 5 người chết nằm trên chiếc xe bò, có người còn ngắc ngoải vẫn còn giãy, đem chôn ở cây đa làng Thọ, đào hố to gần đấy.

Đối với nhà trung nông thì tham rẻ mua đồ dùng vào, hoặc mua cho người ta thì không chết cũng bị đói, thóc không còn, từ nhà giàu đến nhà nghèo thóc đều vãn. Cây dâm bụt, rau má, lá sung, củ chuối lấy mãi cũng không còn. Nhà tôi quấy cháo với lá sung lúc đó nấu lên cũng thấy ngon, dẻo, thực ra không bằng cám lợn bây giờ...".

7. Ông Nguyễn Lập Xưởng (66 tuổi)

Xóm Bãi Hoàng, thôn Bỉnh Trung, xã Bồ Đề. Năm 1945 làm nghề chở đò ngang.

"Dân xóm tôi làm nghề phân, đi từ đêm lấy phân về bán. Xóm tôi chết 72 người, 8 gia đình chết hết, có hơn 20 gia đình, duy nhất có gia đình không chết ai. Ở đây gọi là xóm dân bạch đinh, ruộng nương không có.

Thôn Bỉnh Trung có hơn 300 mẫu ruộng, bình quân ruộng công điền 1 sào/người. Tư điền thì trong tay địa chủ, phong kiến, không biết được con số chính xác, khoảng trăm mẫu một địa chủ.

Bản thân tôi bị ép đi chở đò cho người ta đi ăn cướp; bị đánh, họ chạy hết, tôi đứng canh giữ đò bị bắt đi tù 2 tháng.

Chết hết có gia đình ông Lũ, bà Bính Yên, ông Lợi, ông Hiếng, ông Vưởng, ông Tưởng, ông Trực, bà Ái - 8 gia đình chết hết...".

8. Ông Nguyễn Lập Bưởng (63 tuổi)

Người xóm Bãi Hoàng.

"Cảnh tượng đói nói chung là cha bỏ con, tớ bỏ thầy. Gia đình tôi chết 7 người. Có nhà đói vài ba ngày không được tí hồ tí cháo nào, thậm chí có làm được bát gạo bị ăn trộm hết vì xóm tôi gần sông, trộm cắp nhiều. Nhà tôi bị mất chăn chiên, mâm gỗ. Sáng ra mẹ tôi rang mẻ ngô chia cho các con, bị bê mất. Bà cụ Đức nấu cháo cám bê ra cũng bị mất trộm, đói lắm không có gì ăn.

Nhân dân đi làm thuê, làm mướn, không có ruộng, được 1

sào đất công nếu chết đi thì bị quạ kêu nêu cắm, bị người khác lấy mất.

Bố mẹ tôi đẻ 5, 6 anh em, còn lại 2 anh em. Dân ở đây sống chủ yếu bằng nghề gắp phân, làm ruộng.

Đi một quãng lại thấy người chết, nhiều thậm chí không ai chôn, gây nên môi trường bị ô nhiễm, lắm ruồi nhặng lắm, bâu đen sì, cỏ mọc ngập đầu, hoang vu, chết vãn hẳn.

Xóm này những người nghèo nhất ra đây ở không có tí gì. Ai không có tiền nộp sưu thuế bị thu ruộng ngay, bị đánh, phải bỏ làng mà đi.

Nhật bắt nhổ ngô trồng đay, nếu không làm theo chúng bị đánh chết, như bà Mậu Tiết do không làm theo bị chúng đánh đuổi chạy xuống sông đâm đầu chết.

Chết cả nhà có bà Ái, ông Yên, bà Bắc, bà Tí, ông Lợi, ông Lũ, ông Hương, bà Hai Thùy...".

9. Ông Đào Văn Luân (64 tuổi)

Người xóm Vòng Hoàng. Trước cách mạng: Còn nhỏ. Sau cách mạng: Làm thợ xẻ. Năm 1958, làm kế toán hợp tác xã.

"Xóm tôi có 40 hộ, số người còn lại 10 người, riêng gia đình tôi chết 16 người, xung quanh chết hết không còn ai. Đại bộ phận không có ruộng, đi làm thuê, làm mướn linh tinh, chết nhiều. Dọc xóm này chết hết: Gia đình ông Đắc 5 người. Ở cạnh cầu Canh Ben có 3 gia đình tôi biết là ông Cống, bà Xuân, ông Tuất là chết hết. Gia đình ông bác họ tôi 7 người chết hết. Gia đình ông Hoáng 5 người chết hết. Gia đình ông Thoại 6 người chết hết.

Ăn uống không có gì, đói quá đang đi đường lăn ra chết, chôn ngay vệ đường.

Chính quyền Tây cai trị thu thóc lẫm và sau đó phátxít Nhật bắt phá ngô, lúa trồng đay, làm cho dân điêu đứng, càng chết nhiều.

Tôi đi lấy chẩn. Mỗi người được một chén, đến sau thì hết. Đói quá, nhiều người nhai thóc sống, không đợi đến mang về nhà rang.

Anh em nghèo đói tổ chức đi cướp của nhà giàu, không được nhiều; ở ngay đầu cầu có tổ chức đi ăn cướp. Đã đường cùng rồi thì không sợ chết như trường hợp ông Bồi đi nhổ trộm mạ đi chợ bán bị đánh chết...".

10. Bà Nguyễn Thị Chung (60 tuổi)

Người xóm Vòng Hoàng.

"Có bài vè dài lắm 75 dòng nói về năm Ất Dậu 1945 (trích một đoạn):

.....

"Lại kể từ nỗi nhân gian chống đói
Bởi vì đâu nên nỗi hại dân
Bọn xâm lăng nó lấy thóc cân
Ruộng cao nó bắt phải cần giồng đay.
Rồi phá hết cả cây ngô đậu
Không còn gì nương nấu buổi ba
Bán đồ vật bán cả cửa nhà
Ruộng nương cầm cố để mà ăn đong.
60 đồng một thùng trung thóc
30 đồng một chục vải bông
Mỗi chén gạo giá một đồng
Tiền thì không có trong lòng xót xa
Trông dáng người như ma dưới lỗ
Nhìn hồi lâu chưa tỏ mặt người
Áo quần chỗ rách tứ tung
Ăn từ rau má lá sung rau dền
Củ chuối luộc kề bên đĩa muối

Đói ăn mong cho đỡ dạ này
Bánh khô ăn giả bánh chay
Dọc khoai cám bã xưa đây cháo bồi
Người ăn đỡ pha phôi như lợn.
Ngẫm nhân tình ngán nỗi lầm than
Xét xem trong họ ngoài hàng
Bởi đâu một cuộc lầm than thế này?"
.....

Đói quá, trông cây ngô, đỗ của người ta lấy ăn thì bị đánh, đi một đoạn lại có người chết trên đường, bài ca dao này duy trì lâu lắm tôi còn nhớ được. Tôi còn bé lên chợ Bồ Đề đi xem, có người có tiền ăn quà, người không có tiền đi cướp giật quà ăn bị người ta đánh cho. Cũng có người chết ngay tại trận. Rau má trụi cả lá, có nồi cám thì chia nhau từng muôi. Cái năm phát chẩn, chỗ hai bên bờ đê, trương tuần, phó lý bốc, còn người dân xếp hàng chìa nón, mảnh bát cho vào nồi đất rang lên, rồi giã lấy vỏ xúc chia cho con cháu. Có người nhai sống tại chỗ, đói quá không chở về nhà để rang. Giá 1 đồng một chén gạo.

Tháng 3 cấy thì đồng đại hạn. Đang đói người ăn vào bị bội thực, người đâm nhọc ra bị chết no".

11. Ông Nguyễn Lập Liên

Xóm Đông Tây Trại.

"Năm 1945, tôi đi thi sơ học yếu lược. Gia đình cũng đói đem theo khoai khô lên huyện. Đến huyện, anh em giở gói khoai khô ra ăn, nhưng chúng tôi không ăn được vì sợ quá, toàn thấy người đói rách, cởi trần đến xin. Chúng tôi bốc cho mỗi người một nắm rồi bỏ chạy mất. Đi thi về thì trời tối, chúng tôi đi bộ để đến cầu.

Thấy nhiều chiếc xe bò lách cách kéo xác người chết đang trên đường đưa đi chôn, chẳng có gì che đậy cả. Hai bên đường sắt, trẻ con, người lớn nhổ rau má. Chúng tôi về đến Tiên Khoán giẫm lên cả người chết. Về đến nhà, bà cụ thổi cơm ăn. Hai chị em ông Đen lăn vào bốc ăn. Sáng ra, ông Trục xóm tôi vào bếp xin quả bầu nhìn thấy nồi cám nấu với dọc khoai ăn liền vài bát.

Thôn Bỉnh Trung có 1/3 là đồng bãi. Theo các cụ nói, phátxít Nhật bắt phá ngô trồng đay, phá lúa. Người lớn trẻ con đem thân cây ngô bẻ ra mút lấy nước như gặm mía. Người dân đói khổ cấy tô, ruộng nương không có, sản lượng thấp, 1 năm 30 kg thóc/ sào...".

TIẾNG NÓI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG

1. Ông Đặng Văn Thoảng (85 tuổi)

Người xóm 5 Nhũ Tỉnh.

"Năm 1945, tôi 35 tuổi. Gia đình tôi do đế quốc Nhật, Pháp và tay sai thu thóc tạ, nhà tôi chỉ còn 2 thúng thóc 6 người ăn, mà 2 - 3 tháng nữa mới có lúa chiêm, gia đình tôi đã cất giấu. Chúng cho trương tuần vào lục soát và thu đem đi. Vì vậy, gia đình tôi bị chết đói 3 người: Bố tôi là Đặng Văn Thịnh 58 tuổi; mẹ tôi là Đỗ Thị Vỡi 54 tuổi; con tôi là Đặng Văn Thường 16 tuổi. Chết không đủ chiếu mà bó đem đi chôn...".

2. Ông Nguyễn Văn Loa (85 tuổi)

Người xóm 5.

"Năm 1945, tôi 34 tuổi, gia đình kiệt quệ phải bỏ vợ con đi làm bốc vác cho một trại lính Nhật. Tôi đã chứng kiến quân Nhật bắt dân phá lúa, phá ngô để trồng đay. Nếu dân không làm, bọn chúng đánh đập rất dã man, kể cả đánh chết. Ở nhà thì 2 con tôi: Nguyễn Văn Hy và Nguyễn Văn Chư, bà cô tôi có 3 người con chết đói hết. Vợ tôi và con tôi 7 ngày chỉ có mút ốc và ăn củ khoai ngứa để cầm hơi, không có lấy một hột gạo để mà ăn, thật là thê thảm...".

3. Ông Nguyễn Văn Liệt (76 tuổi)

"Lúc đó tôi 26 tuổi. Đến bây giờ tôi còn nhớ như in trong óc, nhớ từng người trong hộ chết đói năm 1945. Xóm tôi có 32 hộ và 87 người chết đói. Có gia đình 8 người chết hết như cụ Nhiêu Ôm. Gia đình cụ Thậng, cụ Tý Chiêm có 6 người chết đói hết. Chị dâu tôi là Vũ Thị Tứ 41 tuổi đã chết đói rồi, nhưng đứa con nhỏ vẫn bú rồi cũng lăn ra chết nằm trên bụng mẹ. Anh rể tôi là Nguyễn Văn Thễ cũng chết đói. Anh trai tôi là Nguyễn Văn Xẫn cũng chết đói...".

4. Ông Nguyễn Văn Nghiêm (71 tuổi)

Là cán bộ nghỉ hưu, ở xóm 4, khẳng định rằng trong tài liệu điều tra nạn chết đói năm 1945 của xã nhà là có cơ sở chính xác.

"Tôi đã chứng kiến ông bác tôi là Nguyễn Văn Thí và Nguyễn Văn Ban cả nhà chết đói không còn ai. Ngày nào trong xóm cũng có hàng chục người chết, chôn không kịp, chỉ có bó chiếu hoặc nhà nào có giát giường thì bó đem đi chôn".

5. Ông Nguyễn Văn Tròn (70 tuổi)

Là cán bộ hưu trí, xóm 5.

"Lúc đó tôi khoảng 18-20 tuổi, gia đình tôi cũng như nhiều gia đình khác đói khát, tôi trực tiếp đi chôn nhiều người chết đói, như gia đình ông chú tôi là ông Thoản có 6 người chết đói hết, không còn ai, có ngày chết 2 người; ông bác tôi là Vũ Văn Thụy

có 4 người cũng chết đói hết; gia đình ông Tửu có 3 người chết cả. Nhiều gia đình không có gạo, cám mà ăn, chỉ có củ chuối, củ mài, đi bắt cua, ốc để ăn cầm hơi, chết đói la liệt, thảm thương, chôn một lỗ tới hai, ba người...".

6. Ông Nguyễn Văn Tốn (68 tuổi)

"Năm chết đói 1945, gia đình tôi có 8 người (6 lao động). Không có ruộng tư, chỉ có ruộng công điền 5 sào (cấy tô). Vì đói quá, phải bán lúa non lấy 5 ống gạo. Nhà có 1 mâm đồng và 1 cái nồi mười cũng phải bán đi để mua gạo, cám để mà ăn, mỗi bữa chỉ có 1 ống thóc đem rang lên rồi giã thính để ăn, hàng ngày phải ăn củ chuối, rau má. Trong nội tộc nhà tôi chết đói cả thảy 13 người, chết không có chiếu mà bó, đào hố chôn 2 hoặc 3 người...".

7. Ông Nguyễn Văn Giá (65 tuổi)

"Gia đình tôi có 6 người, chị gái đi lấy chồng, còn lại 5 người. Cấy 2 sào ruộng quan được 10 thúng thóc, bọn cường hào vâng theo lệnh của giặc Nhật bắt dân bán thóc tạ. Bố, mẹ tôi đem thóc giấu ở chuồng lợn, bọn lý trưởng, trương tuần đi lùng sục, khám, xét chúng phát hiện được, bắt phải đem bán. Bố tôi cầm dao dựa định xông vào chém bọn chúng. Ông chú và 2 bà thím, bà cô ruột đói quá bị chết không có ván, chỉ có bó chiếu hở đầu, hở chân, chôn ngay góc vườn...".

8. Ông Vũ Văn Thân (74 tuổi)

"Ông chú ruột tôi vì đói quá phải đi tha phương cầu thực không biết chết ở đâu. Gia đình ông Đờn, ngay bên cạnh nhà tôi bị chết đói cả nhà 5 người, gia đình ông Chất chết đói 3 người, gia đình ông Nghịch có 3 người chết đói cả 3 người, ngày nào cũng có hàng chục người chết đói, chết không kịp chôn, không có chiếu mà bó, có huyệt chôn 3 người. Nhiều ông già, bà già, thanh niên, trẻ con đi ăn xin không có quần áo vải. Chỉ có vải bằng đay hay chiếu rách để che thân. Trông rất thảm thương".

9. Bà Nguyễn Thị Nga (72 tuổi)

"Năm 1945 tôi đã 22 tuổi, 15 tuổi đã đi lấy chồng, lúc 22 tuổi (1945) đã sinh được 3 đứa con. Chú tôi, 2 bà cô, bà chị đi tha phương cầu thực, chết đói ở đâu không biết. Gia đình tôi lúc bấy giờ có 5 miệng ăn, trong nhà chỉ còn được 2 thúng thóc, phải giấu đi, hàng ngày chỉ có ăn cháo, phải đi cấu lúa non mang về rang lên giã thính để ăn. Ông cậu tôi chết đói cả nhà 5 người. Một ông cậu chết cả nhà 7 người. Không có chiếu để bó, chôn ngay góc vườn".

10. Ông Nguyễn Văn Sổ (76 tuổi)

"Năm 1945, do gia đình đói quá phải đi làm thuê ở Bắc Giang, tôi đã tận mắt nhìn thấy nhiều người chết đói rất thảm thương, chôn không kịp. Bản thân tôi phải đi xin ăn, có ngày phải cướp

nắm cơm của người khác để ăn. Cuối cùng lại phải trở về quê, trực tiếp chứng kiến cảnh chết đói. Như gia đình ông Ngóc, ông Ngải có 6 người chết cả 6. Gia đình bà Tán có 5 người chết cả 5, vì chết nhiều quá đào hố thì quá nông mà lại chôn từ 2 đến 3 người nên trông rất thảm thương".

11. Ông Đặng Văn Tuân (73 tuổi)

"Tôi chứng kiến nạn chết đói năm 1945: Xóm tôi ông Ngan chết đói, bó chiếu không kín, hở đầu, hở chân. Nhà ông chú tôi có 7 người, chết đói mất 3 người (Cách, Tinh, Chán), gia đình ông Thụy có 4 người chết cả 4, ông Sản xóm Tây có 6 người chết hết.

Gia đình ông xã Kiên có 4 người chết hết. Bố tôi chết, con cháu đi thuê đồ khiêng, cờ quạt. Thế là lý trưởng gọi phạt với lý do dân cùng đinh khố rách áo ôm, không được phép làm như vậy (tiền thuê: 5 đồng, tiền phạt: 3 đồng).

Mẹ tôi cũng chết đói tháng 2-1945. Tôi phải đi ăn xin để kiếm sống, có lúc phải cướp cơm, cháo để ăn. Gia đình ông Thuế có 6 người thì chết đói mất 3 người, gia đình ông Nghinh có 4 người thì chết đói mất 2 người...".

12. Ông Nguyễn Văn Liệt (76 tuổi)

"Xóm Thượng, làng Nhũ Tỉnh có 14 gia đình chết hết cả nhà không còn một người nào như gia đình ông Nhiêu Ôm 8 người, ông Thâng 6 người, ông Kiểm Bào 5 người, ông Khuể 4 người, chú Vệ Ngẫu 4 người...".

13. Ông Nguyễn Văn Đảng (70 tuổi)

"Trong 3 ngày Tết năm Ất Dậu không có cơm để ăn, ngày mùng 4 Tết tôi phải đi lên Bắc Giang, trên đường đi thấy chỗ nào cũng có người chết đói nằm không khoeo ở nhà. Bà Dì có 6 người thì chết 4 người. Bà Măn 51 tuổi chết ngay đầu làng, quần áo rách

mướp, cháu Vũ Thị Ang 12 tuổi đi xin ăn không xin được, đói quá lăn ra chết ở góc chợ...".

14. Ông Vũ Đình Lộng (72 tuổi)

"Từ ngày 23 tháng Chạp năm 1944, gia đình đã đói rách, phải đi làm thuê, đi xin ăn, gia đình cấy được ao rau cần, hàng ngày luộc rau cần và củ chuối để ăn. Tôi đã trực tiếp đi chôn 21 người chết đói. Ông Xếp có 7 người chết hết. Ông chú tên là Kính chết đói, khi đào hố chỉ sâu 50 phân, vì đói quá không có sức để đào. Ông Tuấn Tình chết đói có 1 chiếc răng vàng 7, bị đục lấy mất. Ông bố tôi cũng chết đói. Gia đình ông Thanh có 9 người chết hết không còn ai. Ông Thiêm không có tiền nộp sưu, đang làm ở ngoài đồng, bị trương tuần lôi về đánh đập từ ngoài đồng đánh về. Vì đói quá lại bị đòn đau, ông lăn ra chết ngoài đường cái".

15. Ông Nguyễn Văn Thư (73 tuổi)

"Bà Ang (cô ruột) có 6 người cả nhà bán hết, ruộng lúa ngoài đồng cũng bán, không còn một hạt gạo, cuối cùng chết đói cả 6 người. Gia đình ông Dậu chết đói 3 người, không có chiếu bó, chỉ vứt xuống hố rồi vùi đi; gia đình ông Tuận 6 người chết cả 6 người; ông Khế chết đói nằm trên chõng tre, khiêng cả chõng tre đi chôn. Từ trưa đến chiều ngày 3-3-1945, tôi chứng kiến 9 người chết đói nằm ở đầu làng".

16. Ông Nguyễn Văn Miễn (77 tuổi)

"Bố mẹ mất sớm, phải đi ở để kiếm sống. Anh tôi và 2 em tôi đi đâu không biết. Vì đói quá, ông Vũ Văn Vìa cậu ruột tôi chết đói. Xung quanh trong xóm, ngày nào cũng có 5 - 7 người chết đói. Nhà ông Vũ Văn Nhưỡng có 5 người chết hết. Gia đình ông Ất 4 người; gia đình ông Công 3 người; gia đình ông Hữu 5 người; gia đình ông

Ôm 8 người đều chết đói hết, không còn ai. Chết vạ đầu đường xó chợ. Có gia đình chết hết không còn ai, chiếu không có mà bó...".

17. Ông Đào Văn Sửu (71 tuổi)

"Năm 1945, tôi 21 tuổi, được chứng kiến cảnh chết đói thảm thương, đi đâu cũng thấy người chết đói nằm không kheo góc chợ, bên lề đường, chỉ có da bọc xương. Có người chết 2-3 ngày, đã có mùi thối, tráng tuần mới lôi đi chôn. Bà Vũ Thị Ré, chị gái mẹ tôi vì nghèo đói, không lấy được chồng, bị đói, chết phải bó chiếu, hở cả đầu và chân; thê thảm nhất là bà Uy, mẹ tôi vì đói quá đi vào bếp ăn trộm cháo, ngã đâm đầm vào bếp có lửa, cháy nổ cả hai mắt, không ai biết, đến sáng hôm sau thì mèo, chó đã ăn hết thịt hai bắp chân, thật là chua xót...".

18. Ông Đào Văn Tẻo (76 tuổi)

"Năm 1945, gia đình tôi có 6 người. Thóc chỉ còn 4 thúng, đói quá, hàng ngày cứ phải đi cậy rau má, đào củ chuối, đi bắt cua, bắt ốc để kiếm ăn cho qua ngày đoạn tháng, quần áo mặc bằng đay trông hở hang, gầy còm. Đi ra ngoài đường, chỗ nào cũng thấy người chết đói, có người chết trần truồng, không có manh vải để che thân.

Gia đình ông Điến chỉ còn một thúng thóc, bọn cường hào cũng lấy đi, chả còn gì để ăn, cuối cùng lăn ra chết đói cả nhà 5 người. Bà Chân có hai mẹ con, vì đói quá cũng lăn ra chết cả.

Gia đình ông Dục 3 người, một ngày chết cả 2 ông bà, rồi đứa con cũng chết luôn. Gia đình ông Dựng có 3 người cũng chết đói cả. Một số người còn sức đi phá kho thóc của quân Nhật để chia nhau ăn. Nhưng cuối cùng cũng đành phải chết đói".

19. Ông Nguyễn Văn Dứ (75 tuổi)

"Năm 1945, tôi đã 25 tuổi, gia đình tôi có 5 bố con. Thóc thì không có vì phải mang nộp thuế, sưu hết rồi, hàng ngày phải đi

tìm kiếm ăn: Đào củ chuối, khoai ngứa, rau má, cây đu đủ, cám rang ăn để cầm hơi. Vì đói quá, bố tôi bị chết đói. Ông anh tôi cũng chết đói.

Gia đình ông bác tôi có 3 người chết hết. Gia đình ông Vệ Hiển có 6 người. Vì đói quá, chết hết cả nhà.

Bác gái tôi chết rồi, đứa con nhỏ còn nằm trên bụng để bú, nhưng còn sữa đâu mà bú, thế rồi cũng lăn ra chết trên bụng mẹ.

Gia đình ông Căn ở xóm Xuân có 5 người chết cả nhà.

Gia đình ông Khiềm có 4 người cũng chết đói cả 4 người.

Gia đình ông Rênh 4 người, chết đói cả 4. Gia đình ông Cỏn, ông Thản, ông Thán, mỗi nhà có 3 người chết đói hết, không còn một ai. Nhiều người chết không có chiếu mà bó. Tôi được chứng kiến: 18 người già có, trẻ có chết đói không có người nào có ván mà chôn".

20. Ông Vũ Văn Nhặng (60 tuổi)

"Lúc đó tôi mới 16 tuổi, tuy còn nhỏ nhưng tôi cũng được chứng kiến.

Nhà ông Vũ Văn Khuê 3 người bồng bế nhau đi ăn mày, đi tới Bắc Giang nhưng cũng không xin ăn được, không có việc gì làm để kiếm sống, cuối cùng lại kéo nhau về quê, rồi cuối cùng cũng bị chết đói cả 3 người.

Ông cậu tôi có 5 người, chỉ còn 4 thúng thóc, phải cất giấu vào chuồng trâu, chuồng lợn, bọn tráng tuần đi lùng sục đe dọa, đánh đập tra tấn rất dã man, cả gia đình ông cậu tôi phải đi xin ăn, đi mò cua bắt ốc, đi đào củ chuối để ăn, lấy thóc trộn thêm với trấu để rang lên làm thính chia nhau ăn. Uống nhiều nước, kể cả nước ao, nước lã, cuối cùng bị đi kiết và lăn ra chết cả gia đình, không còn một người nào sống sót.

Gia đình bà Châu 5 người chết đói cả 5 người. Bà Châu chết ở điếm canh đầu làng tới 2 ngày tráng tuần mới dùng thừng kéo đi chôn.

Gia đình ông anh tôi có 6 người, thóc không có phải mò cua, bắt ốc, đào củ chuối, củ lưa, khoai ngứa để ăn, cuối cùng cả anh chị tôi đều chết đói".

21. Bà Nguyễn Thị Vin (70 tuổi)

"Năm 1945, tôi 20 tuổi, được chứng kiến cảnh chết đói thảm thương. Gia đình tôi có 5 người, không có thóc gạo. Có gia đình phải kiếm ăn bằng mò cua, ốc, đi đào củ chuối, khoai ngứa, đi cạy rau má, thài lài, rau rệu để nấu thành cháo húp.

Bố tôi phải ăn thính rang bằng cám, trấu nên bị đi kiết, không có tiền mua thuốc nên bị chết.

Mẹ tôi và anh tôi cũng vì đói quá phải ăn nhiều thứ linh tinh, ăn quá nhiều chuối hột rồi lăn ra chết. Gia đình tôi chết 3 người (bố, mẹ, anh). Tôi được chứng kiến: Anh Đoán không có tiền nộp sưu, đang làm ở ngoài đồng bọn trương tuần trói lôi về, vừa lôi đi vừa đánh hộc cả máu mồm, máu mũi, vì bị đánh quá đau, lại đói khát nên lăn ra chết, bọn chúng vứt xác đấy, không đem đi chôn, bà con trong xóm phải lôi đi chôn.

Gia đình ông Điều có 2 người, vì đói quá chết cả 2 người.

Gia đình ông Chiệc chỉ có 1 người con trai độc nhất, vì đói quá lăn ra chết tại sân.

Gia đình ông Quy có 6 người chết 5 người. Gia đình ông Diền có 6 người, 4 người con đều là trai, không còn gì để mà sống, nên cả 6 người (hai ông bà, 4 người con) đều bị chết đói.

Gia đình ông Chuế có 3 người thì chết đói 2 người. Và còn nhiều gia đình trong xóm bị chết đói rất thảm thương, chiếu không có để mà bó, có ông, có bà chết không có lấy một mảnh vải che thân...".

22. Bà Vũ Thị Điểm (73 tuổi)

"Năm 1945, tôi đã 23 tuổi. Tôi được chứng kiến nạn chết đói cuối năm 1944 đầu năm 1945.

Gia đình tôi có 8 người thì có tới 5 người chết đói. Cả gia đình chỉ có 4 sào ruộng để cấy lúa, thu được 2 tạ thóc, mà nộp thuế điền cộng với thuế sưu mất hơn một tạ thóc, số thóc còn lại chỉ mấy chục cân mà phải ăn ba, bốn tháng trời. Cho nên ngày này qua ngày khác chỉ có ăn cháo, ăn thính, đi mò cua, bắt ốc, ăn củ chuối, rau má, khoai ngứa, lúc nào cũng thèm cơm nhưng không được ăn cơm, và cũng chẳng bữa nào được no bụng, vì vậy đã chết đói mất 5 người.

Gia đình ông Trách có 6 người chết cả 6 người, không có người khiêng đi chôn, cuối cùng trương tuần dùng thừng, chão để tròng vào cổ lôi đi chôn.

Gia đình ông Nhưng có 5 người thì 3 người chết đói, mắt tôi trông thấy hầu hết những người chết đói không có ván mà chôn. Nếu có thì bó chiếu, có bốn trường hợp chôn 2-3 người một hố, huyệt lại đào quá nông, chỉ sâu đến 50-70 phân; có trường hợp đã chôn cất nạn nhân chỉ sau 3-4 ngày là có mùi hôi thối, mất vệ sinh, có trường hợp phải đào lên đem đi xa làng mới chôn lại...".

23. Ông Vũ Văn Thung (83 tuổi)

"Năm 1945, tôi 33 tuổi. Vì đói quá, ở nhà cũng chết, nên đã ra đi lên Bắc Giang để xin ăn. Đi từ nhà tới Bắc Giang, thấy chỗ nào cũng có người chết đói. Vì đói quá phải cướp cơm nắm, cướp bánh để mà ăn, nếu không thì cũng chết đói. Không ở trên Bắc Giang được. Tôi lại về quê để đi xin ăn và đi làm mướn cho địa chủ.

Tôi được trông thấy người chết đói, không có ván, chỉ có bó chiếu, có người chết đói ở xó chợ, góc đình, có người phải đóng bè chuối để chở đi chôn.

Gia đình chú tôi có 6 người, chết hết không còn ai.

Gia đình ông Giới có 5 người, chết đói cả 5 người".

24. Ông Trần Đình Khả (76 tuổi)

"Năm 1945, tôi đã 26 tuổi, được chứng kiến nạn chết đói khủng khiếp mà đời đời còn nhớ mãi.

Gia đình ông bác tôi vì đói quá phải đi tha phương cầu thực để kiếm ăn, không biết chết đói ở đâu.

Gia đình ông Đạo có 5 người, chết đói cả 5 người.

Gia đình ông Diển 4 người chết cả 4.

Gia đình ông Phương 5 người chết đói cả nhà 5 người.

Ông Mạc, ông Nhiêu Lãn, bà Bồng chết đói, chiếu không có mà bó, chết thê thảm, chỉ có da bọc xương, chết đầu đường xó chợ, trông rất khủng khiếp...".

25. Ông Vũ Ngọc Điến (67 tuổi)

"Năm 1945, tôi đã chứng kiến cảnh chết đói đầu đường xó chợ, nơi nào cũng có người chết đói.

Tôi đi chăn bò, sáng tinh mơ đã giẫm lên 2 người chết đói ở bên đường. Gia đình cụ Lách 6 người chết hết.

Gia đình cụ Ba Tung có 5 người, chết đói cả 5 người. Có nhà 6 người chết đói cả 6. Người chết không kịp chôn, để thối cả ra mới lôi đi chôn".

26. Ông Phạm Văn Dư (66 tuổi)

"Được mắt thấy, tai nghe nạn chết đói 1945, gia đình có 6 người (4 con gái) chết đói cả 6 người. Gia đình bà Xã Dũng, gia đình ông Vũ Văn Thiềng có 2 người chết đói cả 2 người cùng một ngày 25 tháng 2 năm 1945. Bà Nguyễn Thị Tín gia đình có 4 người chết đói cả 4 người (đi xin ăn).

Gia đình ông Vũ Văn Tước, gia đình ông Vũ Văn Tường bồng bế, dắt díu nhau đi Bắc Giang để kiếm việc làm, nhưng không có việc làm, phải đi xin ăn rồi chết đói cả, bỏ xác ở đó, không biết chết ở đâu nữa. Gia đình ông Vũ Văn Nhiên 3 người chết đói cả 3 người. Ông bà Than làm mõ cũng bị chết đói. Ông Chư, bà Sại vì đói quá phải bán hết ruộng, nhưng cuối cùng vẫn bị chết đói...".

27. Ông Vũ Văn Khải (78 tuổi)

"Năm 1945, tôi 28 tuổi, đã chứng kiến cảnh chết đói khủng khiếp. Ông chú ruột, bà thím, bà cô tên là Phễn, cả hai ông bà đều chết đói, hai vợ chồng ông bà Phi đều bị chết đói, bà Hiên cả hai mẹ con chết đói, hai ngày sau mới có người đem đi chôn, có ngày đi làm vì đi sớm đã giẫm lên xác chết, rùng mình sợ...".

28. Ông Trần Văn Tảo (70 tuổi)

"Giặc Pháp, giặc Nhật bắt dân nộp thóc tạ, vơ vét của dân hết thóc nên không gì để mà sống; thóc để cho ngựa ăn, đổ xuống sông, trong khi đó thì nhân dân không có để mà ăn.

Bà cô ruột, 2 anh đều bị chết đói, tôi được biết 7 gia đình trong xóm, mỗi gia đình có từ 4 đến 8 người đều bị chết đói hết, không còn một ai sống sót. Ngay đầu làng, ngày nào cũng có từ 4 người đến 10 người chết đói, có người rúc vào đống rạ. Nằm vạ vật ngoài quán chợ, quần áo tả tơi, có người chết đói, không có lấy một tấm vải che thân. Có bà mẹ đã chết rồi, con vẫn nằm trên bụng, rúc vào bú, rồi cũng lăn ra chết. Chôn không xuể, có hố chôn tới 3 đến 4 xác chết. Có người bó chiếu, đầu, chân không có chiếu, hai người khênh, đầu chân cứ lắc la, lắc lư, trông rất thảm thương, có người chết đã hai, ba ngày vẫn chưa thấy mùi hôi thối, vì thân thể gầy guộc, chỉ còn da bọc xương".

29. Ông Đặng Văn Mầm (80 tuổi)

"Gia đình có 6 người, thóc chỉ còn có 4 thúng, phải cất giấu ở thùng trấu, hàng ngày cả bố mẹ, anh chị em phải húp cháo (thực chất là hồ), phải đi đào củ chuối, cây đu đủ thái ra để độn, lúc nào cũng thấy đói. Thèm có một bữa cơm. Nhưng không có được. Sau đó anh em phải dìu dắt nhau đi ra Đông Triều, Mạo Khê, đi đội than kiếm sống.

Ở nhà, bố mẹ phải bán 2 sào ruộng (vay của địa chủ 3 sào) được 3 thúng thóc chỉ để rang thính ăn cầm hơi.

Lúc đó thóc trong kho, chánh phó lý mở kho bán cho dân. Nhưng khi đến dân thì thóc trong kho đã gần hết. Vì bọn nhà giàu có quyền thế trong tay đã chia nhau rồi lại cho dân vay lấy lãi gấp 2-3 lần. Cách nào thì người dân lao động cũng chết đói.

Vì đói quá, bố mẹ tôi đều bị chết đói; không ngày nào không có người chết đói rất thảm thương".

TIẾNG NÓI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG

1. Ông Nguyễn Văn Kính (65 tuổi)

Dân tộc Mường.

"Tôi sinh ra và lớn lên tại Trung Mường. Trước cách mạng, dân tộc Mường chúng tôi ở đây cực khổ vô cùng, khổ vì lang đạo, khổ vì quân Tây, Nhật. Nhật tràn vào, bắt dân chúng tôi phải nộp thóc tạ. Riêng nhà tôi phải nộp 12 thúng (cứ cấy 3.000 bó mạ thì phải nộp 12 thúng). Mang thóc đi nộp mà chẳng được đồng tiền nào, chúng tôi cũng chẳng biết là nộp hay bán mà chẳng được tiền. Cũng vì thế, mà hết thóc ăn, dẫn đến nạn đói. Dân ở vùng núi chúng tôi cứ hết gạo ăn thì lại lên rừng đào củ mài, nhưng năm 1945, củ mài cũng chẳng còn. Trong làng, nhiều người bị chết. Càng gần đến lúc sắp có thóc lại càng chết nhiều hơn.

Năm ấy cũng có 2 người Nhật về đây. Nghe nói là họ về bắt cướp. Họ không bắt nhổ lúa trồng đay hay trồng thầu dầu như ở các nơi khác. Dân chết đói là do Nhật - Pháp thu thóc tạ. Rồi người buôn từ nơi khác về mua thóc gạo, càng làm cho thóc gạo khan hiếm.

Lúc ấy tôi mới 15-16 tuổi, nhưng cũng đã biết. Cái đói ập đến làm cho nhiều nhà khổ sở. Thảm nhất là mấy nhà cả vợ chồng con cái đều chết như nhà ông Khán có 3 người chết cả 3. Nhà ông Gốc cũng chết cả 3 người. Nhà ông Nhờ 5 người chết cả 5. Bấy giờ ở Trung Mường có khoảng 60 hộ thì có đến 26 hộ có người chết đói...".

2. Ông Đinh Công Hội (80 tuổi)

Dân tộc Mường, người xóm Dủ.

"Trước cách mạng ông đẻ ra tôi làm phó lý, được cửu phẩm bá hộ, nhà cũng nghèo lắm.

Ở đây, xóm Dủ và xóm Mùn là nghèo nhất. Ruộng đất bị lang đạo chiếm 1/3 là những ruộng tốt nhất, họ không phải làm gì, không phải nộp thuế, đều do dân gánh chịu.

Năm 1944, quân Nhật - Pháp thu thóc tạ nặng lắm, mỗi nhà phải bán 2/3. Nộp xong rồi, nhiều nhà không còn gì để ăn nữa. Đến tháng Giêng năm 1945 thì đói lắm. Củ mài trong rừng cũng hết, phải ăn đến củ chuối và các loại cây củ linh tinh. Riêng xóm Dủ có 7 gia đình chết không còn một ai, như nhà ông Nhội 3 người, nhà ông Rưỡng 4 người, nhà ông Cao 4 người, nhà ông Độ 3 người, nhà ông Tiến 4 người, nhà ông The 3 người, nhà ông Nhóm 3 người đều chết mất nóc (tức là chết hết, xóa sổ)...".

3. Ông Nguyễn Hữu Quốc (62 tuổi)

Dân tộc Mường, người xóm Mè.

"Xóm này trước đây gọi là làng Mè, có 2 lang đạo, là Đinh Văn Hội và Đinh Văn Điển.

Nạn đói năm 1945 làm cho nhiều gia đình lâm vào cảnh chết đói, có nhà ông Roọng 5 người chết hết. Do đói kém nên nạn cướp đường hoành hành. Việc đi lại rất khó khăn. Mang một vài cân gạo vào đến đây cũng rất là nguy hiểm. Một cân gạo có thể đổi được mấy con gà.

Nguyên nhân của nạn đói là do thu thóc tạ. Mỗi một nhà, như gia đình chúng tôi đây là ậu gia, có cả ruộng tư và ruộng công,

phải bán 3 thùng (mỗi thùng 14,5kg). Những gia đình nào không có thóc thì phải đi đong. Không có thóc mang đi nộp thì phải phạt vạ, bị đánh đập.

Còn việc nhổ lúa trồng đay, trồng thầu dầu như ở vùng xuôi thì ở đây chúng tôi chỉ phải trồng những vườn đay, vườn thầu dầu có ý nghĩa tượng trưng. Dân phải bỏ công sức phát rừng làm vườn để trồng những vườn thí nghiệm. Sau quân Nhật cũng không lấy đi.

Về ruộng, ở làng Mè có khoảng 23ha, 2 lang chiếm 7ha. Trấu, ậu, hầu chiếm khoảng 4ha. Ruộng tư còn khoảng 7ha. Còn lại là ruộng để chia cho dân theo hộ...".

4. Bà Đỗ Thị Gấm (78 tuổi)

Dân tộc Mường.

"Ông nhà tôi thì vừa mới mất, còn tôi cũng chẳng sống được mấy nữa, nhưng nói đến nạn đói năm Ất Dậu thì không thể nào quên được. Ở vùng núi chúng tôi ít người lắm. Hết gạo thì vào rừng đào củ mài, có ai chết đói đâu. Thế mà năm ấy, nhiều nhà phải chịu chết. Cái đói kéo dài mãi, củ mài rồi rau rừng cũng hết. Lúc có lúa lên, nhịn đói mãi rồi, ăn vào cũng chết...".

5. Bà Đinh Thị Niên (58 tuổi)

Người Trung Mường, lấy chồng xóm Mè.

"Tuy còn bé, tôi cũng biết lúc xảy ra nạn đói, ở Trung Mường không mấy nhà còn thóc. Nhà nào cũng phải rau cháo suốt mấy tháng liền. Có đến gần một nửa số gia đình có người chết. Có 3 nhà chết mất nóc, không còn một người nào. Nhà ông Nguyễn Văn Nhờ chết cả vợ chồng và 3 người con. Bây giờ Trung Mường nhà cửa chen chúc đông vui, chứ năm đói thì vắng vẻ lắm. Nhà nào biết nhà ấy, có mấy lúc ra đến đường. Sau nạn đói mới biết nhiều người bị chết...".

6. Ông Nguyễn Văn Tích (76 tuổi)

Dân tộc Mường, thành viên Ban Sưu tầm biên soạn lịch sử xã Yên Quang.

"Khi tham gia biên soạn sách *Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Yên Quang*, in năm 1986, chúng tôi đã tiến hành việc điều tra những gia đình có người chết đói năm 1945. Tuy lúc ấy chưa làm kỹ được như lần này, nhưng cũng có được những số liệu gần sát (chết đói là 200, trong đó có 17 gia đình bị chết đói cả nhà). Lần này tìm thêm được 7 người nữa và số hộ chết hết cũng tìm thêm được 2 hộ nữa. Theo tôi thì số liệu điều tra lần này là chính xác, vì được tiến hành rất chu đáo và có phương pháp, có phương tiện kỹ thuật như máy tính, máy ảnh, máy ghi âm.

Nói về nạn đói, năm ấy tôi cũng đã 26 tuổi, nghĩ lại mà cơ cực. Đến nay đã gần hết đời người rồi, đã trải qua nhiều gian khổ, nhưng có lẽ cái đói là khổ nhất. Lúc chiến tranh bom đạn thì chỉ nghĩ đến chiến thắng, không biết sợ chết bao giờ. Nhưng trong nạn đói thì chỉ nghĩ đến cái chết, cố cho vào bụng bất cứ thứ rau củ nào cho no để khỏi đói, khỏi chết".

7. Bà Nguyễn Thị Vững (85 tuổi)

Dân tộc Mường, xóm Dủ.

"Năm ấy tự nhiên thóc gạo biến đi đâu hết. Mới mấy tháng trước, người buôn còn đến mua, người bán ít kẻ bán nhiều vẫn có. Vậy mà đến sau Tết, hầu như nhà nào cũng hết. Ngay như trong nhà lang đạo cũng hết, nếu có còn thì cũng không nhiều. Nghe nói có nhà lang đã phải ăn củ mài.

Trong nạn đói, phụ nữ và trẻ em Mường khổ lắm. Vào rừng đào củ mài, sức yếu đào chẳng được, còn phải lo mang về cho chồng con. Người chết ngoài đường, ngoài rìa rừng phần nhiều là phụ nữ và trẻ em. Những nhà có người chết đói thường là có trẻ em. Như nhà ông Hoàng Công Bưởi, chết 3 người thì 2 đứa con chết trước...".

TIẾNG NÓI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG

1. Ông Mai Quang Khải (74 tuổi)

"Năm 1943, tôi đi Yên Thế. Năm 1944, tôi về nhà. Bấy giờ nạn đói đã xảy ra ở nhiều nơi. Trên đường từ Yên Thế về, dọc đường đã thấy lũ lượt người từ vùng Thái Bình, Nam Định kéo nhau ra thành phố, lên ngược. So với các nơi, vùng quê tôi, vì là đồng bãi, gần sông, gần thị xã Hưng Yên nên cũng dễ kiếm ăn hơn. Nhưng đến năm 1945 thì cũng bắt đầu hết cái ăn, số nhà chết đói ngày một nhiều hơn. Nhà ông Đoàn Văn Phan 6 người chết cả 6. Nhà ông Đoàn Văn Khiết 7 người, chết 4 con. Nhà ông Đoàn Văn Hợp 8 người, chết 3. Nhà tôi có 5 người, cấy 4 sào công điền. Bà nhà tôi chuyên nấu bánh đúc. Còn tôi đi dệt đay thuê cho Sở Nhật. Vợ chồng tần tảo cũng lo cho các cháu qua được nạn đói. Bấy giờ bà nhà tôi bán bánh đúc ở chợ, người đói lang thang cứ lăn xả vào cướp. Phải có người canh mới giữ được. Hằng ngày, từng đoàn người rách rưới từ mạn Thái Bình qua sông sang bên này cũng không kiếm được cái ăn, lại kéo nhau ra thị xã Hưng Yên. Dân làng mình cũng đang chết đói, cứ trông thấy cảnh ấy lại càng lo sợ hơn.

Khi tôi ở Yên Thế về thì đã thấy có xưởng dệt bao đay của Nhật rồi. Chỗ ấy đến bây giờ vẫn gọi là Sở Nhật, ở gốc đa vẫn còn 2 hòn đá lăn. Ở mấy thôn này, phải trồng đay hết mấy cánh đồng bãi. Nhưng đay vẫn không đủ cung cấp cho xưởng, phải chở từ nơi khác về...".

2. Ông Đoàn Văn Đạo (82 tuổi)

"Nhà tôi được nhận đay về xe cho Sở Nhật. Họ trả cho 2 xu hay 2 hào một kilôgam, tôi không nhớ chính xác, nhưng so với thời giá lúc ấy cũng đủ cho 2 bữa ăn lúc thóc gạo rẻ. Sang năm 1945, giá gạo lên cao quá, thành thử tiền xe đay thuê không đủ để mua gạo, mà ở chợ cũng có gạo đâu mà mua. Nhiều nhà xe đay thuê, có tiền trong tay rồi cũng chết đói.

Mỗi lần mang sợi đay đến xưởng là một lần lo sợ. Họ kiểm tra kỹ lắm. Sợi không làm kỹ, sợi xe không săn thì bị đánh, không được trả tiền công...".

3. Ông Vũ Văn Bàn (70 tuổi)

"Nhà tôi cũng đánh đay cho Nhật, mỗi kilôgam được 2 xu hay 2 hào, nhưng bấy giờ kiếm được việc làm khó khăn nên quý lắm. Cả nhà xúm vào việc đánh đay. Nhận được tiền công lại trang trải nợ nần rồi đong gạo ăn. Mấy năm đầu xem ra thấy yên ổn, vì cũng tạm đủ sống. Nhưng về sau thì tiền đánh đay chẳng thấm tháp gì

so với giá thóc gạo tăng. Nhiều nhà đói quá, không đánh được đay nữa lại bị lý dịch đến nhà thúc ép. Nhiều người nói là bị phátxít Nhật đánh đập, nhưng bấy giờ tôi chỉ thấy cánh tay sai làm thuê cho Sở Nhật hoạnh họe...".

4. Ông Đoàn Văn Chiểu (71 tuổi)

"Nhà tôi đến năm 1945 mới xe đay cho Sở Nhật, được mấy tháng thì Nhật thua, rút đi. Một lần tôi mang sợi đay đến nộp, họ chê đay xấu, định đánh tôi như đối với những người khác. Nhưng không biết vì sao họ lại tha không đánh nữa. Thế là tôi thoát đòn.

Nói về ruộng đất, tuy mỗi nhà ở Liên Phương cũ đều có ruộng, mỗi suất đinh cũng được 2 sào, có nhà được chia đến 6 sào. Nhưng phần nhiều cho cố. Chỉ có những nhà giàu mới cấy, mới nhận cố. Tuy nói là có ruộng, nhưng nói chung là không có cấy hái gì, chỉ chuyên đi làm thuê, đơm đó, chợ búa, xe đay...".

5. Bà Bùi Thị Nhị (68 tuổi)

"Nhà tôi ở đối diện với Sở Nhật, chỉ cách một con đường. Khu vực trồng mía bao la hiện nay ở trước nhà tôi là Sở Nhật hồi trước cách mạng. Bấy giờ người ta gọi là Đài Nam Cô Si. Còn dân mình cứ quen gọi là Sở Nhật. Bà Tuệ vẫn kể với tôi là bấy giờ bà có may mắn được vào Sở

Nhật để khâu bao đay. Một người Nhật có tên là Taxiki rất tử tế, không đánh ai, lại vui tính...".

6. Ông Nguyễn Văn Lai (71 tuổi)

"Vùng chúng tôi là đất bãi nên Nhật - Pháp thúc bách việc nhổ lúa trồng đay, trồng thầu dầu rất gắt gao. Mấy sào ruộng bãi của nhà tôi đều phải trồng đay hết. Nhà nào không trồng thì bị phạt, bị đánh. Lý dịch trong thôn xã trực tiếp thúc bách từng nhà và dọa là nếu không trồng đay thì lính Nhật sẽ về giết cả nhà. Vì thế ai cũng phải nghe theo...".

7. Ông Nguyễn Văn Kiểm (77 tuổi)

Sở Nhật đóng ở đây đến mấy năm. Bấy giờ trông lớn lắm. Lúc thất trận, quân Nhật cũng kéo về đây, khoảng 2 tiểu đoàn, không ở trong Sở mà mượn nhà dân. Đám chỉ huy thì ở nhà cụ Tiến. Khi rút ra Hải Phòng, có cho gia đình cụ Tiến gạo nên nhờ thế mà không bị đói. Những nhà có lính ở nhờ cũng đều cho gia chủ gạo.

Tôi nói thêm về việc đánh đay thuê cho Nhật. Nhà nào nhận đay về cũng phải ngâm nước cho thối vỏ xanh rồi mới tước lấy sợi. Công tước sợi và công xe mỗi kilôgam 2 hào. Khâu bao thì 6 hào một chục cái. Nếu không làm đúng kỹ thuật thì bị đánh...".

8. Ông Nguyễn Văn Đàn (74 tuổi)

"Phải phân biệt Nhật buôn và Nhật binh. Nhật buôn về lập sở, gọi là Đài Nam Cô Si, bắt dân ta nhổ lúa trồng đay, rồi mở xưởng dệt bao đay. Chúng ở đây cũng khá lâu, không nhớ chính xác là năm nào, khoảng những năm 1941 - 1942, đến năm 1945 mới thôi. Xưởng đay mà ta quen gọi là Sở Nhật có 8 dãy nhà, mỗi dãy 6 - 7 gian, vừa làm kho, vừa làm xưởng dệt, nhà ăn... Bây giờ vẫn còn 2 hòn đá để lăn xe sợi đay.

Còn Nhật binh chỉ về đây khi thất trận. Chúng kéo về chừng 1.000 quân, nghe nói là 2 tiểu đoàn, đóng ở nhà dân, còn chỉ huy thì ở nhà cụ Tiến. Lúc thất trận rồi, trông chúng cũng hiền, không làm phiền gì dân. Những nhà họ đóng quân đều có cho gạo gia chủ nên không bị chết đói. Hằng ngày chỉ thấy mấy tốp lính nấu ăn khiêng cơm đi trên đường, vừa đi vừa ăn...".

TIẾNG NÓI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG

1. Ông Nguyễn Kim Lương (82 tuổi)

Năm 1945, gia đình cũng bị đói, phải đưa vợ con về nhà bố mẹ vợ ở làng Đức Phong (xã Cổ Tuyết). Trước năm 1945, bố làm lý trưởng, ông đã từng giữ sổ sách của xã, biết được tình hình ruộng đất, nhân khẩu của làng.

"Trong đợt chết đói năm 1945 có nhiều người làng Hương Nộn bị chết. Nhưng có nhiều cách chết khác nhau. Có những người trong mấy tháng đói, ăn uống kham khổ, chỉ có rau, củ chuối... đến khi có lúa gặt về, ăn vào rồi bị chết (chết no). Ở làng có trường hợp ông Nguyễn Văn Tự, ông Lại Văn Thúc, ông Lại Văn Thích, gia đình ông Công Dược, ông Quản Tổng (bố ông Khóa)... đều là những người bị chết sau khi đã có lúa gặt về rồi. Nguyên nhân là do nạn đói. Vì lúc chưa có lúa, ăn uống thất thường, không có chất dinh dưỡng, cơ thể yếu mệt, đến lúc có lúa ăn no vào đột ngột, không đau ốm gì mà chết. Làng có đến 3 - 4 gia đình có người chết sau khi đã có lúa gặt về rồi, số người chết vì no đến 5 - 6 người. Cũng là chết nhưng mỗi người chết theo cách khác nhau, như gia đình ông Quất Chi (em ông Đình) chết vì bệnh tật và đói, không có thuốc rồi chết. Hoặc như bà Bông (vợ ông Quất) ốm hậu sản không có thuốc, lại ăn linh tinh, đến lúc gặt lúa về cho ăn tốt cũng chết.

Khi đó tôi và một số ông khác làm tuần phiên. Ông Kỳ Cù làm phó lý, Tuần Nhung làm trương tuần, ở xóm dưới ông Cứu làm quản xã. Quan huyện sức tuần phiên và phu đinh phải đi nhổ, phát ngô để trồng thầu dầu. Nó bắt trồng thầu dầu và đay là phục vụ cho chiến tranh: Đay để đan túi đựng thóc lúa, lương thực, thầu dầu để ép lấy dầu chạy máy, lau súng đạn... Lúc đó quân Nhật đóng ở chùa Thông (Sơn Tây) và thị trấn Hưng Hóa.

Vụ đầu quân Nhật bắt phát 2 hàng ngô, để lại 1 hàng. Sở dĩ được để lại 1 hàng ngô, vì các hàng chức dịch ở làng đã phải đem tiền đi nói khó với quan trên mới được để lại. Nếu không thì phải phá hết.

Năm sau, nó bắt trồng đay, trồng thầu dầu hết. Năm đó quân Nhật đảo chính hất cẳng Pháp, đuổi quân Pháp chạy từ Hà Nội - Sơn Tây ngược theo đường Hưng Hóa lên phía Bắc. Lính Pháp chạy đến đâu thì lính ngụy chạy theo đến đấy. Những lính ngụy vứt súng, đổi quần áo dân thường mà tản về quê với gia đình. Làng Hương Nộn lúc bấy giờ có một cánh đồng rất rộng, nhưng là đồng chiêm trũng. Tháng 11 âm lịch rồi mà vẫn có người bị chết đuối. Một số lý dịch trong làng đã bán cánh đồng đó cho Nhà Chung. Về sau Nhà Chung cho đào ngòi dẫn phù sa bồi dẫn lên mà thành cánh đồng (gọi là đồng Đức cha, hay đồng Nhà Chung). Khu đồng ấy rất rộng, nhưng dân bên lương không được cày cấy. Đồng Nhà Chung có nguồn lợi rất lớn, người ta chỉ cấy một vụ chiêm, còn vụ mùa thả cá và đón cá ở ngoài sông vào. Đến tháng 11, 12 người ta tháo cạn đồng để bắt cá thì đồng thời cấy chiêm luôn. Dân bên lương phải đi cấy mướn cho bên đạo: Mỗi mẫu cấy thuê được 5 - 6 đồng công. Khi đó làng Hương Nộn chia làm hai bên: Bên lương và bên giáo. Nạn đói năm 1945 chết đói chủ yếu là bên lương. Bên đạo không bị chết nhiều vì còn có tổ chức cứu tế của nhà thờ (từ 3 - 5kg/lần). Bên lương có gia đình nhà Lý Cù

và ông Nguyễn Văn Thụ đi quyên góp và nấu được mấy bữa cháo để cho bà con dân làng đói đến ăn (ông Thụ là đại biểu cứu tế). Lúc ấy tiếng là phát chẩn nhưng không thấm vào đâu, chỉ có một số người đói quá không kiếm được gì ăn nữa thì phải đến ăn. Cũng có một số quan thấy cảnh dân đói thì nấu cháo hoặc đem gạo đến, nhưng vì quá ít, không giải quyết được gì, vì số người bị đói quá đông.

Năm đó đói kéo dài trong ba tháng (tháng 2, tháng 3, và tháng 4) vì thế nhiều gia đình phải đi nơi khác kiếm ăn như đi vào Thanh Sơn: Nhà ông Trúc Tường, nhà ông Đức Phương, nhà ông Phòng... Bản thân gia đình tôi cũng phải cho vợ và con về nhà ông bà ngoại ở xã Cổ Tuyết đến khi có lúa gặt mới đón về. Lúa chiêm năm ấy rất tốt, lúa thu được nhiều. Ngoài ra dân cũng sợ đói mà trồng rất nhiều sắn.

Làng Hương Nộn ruộng ít, cả làng có khoảng 170 mẫu ruộng (cả ruộng dộc) thì riêng cánh đồng Nhà Chung đã chiếm 100 mẫu. Số còn lại có 70 mẫu của 4 giáp bên lương với số nhân khẩu đông hơn.

Trên phạm vi đất của làng nào, nếu có người chết đói thì dân làng ấy phải chôn cất. Bấy giờ cũng có người ở vùng xuôi đi kiếm ăn qua làng mà bị chết ngoài đường.

Như vậy là cái nạn phải trồng thầu dầu đã kéo dài mấy năm liền (1943, 1944, 1945) làm ảnh hưởng đến đời sống của dân, vì nguồn lương thực dự trữ trong dân đã bị cạn kiệt, làm cho dân khốn khổ. Kho thóc ở Hưng Hóa mặc dù rất nhiều thóc dự trữ, nhưng do quân Nhật quản lý. Đến khi phá kho thóc năm 1945 thì người làng Hương Nộn cũng không có mấy người cướp được thóc vì sợ bị bắn chết. Trong khi dân chúng xông vào phá kho thóc, quân Nhật đã xả súng bắn chết 2 người, nên nhiều người không dám vào...".

2. Ông Nguyễn Văn Bình (80 tuổi)

Năm 1945, nhà ít người, kinh tế khá. Chứng kiến cảnh người chết đói ở dọc đường làng xuống Hưng Hóa, cảnh cướp kho thóc của Nhật ở Hưng Hóa.

"Năm 1945 dân làng bị đói, có nhiều người chết đói, nhưng mỗi người chết một cách khác nhau: Con ông Đễ vì đói quá không có gì ăn, nhặt hạt quả vải về rang lên ăn rồi không đi ngoài được mà chết. Anh Phước cũng bị chết đói. Mẹ ông Đặng Văn Bạo cũng bị chết đói. Ông Bếp Ngưỡng đi về Hưng Hóa để xin phát chẩn, chưa về đến nơi đã bị chết. Người con ở trên làng nghe tin bố chết ở Hưng Hóa mà không thể đi đem xác về chôn cất được.

Nhà ông Quất Chi cả hai anh em bị chết đói. Ông Quán Tổng thì chết sau khi có lúa gặt về, ăn no vào mà chết. Bà Diện (vợ ông Căn) chết để đến nỗi dòi đục, về sau phải quấn giát giường đem chôn ở ngoài bờ ngòi. Có người ở nơi khác đến xin ăn như bố ông Vóc, chết ở chợ không có ai chôn. Khi đó tôi là tuần phiên bị lý dịch (ông Nghĩa) sai đi chôn, phải lấy chiếu rách quấn vào rồi đem lên khu nhà Mão (trường cấp III bây giờ) để chôn. Ông này là người Thái Bình lên. Nhà ông Tự Đặng cũng bị chết đói. Mẹ ông Nguyễn Kim Lương cũng phải đi bóc nõn chuối để ăn. Nhà tôi khi đó mới chỉ có hai vợ chồng, còn một ít thóc giống mà tôi phải cho vào ống tre cất kỹ trên gác bếp vì sợ ở nhà vợ đem xuống xay ra ăn mất. Hằng ngày tôi nấu một nồi cháo (cho thêm nước sôi vào cho gạo nở ra được nhiều cháo) ăn cả ngày. Ăn cháo xong đi cuốc đất trồng sắn. Tôi trồng được một nương sắn, nhưng phải làm lều trông vì sợ bị mất trộm. Về sau tôi đổi một khóm sắn được 1 giành cá.

Năm ấy có nhiều người chết đói ở dọc đường hoặc ở chợ. Tôi còn nhớ, có lần tôi đi từ trên làng xuống Hưng Hóa, chỉ cách có 4km mà

trông thấy 4 người chết đói nằm khô ở bên đường, không có ai chôn cất. Những người đó đều là dân ở các nơi khác đến. Nạn đói xảy ra khủng khiếp đến nỗi có nơi người ta đã ăn thịt người. Tôi được nghe cô Thiệp kể lại rằng: Năm đó cô Thiệp với anh tên là Lịch lên Lào Cai để kiếm ăn. Khi vào một quán ăn, chủ quán đưa ra 2 đĩa thịt quay vàng (giá bán 5 hào 1 đĩa). Người em không dám ăn, ông anh đói quá ăn hết cả 2 đĩa thịt; đương ăn thì thấy 1 viên sĩ quan Nhật đi vào quán. Không nói năng gì, viên sĩ quan Nhật đẩy cửa vào buồng trong, lật đám chiếu manh ra thì thấy 1 sọ người và xương người đang gói để ở đấy. Lão chủ quán bị viên sĩ quan Nhật lôi ra chém chết ngay ở giữa sân. Qua những người phiên dịch cho biết, viên sĩ quan Nhật đã được báo rằng chủ quán đã mổ thịt người bán cho khách.

Năm đó đói khổ, có nhiều đứa trẻ ở dưới xuôi lang thang đi xin ăn, có đứa được làm con nuôi người làng này (như anh Thân - con ông Sưu Cứ) mà ngày nay vẫn không biết quê gốc ở đâu. Bấy giờ ông Chát Thành làm lý trưởng ra lệnh phát ngô, nếu ai không chịu phát thì phải phạt. Nhiều người không nỡ phát ngô, lý trưởng đánh trống ra lệnh cho tuần phiên ra phát ngô để trồng đay. Chính vì thế mà dân bị đói. Bà Diện vợ ông Căn chết không có người chôn. Gia đình ông Thạch Sơn nghèo đến nỗi cả hai anh em lớn hơn 10 tuổi mà không có quần áo mặc. Bấy giờ lúa bị giặc Nhật vơ vét thu vào kho ở Hưng Hóa dùng cho ngựa ăn. Vì thế dân bị đói, kẻ có tiền cũng không mua được thóc gạo để ăn. Đến khi dân bị đói quá, đã xuống Hưng Hóa để cướp kho thóc, quân Nhật bắn chết mấy người. Chính tôi đi đến làng Bảo Vệ Hạ, trông thấy cảnh ấy, sợ quá không dám xuống nữa. Bấy giờ người đi cướp kho đông lắm. Ông Túc Đoài cướp được 1 con ngỗng mà người ta chen nhau đến lúc quay ra chỉ có cái cổ ngỗng.

Lúc đó có người đói quá đi ra đồng bẻ trộm ngô của bên đạo, bị người bên đạo bắt trói lại rồi đánh cho đến chết (như anh Hải). Ruộng đất của bên lương rất ít, còn lại là ruộng đất của Nhà Chung.

Nhà Chung cấm không cho dân bên lương thả trâu bò và đi qua đồng của họ. Bấy giờ bên đạo có thế, nhiều người phải theo đạo để được ruộng cấy (chẳng hạn ông Quảng Mịch phải theo đạo để được 5 sào ruộng cấy)...".

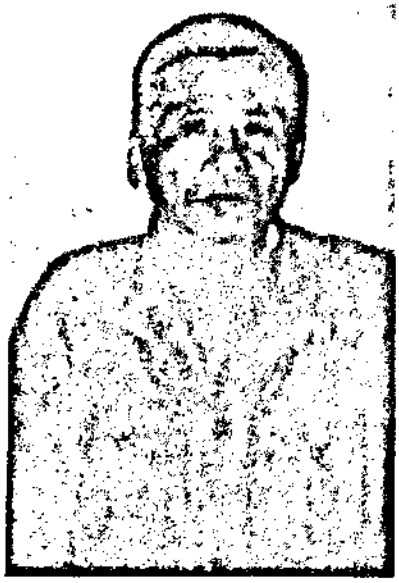

3. Ông Trần Văn Sử (71 tuổi)

Năm 1945, gia đình bị đói, phải vào Thanh Sơn kiếm sống mới thoát chết. Ông chứng kiến nhiều gia đình ở xóm Lăng bị chết đói.

"Lúc bấy giờ diện tích trồng ngô chủ yếu hai bên bờ sông. Khi ngô đã lên cao 60 - 70cm thì bị buộc phải phát đi trồng đay, trồng thầu dầu. Do phátxít Nhật bắt dân phải đi phát ngô đi để trồng đay, thầu dầu, nên dân bị đói đến như thế, chứ trước đây dân mình tuy nghèo khổ, nhưng chưa khi nào bị đói chết như vậy. Nguyên nhân chính là phátxít Nhật sang gây nên nạn đói. Quân phátxít Nhật sang đây năm 1942. Chúng vơ vét thóc lúa, lại bắt dân trồng đay, thầu dầu nên đến cuối năm 1944 đầu năm 1945 thì nạn chết đói xảy ra.

Bấy giờ đóng thuế bằng tiền, người nông dân phải bán thóc để lấy tiền đóng thuế. Quân Nhật có dự trữ kho thóc lớn ở Hưng Hóa nhưng chỉ dùng lúa cho ngựa ăn mà không bán cho dân. Quân đội Nhật hồi đó sang nước ta chủ yếu đi lại bằng ngựa và lừa. Đến năm 1945, khi quần chúng được Việt Minh phát động mới phá kho thóc của Nhật ở Hưng Hóa mà cướp được một ít. Trong khi dân bị đói, nguồn lương thực chủ yếu là sắn khô mốc và các loại rau đồng.

Những hộ bị chết đói ở làng khá nhiều, tôi không thể nhớ hết được, chỉ đơn cử một vài nhà tiêu biểu như: Bốn anh em nhà ông Lại Văn Dược, Lại Văn Thúc, Lại Văn Thích đều bị chết đói (hai vợ chồng ông Dược, hai vợ chồng ông Thúc và mấy người con đều chết

đói, chỉ còn sót lại chị Sinh sau lấy chồng bên Hữu Bổ); gia đình ông Trùm Cần cũng chết hết, chỉ còn anh Hưng, về sau anh Hưng ở với ông Trù rồi đi bộ đội, đã hy sinh; gia đình ông Ngan cũng chết ông bố và mấy người con, chỉ còn sót một người con gái và bà mẹ; gia đình ông Lại Văn Quang chết cả hai vợ chồng và hai người con, chỉ còn sót lại bà Phi mà bây giờ là vợ ông Đức Phương; gia đình ông Lẫm cũng chết ông bà, bố mẹ và các cháu, chỉ còn sót chị Chung chạy vào trong Địch Quả (Thanh Sơn) nên sống sót; bà Bùi Thị Lơ là chị gái ông Tâm Dõng bị chết, anh con trai tên là Khả đi ăn trộm ngô bị bên đạo đánh chết; nhà ông Dõng cũng chết mấy người con, còn bố mẹ thì mới chết sau này; nhà Xã Kiên cũng chết hết cả ba mẹ con. Tình trạng chết đói diễn ra rất phổ biến; ông Ngan chết không có ván khiêng, phải bó chiếu đem chôn. Mỗi ngày người ta phải đi chôn 3 - 4 đám, dân chúng rất sợ. Hố đào không được sâu, chỉ lấp qua loa đại khái. Tình hình chết đói dồn dập nhất là trong ba tháng (tháng Giêng, tháng Hai, tháng Ba năm 1945). Sang tháng Tư âm lịch, khi có lúa mới gặt về thì có nạn *chết no*. Nguyên nhân là lúc đói ăn uống thất thường, cơ thể suy kiệt, đến khi có cơm ăn cơ thể không hấp thụ kịp, lại bị chết. Chẳng hạn bà ngoại tôi và bà mẹ ông Trù cũng bị chết ở hoàn cảnh đó. Ở làng Hương Nộn có cảnh bà Hảo chết đói là thương tâm nhất, bà chết từ bao giờ, để đến nỗi giòi bọ đẻ vào rồi mới biết, khi ấy mới đem chôn. Lúc bấy giờ dân ở các nơi, đặc biệt là Thái Bình đi lên ăn xin rồi bị chết cũng nhiều. Có nhà mấy người con phải mang đi rải rác tận Tuyên Quang đến Phú Thọ, ở làng có bà Trang quê ở Tiền Hải - Thái Bình đã được người làng nuôi, mãi sau hòa bình vào hợp tác xã rồi mới tìm về quê nhận anh em họ hàng. Dân ở Hà Tây lên gặt thuê cũng có người chết đói. Nhà ông Quản Thúc ở làng Bảo Vệ Hạ thuê 6 người thợ gặt, buổi chiều hôm trước đón về, cho ăn một bữa cơm tử tế, tối đến đi ngủ, sáng dậy chỉ có 5 người dậy còn 1 người thì đã chết từ lúc nào rồi.

Nhìn chung số người chết đói ở xóm Lăng là nhiều hơn cả. Lúc bấy giờ tình hình chết chóc rùng rợn. Dân làng phải đi vào vùng rừng núi Thanh Sơn để kiếm ăn: Như gia đình tôi, nhà ông Hiển Kiệm, nhà bà Kim Cường. Bà Kim vào kiếm ăn rồi có vốn mở hàng nước ở trong đó. Xóm dưới có nhà ông Đức Phương, nhà ông Lý, nhà ông Phòng...

Bấy giờ nhà Lý Cù có nấu cháo phát chẩn nhưng chủ yếu dành cho anh em họ hàng nội ngoại là chính. Dân làng phải vào rừng kiếm củi bán lấy tiền mua gạo. Có nhiều người suốt ngày ở trên rừng làm tiều phu đốn củi vì 7 ngày mới có một phiên chợ, bán củi mua khoai, sắn ăn trong một tuần cầm hơi...".

4. Đỗ Văn Vượng (62 tuổi)

Năm 1945, đi ở cho nhà bác (anh trai mẹ) là Nguyễn Văn Thụ, chứng kiến cảnh phát cháo chẩn ở nhà ông Thụ và cảnh chôn người chết đói ở nghĩa địa "Văn Chỉ".

"Ngày đó tôi đã hơn 10 tuổi, ở nhà ông Thụ (là anh trai mẹ tôi) nên tôi được chứng kiến khá nhiều cảnh nạn đói năm 1945. Tôi đã tận mắt thấy ông Xã Kiên chết đói ruồi bậu mép mà không có ai chôn. Ông Ngan và con gái tên là Hảo cũng bị chết đói. Ông Ngỗng thắt cổ chết vì vụ ăn trộm trâu, nhưng vợ con ông Ngỗng cũng bị chết đói. Ông Quất cũng bị chết đói. Ở bên đạo cũng có người chết đói như ông Khoái...

Tháng 3-1945, tôi được ông bác (ông Thụ) cho ra trông bãi mía ở bờ ngòi (gần khu nghĩa địa Văn Chỉ, trong nhiều ngày liền, mỗi ngày có 4 - 5 đám đem người ra chôn ở đó. Những người chết đem chôn chỉ bó giát giường hoặc bó chiếu. Vì sức yếu, những người đi chôn cũng chỉ đào được những cái hố rất nông, khi lấp đất lại không cao, nên có những cái mộ vẫn còn hở cả tóc, hở cả chân, trông rất ghê sợ. Có người chết 3 ngày không ai biết, đó là ông trương tuần Mạn, chết nằm trên một cái chõng tre, không ai biết cả.

Tôi còn nhớ, bà Lại (vợ ông Lộc) cùng với ông Chi đi ăn trộm ngô, bị người bên đạo bắt được bỏ hết quần áo ra rồi trói áp lưng vào nhau mà bêu xấu. Nhà ông Thụ có nấu cháo phát chẩn bần - những người phục vụ cho ông Thụ nấu cháo có ông Kiến (bố ông Thức), ông Vinh Hạnh và hai vợ chồng người ở vùng xuôi lên. Gạo dùng để phát chẩn do Lý Trần Tục cướp ở Hưng Hóa phát cho dân. Tuy nhiên số cháo nấu không đáng kể, những người đến ăn thì chỉ được ít cháo loãng. Anh Hưng (con ông Trùm Cần) buổi sáng lấy cháo ở chỗ ông Đình, chiều lại xuống Hưng Hóa.

Tôi khi đó ở với ông bác (là ông Đình Thụ), được trao nhiệm vụ đi trông bãi mía, mỗi bữa có người đem ra cho mấy nắm bánh khúc (rau khúc trộn lẫn ít bột gạo) để ăn cầm hơi. Thỉnh thoảng về nhà ông Đình mới được bát cơm hoặc bát cháo. Nhà ông Lý Cù thì phát muối. Ông ta có cái phương hai đáy, khi đong vào thì bỏ đáy phụ ra, khi phát ra thì cho đáy phụ vào...".

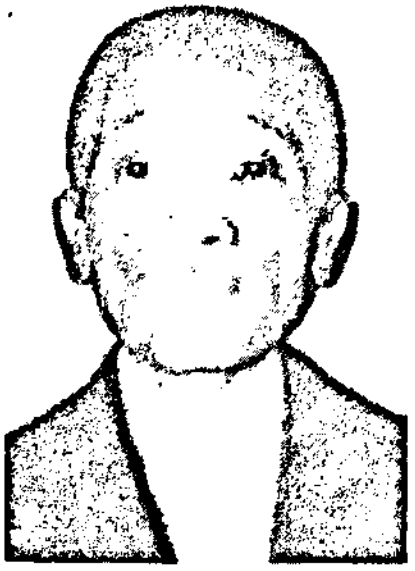

5. Ông Đỗ Hữu Phái (71 tuổi)

Năm 1945, chứng kiến nhiều cảnh chết đói ở làng. Bản thân cũng phải theo mẹ vào Thanh Sơn đổi hàng hóa lấy gạo, sắn để ăn qua nạn đói.

"Chúng tôi khi đó là tuần phiên phải đi phát ngô. Năm 1945, dân làng Hương Nộn có khoảng trên 100 hộ bên lương, dân làng có một số ruộng bãi trồng ngô để chống đói. Tháng 3 năm đó, quân Nhật đuổi Pháp đi rồi, ở Hưng Hóa có một số người làm tay sai cho phátxít Nhật. Ở làng thì có Lý Cù theo chân quân Nhật, bắt dân *phát ngô để trồng đay*. Vì thế nguồn lương thực dự trữ cho việc chống đói tháng 3 bị thiếu hụt nghiêm trọng. Bấy giờ dân làng Hương Nộn chủ yếu sống bằng sắn và ngô. Ở trên rừng trồng các cây lấy dầu như sở, trẩu, dọc. Năm ấy thời tiết thuận, lúa, đậu đều

tốt, nhưng chưa được thu hoạch. Dân làng bị đói đến nỗi người dờ dệt, phải ăn củ chuối, nõn cây chuối, nõn cây đu đủ. Nhiều người vì ăn các thứ đó mà bị phù. Nhà ai có buồng chuối tiêu thì rất quý, phải nấu cả vỏ với ốc vặn để ăn mà sống qua ngày. Có nhiều người bị phù mà chết, có người vất vưởng không đi được nữa rồi gục xuống mà chết. Số người chết nhiều đến nỗi không chôn được nhau: Chẳng hạn bà mẹ già ông Phòng về với em gái ở dưới nhà ông Vịnh rồi chết, đến nỗi giòi rúc vào mà không ai biết. Nhà ông Ấm cũng bị đói phải lên ở nhà bố vợ để dựa vào mà sống, nhưng cuối cùng vẫn bị chết người con tên là Phước. Có nhà bị chết hết cả nhà, ngày nay không còn có nòi giống gì nữa. Ví dụ như nhà ông Tự Đặng...

Năm 1945 đói nhất vào tháng 3. Khi dân kéo xuống phá kho thóc thì quân Nhật bắn chết 2 - 3 người. Phátxít Nhật rất ác, hơi một tý là dùng kiếm chém giết. Ở Hưng Hóa bấy giờ có Ba Khiêm làm tay sai cho phátxít Nhật. Khi Nhật làm đảo chính hất cẳng Pháp thì Ba Khiêm cho người đi lên các làng, trong đó có làng Hương Nộn, để lục soát súng ống của quân Pháp, chúng lấy đi không chỉ súng đạn của quân Pháp, quần áo của lính Pháp, mà còn cướp thóc lúa, muối, gà lợn của dân. Chính vì có sự tàn phá, cướp bóc của bọn tay sai của Nhật nên nạn đói càng thêm trầm trọng...".

6. Bà Nguyễn Thị Ngà (67 tuổi)

Năm 1945, gia đình khá, nhưng vì tranh chức thư ký cho chồng nên cũng bị thiếu đói. Chứng kiến hiện tượng có tiền mà không mua được thóc gạo; nhiều người ở xóm Lăng chết đói.

"Làng Hương Nộn khi đó chết nhiều nhất là xóm Lăng. Nhà Hải Nội, nhà Trung Lẫm chết cả nhà; nhà Cả Hiền, nhà Xã Quang cũng chết hết, nhà Xã Kiên,

nhà Tước Loát cũng chết hết. Một ngày phải chôn 3 - 4 đám, người chết chỉ có chiếu bó đem chôn. Dân làng thời đó ruộng ít, chỉ nhờ vào nghề trồng sơn bán đong ăn, nhưng năm ấy không có gạo mà đong. Người ta phải ăn củ chuối. Nếu có một bát gạo thì phải nấu cháo từ hôm trước cho nó nở ra, hôm sau mỗi người được một bát. Nhiều nhà phải đi ăn xin cháo phát chẩn ở nhà ông Lý Đình. Ai đến trước thì còn được chút cháo đặc, về sau người đến xin quá đông, người ta pha thêm nước vào nên chỉ còn là nước cháo mà thôi. Ăn như thế nên nhiều người bị phù lên rồi chết. Không những đói mà quần áo cũng không có mà mặc. Có người lấy mảnh chăn chiên hay túi tải mà may váy. Tôi xem vô tuyến thấy cảnh đói ở châu Phi ngày nay sao mà giống với dân ta hồi năm 1945 thế.

Nhà tôi khi đó là một trong những nhà giàu ở làng mà cũng sắp bị chết đói. Nguyên do là năm trước vì tranh chức thư ký hộ lại cho chồng tôi. Để có được chức đó, phải chi phí ăn uống tốn kém đến hết nhẵn cả thóc lúa. Đến tháng 3-1945, khi đem tiền sang chợ Sơn Lũng (huyện Lâm Thao) để mua gạo mà không có gạo phải về không.

Bấy giờ dân làng chết nhiều quá, riêng xóm Lăng chết vãn cả xóm. Tiếng quạ kêu bao nhiêu lần thì khiêng nhau đi bấy nhiêu lần. Nhà ông Chính Thích và nhà ông Công Dược chết cả bố mẹ, chỉ còn mấy đứa con. Nhà ông Công Dược còn bà Công, ông Thạch, ông Ký. Có người đói quá đi xuống đồng Nhà Chung bẻ trộm ngô gặm sống (anh Khả xuống gặm ngô non) bị người bên đạo đánh cho đến chết. Có người đi bán củi qua cầu sắt, thấy trại trồng ngô của ông Lý Định đã thu hoạch rồi chỉ còn thân cây ngô, liền vào xin để ăn thay mía mà cũng không cho. Nhà anh Hưng, bố mẹ chết hết, anh Hưng phải đi ăn xin rồi đi ở cho nhà ông Lãm và các nhà khác, lớn lên đi bộ đội và hy sinh. Nhà ông Tâm, Duyệt, bố mẹ chết hết, hai anh em lớn lên rồi đi thanh niên xung phong. Bây giờ cả hai anh em đều khá (ông Duyệt làm đến Phó Chủ tịch tỉnh Sơn La,

còn ông Tâm làm ở Ban Tổ chức Trung ương Đảng). Ông Phạm Văn Phòng, bố mẹ chết hết, phải bỏ vào Thanh Sơn kiếm sống, nay vẫn còn ở trong Thanh Sơn. Những gia đình vào Thanh Sơn kiếm ăn còn có nhà ông Lý, ông Chúc Tường, ông Trang Điện, ông Sử...".

7. Ông Đặng Văn Vượng (77 tuổi)

Năm 1945, nhà nghèo, phải đi đốn củi đổi lấy gạo, sắn qua ngày. Ông cũng gần bị chết đói. Chứng kiến nhiều cái chết thê thảm của những người cùng xóm. Chính ông đã dự nhiều cuộc chôn người chết đói, và chứng kiến cảnh phá kho thóc năm 1945 ở Hưng Hóa.

"Phátxít Nhật thu vét gạo đóng kho tại chợ Hưng Hóa mà nhân dân thì chết đói. Chết đói năm đó phải nói làng này chết một cách thảm hại. Chết không có người chôn.

Bấy giờ có nhà ông Kỳ Hảo (đẻ ra anh Kỳ Sâm bây giờ) chết đến nỗi khi người ta được cử đi chôn một người, khi đến té ra là hai người. Nguyên do là, chị Hảo, vợ ông Thành vì đói quá, về nhà bố mẹ đẻ là ông Kỳ Hảo rồi chết ở nhà bố. Ông Thành (là chồng) cùng ông Thống (anh rể) đến để chôn chị Hảo. Nhưng khi mở chiếu ra thì thấy anh Khả nằm cuộn tròn ở cuối giường mà chết. Anh Khả là người hàng xóm, đói quá không có chỗ nằm nên vào nhà ông Kỳ Hảo mà chết.

Người ta đói quá không dám đi khiêng nhau đem chôn. Vì thế lý dịch phải cắt cử phiên tuần đi chôn người chết đói. Tôi chính mắt chứng kiến cảnh bà Diện chết để 5 ngày mới có người chôn. Lúc đó tôi là trai đinh bị cử đi chôn. Không có gì để làm áo quan,

chỉ bó bằng giát giường, khi mó vào đầu tóc đã rụng ra rồi. Bấy giờ đi chôn người chết rất sợ, không chôn nổi, ngã rồi không đứng lên được. Bản thân tôi khi đó cũng tưởng không sống nổi, chỉ còn da bọc xương. Trước cảnh đói, nhiều người không còn giữ được nhân tính, miễn là ăn lấy được để giành lấy cái sống, chẳng khác gì loài vật.

Sau trận đói, xóm Lăng quang hết: Gia đình ông Lẫm, ông Quang, bà Đáo, ông Nghiêm... tôi còn nhớ, khi ông Quang chết, tôi và ông Tế đi đào một cái huyệt ở Văn Chỉ mà cả buổi sáng mới xong, vì đói và yếu sức quá. Có lần đi phụ một đám chôn người đói chết mà tôi cũng suýt bị té ngã không đứng dậy được. Năm đó tôi 25 tuổi.

Tại sao dân bị đói như vậy? Lúc đầu còn sắn mà ăn, rồi sau sắn cũng hết, người ta phải đếm từng miếng sắn khô để chia thành từng bữa. Sắn khô giã ra trộn lẫn rau nghể nắm làm bánh mà ăn. Sau đó ăn đến lõi cây đu đủ. Khi có sức, một ngày tôi bổ được 3 gánh củi cho mẹ và vợ đem đổi gạo ở dưới Trúc Khê, về sau sức yếu không còn cầm nổi búa nữa. Nói chung làng Hương Nộn chết chủ yếu bên lương, bên Công giáo chết ít hơn. Trong đó xóm Lăng là chết nhiều nhất: Nhà ông Quang chết hết, nhà ông Lẫm chết hết, nhà ông Căn chết hết, nhà ông Cần chỉ còn anh Hưng phải đi ăn mày, sau mới đi bộ đội và hy sinh.

Khi quân Nhật chiếm nước ta, không biết nó triệt kinh tế hay sao mà thóc lúa khan hiếm như vậy. Nghe nói có nơi chúng đốt thóc hoặc đổ thóc lúa xuống sông. Dân vùng này xuống Hưng Hóa phá kho thóc, nhưng những người khỏe thì mới tranh được một ít thóc, chính tôi cũng đi cướp kho thóc, nhưng khi trông thấy quân Nhật bắn chết một người làng Văn Lang, máu me lênh láng thì sợ mà không dám xông vào. Có nhiều người

giẫm đạp lên nhau mà chết ngay ở kho thóc. Cảnh phá kho thóc cũng rất cơ cực...".

8. Ông Ngô Văn Vệ (80 tuổi)

Nhà nghèo phải đi ở để thoát chết đói. Vợ là một trong số những người con còn sống sót của một gia đình chết đói.

"Có nhiều nhà chết hết cả nhà như: Nhà ông Trung Lẫm, nhà ông Đinh Văn Ngưỡng, nhà ông Thúc, bố ông Kỳ Sâm... Nguyên nhân quân Nhật bắt phá ngô đi, quân Nhật đuổi quân Pháp chạy đông như kiến. Thóc lúa bị quân Nhật vơ vét đưa vào kho hết.

Ngay nhà tôi, nếu không có bà Bảo Gác cưu mang cho thì cũng chết đói...".

9. Ông Cao Văn Kẹo (80 tuổi)

Năm 1945 làm phó lý, nắm được rõ tình hình nạn đói và số người chết đói ở làng vì chính ông phải cắt cử tuần phiên đi chôn người chết đói.

"Tôi làm phó lý từ năm 1942. Năm 1945 ở làng ta chết đói rất nhiều, nhưng không thể nhớ hết được. Có thể nói là chết trên 50 người. Lúc đó đói, lương thực không có, đến nỗi sắn cũng không có mà ăn. Có người chỉ ăn lõi cây đu đủ hay củ chuối tiêu mà cầm cự. Có người đi xuống Hưng Hóa xin ăn cháo phát chẩn mà chết ở đó như ông Đinh Văn Ngưỡng (bố anh Lý). Nhà ông Ấm Hòa

cũng có người em trai tên là Phước bị chết đói. Nhóm nhà ông Công Dược, ông Trúc Sinh, ông Xã Căn, ông Xã Cơ đều bị chết. Khoảng từ tháng 3 đến tháng 4 âm lịch bị chết nhiều nhất. Chết nhiều đến nỗi không có người đi chôn, phải bắt phu đi chôn nhau. Người nào còn khỏe thì bắt đi chôn người chết đói. Bấy giờ mọi nhà đều gặp khó khăn, không ai có mà cho nhau vay. Có người đi ăn trộm ngô non mà bị bên đạo đánh chết. Người nào trồng được đậu tương hay ngô cũng phải trông cả ngày đêm vì sợ mất trộm. Cũng có một ít gạo cứu tế để nấu cháo phát chẩn, nhưng không thấm tháp gì. Trên xóm Thượng (xóm đạo) không bị chết mấy, họ chỉ chết vài người, còn ở bên lương chết nhiều.

Sau cái đận chết đói thì lại đến chết no: Bố anh Chính Lãm bị chết no. Nếu không phá kịp kho thóc của Nhật ở Hưng Hóa thì còn chết nhiều hơn nữa. Ông anh tôi (ông Vần) và tôi cùng đi xuống Hưng Hóa cướp kho thóc, nhưng thấy giặc Nhật bắn chết mấy người, trong đó có một người ở Văn Lang thì dân chúng sợ mà không dám tràn xuống nữa. Năm 1945, dân làng Hương Nộn bị chết nhiều hơn làng Hạ Nậu và Bảo Vệ Thượng.

Diện tích ngô bị phá hỏng khoảng 10 mẫu. Ông Lý Chất Thành cùng với ông Lý Cù bắt dân phải phát ngô để trồng đay, chỉ có bên lương phải trồng đay và thầu dầu. Đay trồng nhưng không chăm bón được nên chỉ thấp lè tè, không cho thu hoạch. Ngô bị phát đi để trồng đay, còn đỗ tương thì không phải phát. Thực ra cái lệnh nhổ lúa, phát ngô để trồng đay, ở đây không thu được đay mà lại làm mất nguồn lương thực dự trữ tháng 3 của dân làng. Năm đó người làng chết chủ yếu đều chôn ở bãi Văn Chỉ, mồ chôn dày đặc vì không thể đem đi xa được. Nay khi làm cống Tam Thanh, máy ủi đã ủi hết đi rồi...".

10. Bà Trần Thị Chương (62 tuổi)

Năm 1945, 12 tuổi, từng đi xin phát chẩn ở Hưng Hóa và chứng kiến cảnh ông Đặng Văn Duyệt chết ở nhà bên cạnh.

"Hồi ấy tôi chừng 10 tuổi, đã từng phải đem thân đi xin cháo ở Hưng Hóa. Lần ấy tôi đi mà không xin được phải về không vì mang cái thau to quá, người thì nhỏ nên bị đẩy ngã không được gì. Khi về đến cổng nhà thì gặp ông Duyệt (tôi phải gọi bằng cậu), ông hỏi tôi rằng nếu xin được cháo thì cho ông một ít. Chắc là ông đói quá. Tôi trả lời là cháu không xin được gì. Tôi về nhà cất cái thau đi, bà cô tôi mắng tôi đem cái thau to quá nên không xin được. Tôi nói với cô rằng: Ông Duyệt đang đói quá, hỏi xin cháo mà cháu không có. Nghe vậy, cô tôi bảo đem xuống cho ông một đoạn lõi cây chuối để ông nướng mà ăn cho đỡ đói. Khi tôi mang đoạn thân chuối xuống thì thấy ông ngồi gù ở giường, gọi mãi mà không thấy thưa. Tôi chạy về nói với cô tôi rằng ông Duyệt không thấy thưa. Khi mọi người chạy sang thì ông đã chết rồi, người ông gục xuống như người ngủ gục. Đến khi bố tôi đặt ông xuống giường, người ông vẫn cong, phải dùng bốn chiếc đũa cả để nắn người ông cho thẳng để đem đi chôn...".

11. Ông Đặng Văn Tùy

"Năm đói tôi đi vào Thanh Sơn để kiếm ăn. Lúc đầu đi ở chăn trâu cho một gia đình ở Thanh Sơn. Sau đi lấy củi giúp cho bà Kim mở quán bán hàng. Sau tôi được bà cho đi giao bánh cho các nơi. Lúc bấy giờ người làng Hương Nộn đi vào Thanh Sơn kiếm ăn rất đông. Có người vào ở hẳn trong đó, số còn lại đưa hàng vào bán hoặc đổi. Các thứ đem đổi gạo chủ yếu là đồ dùng gia đình như nồi đồng, xanh đồng, mâm đồng.

Tôi chứng kiến cảnh bà vợ ông Căn chết đói đem ra đầu bãi dốc huyện để chôn. Lúc ấy chôn chỉ có giát giường bằng tre thôi. Tôi cũng chứng kiến ông trương tuần Mạn là người bên Công giáo chết lâu rồi mới có người đến chôn. Khi đem chôn, người ta kéo xuống đầu dốc huyện. Tôi lúc đó còn nhỏ nên đi xem. Mộ của ông đến năm 1971 khi người ta lấy đất làm trạm bơm vẫn thấy xương. Ngoài ra còn có một nghĩa địa ở phía trong đồng gọi là Văn Chỉ. Mộ chết chôn vùi xấp vùi ngửa ở đây, về sau có người cải táng, cũng có rất nhiều người không cải táng...".

12. Ông Nguyễn Văn Lương (Lương Bái) (75 tuổi)

Năm 1945 làm phó lý. Chứng kiến nhiều người chết đói ở làng; ông khẳng định số người chết đói là 62 người.

"Lúc bấy giờ quân Nhật đã hất cẳng Pháp mà chiếm đóng ở Hưng Hóa. Quân Nhật sai bọn tay sai thân Nhật bắt dân phải phá ngô đi để trồng đay. Các khu bãi "cửa quán" đang trồng ngô xanh tốt thì phải phá đi để trồng đay và thầu dầu. Đó là vào cuối năm 1944. Thực ra đay cũng không lên được. Cây đay chỉ bé tí như que tăm không cho thu hoạch gì. Chính là phátxít Nhật bắt phải trồng đay, nhưng cuối cùng thì ngô của dân không có mà đay cũng hỏng. Vì thế mà lúa má bị khan hiếm, dân bị đói to. Không hiểu là giặc Nhật đốt hủy thóc gạo hay sao mà ở Hưng Hóa chúng tích trữ số thóc gạo rất nhiều nhưng không đem ra bán cho dân, vì thế không có lương thực, người có tiền cũng không mua được gạo mà ăn. Dân bị đói gay gắt nhất vào cuối tháng 3-1945. Tôi còn nhớ vào ngày 25 tháng 2 âm lịch, quân Nhật bắt đầu đuổi quân Pháp chạy, thì cũng bắt đầu dân bị đói từ đấy.

Làng Hương Nộn chết 62 người, chưa kể trẻ em bé quá không tính hết, chẳng hạn như thằng Phước, con Điều, con Định cũng bị chết, có nhà chết sạch như nhà ông Khiêm Quang, nhà ông Ngưỡng chết gần hết, nhà tôi cũng có 1 cô bị chết no.

Khi đó chính tôi phải đi phát ngô để trồng đay, mà đay thì không được thu. Dân làng Hương Nộn chỉ có một vài người khỏe đi xuống Hưng Hóa phá kho thóc để kiếm được ít gạo. Sau đó khi dân xuống thấy quân Nhật bắn chết 2 - 3 người, sợ quá không dám xuống nữa. Ngay ông Ấm là em con ông chú tôi cũng phải đi ăn mày mới sống được. Khi ấy mạnh ai nấy chạy. Nhà tôi khi đó chạy xuống nhà người quen ở Sơn Tây, nhờ đó mới qua được nạn đói...".

13. Ông Nguyễn Văn Ấm (65 tuổi)

Năm 1945, phải đi ăn mày 7 ngày ở Hưng Hóa. Em trai ông bị chết đói.

"Làng Hương Nộn thời xưa bên lương ruộng không có, người ta phải cấy ở các ruộng dộc rất nhỏ, mỗi ruộng chỉ cấy hết 4-5 bó mạ. Đời sống ngày nay đã khá rồi, nhưng không bao giờ tôi quên được những lúc đói khổ năm 1945. Khi đó tranh chấp giữa tứ giáp bên lương với bên Công giáo rất gay gắt. Bên Công giáo giữ đồng Đức cha rất rộng. Có người bên lương vì đói mà đi ăn trộm ngô ở bên giáo (như bà Hải Nộn, anh Khả). Lúc bấy giờ tứ giáp bên lương chỉ đi lấy dọc ở trên rừng làm nguồn sống chính.

Năm 1945, tôi khoảng 13 - 14 tuổi, đã biết nhiều cảnh chết đói: Nhà bà Bá chị tôi 3 người chết đói, ngay bản thân tôi cũng phải đi ăn mày ở Hưng Hóa 7 ngày mới sống sót được. Tôi cũng đã từng đi theo ông Quyền Tế xuống Hưng Hóa cướp kho thóc của Nhật. Tôi còn nhỏ chỉ đứng trông ở ngoài, ông Quyền Tế cho 3 đấu thóc, đem

về mẹ tôi giã ra nấu cháo, khi đó không có gì ăn, phải ăn rau nấu với ốc, rồi ăn lõi cây đu đủ, ăn củ chuối. Theo chỗ tôi biết thì con số 60 người chết đói năm 1945 ở làng này là chính xác. Đó là những người lớn, còn trẻ con không tính hết được. Có những gia đình chết sạch như nhà bà Khả, nhà ông Hải Nội...".

14. Bà Bùi Thị Hát

"Dân làng mình lúc đó đói lắm, đói đến nỗi nằm đâu chết đấy. Đúng là như vậy. Người ta có cứu tế ở Hưng Hóa, nhưng nhiều người đi xin cứu tế ở Hưng Hóa mà chết đói ở ngang đường như ông Lại Văn Thích, ông Đinh Văn Ngưỡng, ông Lẫm, cả nhà chết hết.

Bố bà Thu (ông Trùm Căn) cả 3 ông bà chết tất. Nhà ông Căn ở cạnh nhà ông Lẫm, vợ chồng chết rũ ra vì đói quá không có cái ăn. Người ta đi đào củ dáy, là thứ mà bây giờ lợn cũng chẳng buồn ăn. Cây dong giềng ăn cả vỏ, ăn cả cây, cả lõi cây chuối đã đẫn buồng. Không bao giờ khổ như năm đói 1945. Đói từ tháng Giêng, tháng 2, tháng 3. Đến tháng 4 có lúa ăn thì lại chết no như ông Lẫm. Nhà ông Căn có bà vợ lẽ, chết không có người chôn, chính tôi bước qua xác bà ấy. Bà Tài, em gái ông Khôi cũng bị chết đói. Nhà ông Căn, ông Lẫm chết hết. Nhà ông Dược (bố ông Chính) và ông Thạch Sơn cũng bị chết đói. Dân đã khổ mà bọn lý dịch cậy thế quân Nhật lại càng tàn ác. Bấy giờ Lý Cù có một bãi ngô đã thu bắp rồi, bà Khôi đi chợ về xuống xin nắm cây ngô để ăn mà bị bà vợ Lý Cù đánh rất đau, tôi phải nói xin hộ mới được tha. Dân làng Hương Nộn không có ruộng, dân lại phải phát ngô để trồng đay. Nhà tôi lúc đó có một bãi ngô ở dưới đồng mà chỉ sợ Nhật đến đánh. Làng Hương Nộn chỉ có xóm Lăng chết nhiều nhất. Bấy giờ nhà ai có bờ rào, có tre phải rào cho kín vì sợ quân Nhật đến...".

TIẾNG NÓI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG

1. Ông Cổ Kim Thành (78 tuổi)

Phường Đồng Sơn, thị xã Đồng Hới.

"Năm 1945, tôi sống ở huyện Quảng Trạch, làm nghề bốc vác ở thị trấn Ba Đồn và ga Minh Lệ, cách xã Quảng Thuận vài cây số theo đường chim bay.

Trước kia, mỗi tháng ga Minh Lệ nhập trung bình 100 tấn gạo cung cấp cho Quảng Bình. Dân làm cá, làm nón đưa cá, nón đi bán, mua gạo về ăn. Khi các nơi tập trung mua gạo cho Nhật thì số gạo đó không còn nữa. Vụ mùa năm 1944 bị mất, gạo Quảng Ninh, Lệ Thủy không ra, thế là ở đây không có lương thực.

Vùng Quảng Trạch đói dai dẳng gần một năm. Năm 1944, dân đã đói. Sang đầu năm 1945 vẫn còn chèo chống được. Kế đến vụ chiêm bị mất. Số người chết ngày càng nhiều. Đến khoảng tháng 6, tháng 7 thì chết nhiều. Vùng làm nón chết nhiều nhất, rồi đến vùng chợ Ba Đồn, sau nữa là vùng bán sơn địa Tuyên Hóa, phía trên Bố Trạch.

Người đói đi tha phương khắp nơi. Có hai hướng chính là đi vào Nam và sang Lào. Người ta qua Lào vào các chùa xin ăn. Hồi đó, đường qua Lào hiểm trở lắm. Từ xóm Cục sang Ba Na Phần (bây giờ gọi là đường 29), người chết ở dọc đường rất nhiều, không sao thống kê được. Làng Thổ Ngọa chết dồn dập, vì đói thì ăn càn.

Lúc đầu ăn rau má, sau luộc cây xương rồng trộn với mè làm nộm ăn, rồi đến giai đoạn ăn củ chuối. Cua ốc ngoài đồng cũng nấu lộn củ chuối ăn, bị phù thũng nhiều mà chết. Tôi thấy hai nhà chết sạch, ông Lý Hựu, ông Đài Mạch. Xóm Chợ chết rất đông, vì người đói đến đó xin ăn, cướp giật không được thì chết. Vùng Thanh Long gần Ba Đồn sống bằng buôn bán nhỏ và làm nón. Không có cơ sở vật chất để bảo đảm cuộc sống nên chết cũng gần như Thổ Ngọa. Nhà bà Trần Luận chết 5 người, nhà cháu Ký có 4 người cũng chết sạch. Lúc đầu chết 2 vợ chồng, một tuần sau 2 con cũng chết. Nhà tôi lúc đầu ăn cháo, sau ăn cám với rau má, rau khoai, rồi ăn cám rạng, có thêm tí muối, rất nóng ruột, táo bón vô cùng. Người chỉ còn da bọc xương, nhưng không chết...".

2. Ông Nguyễn Cân Lập (83 tuổi)

Thôn Thổ Ngọa, xã Quảng Thuận.

"Năm 1945, gia đình tôi nghèo, không có ruộng đất, chỉ có một túp lều tranh, cột tre, kèo nứa. Nguồn sống chính của gia đình là làm thuê. Ai thuê việc gì làm việc đó. Con nít thì mò cua, bắt ốc. Gia đình tôi lúc đó có 9 người. Đã chết đói 7 người (cha mẹ, 2 chị, 2 em, 1 người cháu). Bản thân tôi sống được cũng không biết tại sao. Ăn đủ các thứ: Rau má, củ chuối, cọng rơm. Đập phên đất ra nhai từng hạt thóc lép trong đó. Khi không còn gì ăn nữa, bò đi xin ăn cũng không bò được. Tôi đã nhịn đói 4 ngày, nằm chờ chết. Lúc đó có phát chẩn cháo. Tôi không đi được, phải bò ra xin. Nhưng chậm quá, buổi sáng hết cháo. Những người đến sớm ăn được nhiều cháo. Nhưng cũng có người ăn no quá lại chết. Buổi chiều tôi chỉ được một ít cháo. Có hơi hồ, người tỉnh dần lại. Lần lần tôi thoát chết. Đến nay tôi đã 83 tuổi.

Nhật vào đóng ở Ba Đồn từ năm 1941. Chúng thả lừa, ngựa ra đồng, phá hoại cây màu. Chúng bắt trai tráng đi phu. Phu làm bị đánh đập tợn lắm, chúng rất ác...".

3. Ông Lại Văn Ly (66 tuổi)

Phường Đồng Phúc, thị xã Đồng Hới.

"Nạn đói ở Quảng Bình rất nghiêm trọng, diện rộng, kéo dài. Chết mạnh nhất là dân vạn chài. Làng Phú Mỹ (thị xã Đồng Hới) bán hết thuyền bè rồi cả làng kéo nhau đi ăn xin. Họ cứ đi lang thang, chết cũng nhiều. Cuối năm 1944, mùa đông rất rét. Nghề đánh cá không làm được nên không có gì bán để đong gạo. Dân chài cạy từng miếng gỗ của nốc để bán, chứ không phải bán cả nốc, bán cả nốc không ai mua. Dân Đồng Hải gọi là xóm Câu cũng vậy.

"Kẻ chài, kẻ lưới, kẻ câu,
Sống trên mặt nước lấy đâu mà giàu".

Họ đói trước hết vì không đi biển được. Họ bán dần khay, mâm, lưới, thuyền không ai mua. Nốc chài có người chết thì nhờ dân xóm Câu chôn. Còn dân ngoại lai thì Tây cho xe rác để lượm các xác chết chở ra sau xóm Ba Toa, lúc đó còn hoang vu, đào từng hố to hất xác xuống. Tại Đồng Hới, dân ngoại chết nhiều hơn dân sở tại. Ở đây có phát chẩn nên dân đói các nơi đổ về. Việc phát chẩn do các cựu chính trị phạm và các nhân sĩ vận động. Nhưng cũng không có nhiều để phát. Phát chẩn thì có thẻ, mỗi người một thẻ, phết nhựa đường vào để đánh dấu. Có nhiều người chưa kịp nhận được cháo phát chẩn đã chết...".

4. Ông Nguyễn Thừa Hoan (72 tuổi)

Người thôn Thổ Ngọa.

"Năm 1945, gia đình tôi có 3 người: Hai vợ chồng và 1 đứa con. Gia đình làm ruộng và làm nón, có làm thêm hàng xáo. Ruộng đất có 1 cái vườn và làm 3 sào công điền. Nhà cửa không có. Tôi ở nhà cha mẹ để lại cho ông anh cả. Gia đình tôi không bị chết đói là do có làm hàng xáo, lấy tấm, lấy cám ăn. Cạnh nhà tôi có cô em con ông chú tôi là Nguyễn Nhỏ. Nhà có 6 người, chết 3 người (người cha và 2 người con, còn người mẹ và 2 người con).

Thôn Thổ Ngọa chúng tôi trước có hai nguồn sống: Làm ruộng và làm nón. Làm ruộng thì trung nông trở lên mới làm.

Trong nạn đói năm 1945, trung nông, phú nông trở lên gần như không bị chết đói. Người nghèo chết như rạ.

Bình thường, nghề làm nón cũng kiếm ăn được. Vốn liếng ít mà công việc lại nhẹ nhàng.

Đến năm loạn, Nhật vào, thuyền bè, tàu xe bị trưng dụng. Không có phương tiện gì chuyên chở nữa. Thế là hết nghề làm nón.

Hồi đó, người Thổ Ngọa ở Sài Gòn có gửi gạo về cứu đói. Gửi về mấy ghe. Nhưng hầu hết số gạo vào tay nhà giàu, phú hào, người nghèo cũng được một phần. Nhưng do đói kéo dài, thành ra gạo cứu tế không cứu được dân khỏi bị chết đói.

TIẾNG NÓI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG

1. Ông Nguyễn Sâm (83 tuổi)

Người xã Gio Mỹ.

"Năm 1945, gia đình tôi có 6 người, chết đói 2 người, còn 4 người sống sót. Nhà tôi nghèo, không có ruộng đất phải đi làm thuê và đi ở. Nhờ đi làm thuê mà thoát chết.

Dân Cẩm Phổ nghèo, quanh năm ăn độn ngô, khoai. Người ăn lá khoai non, trâu bò ăn lá khoai già. Người ăn lõi chuối non, lợn ăn cây chuối già. Sau củ chuối cũng hết, phải ăn trộm của nhau. Ở trên các đụn cát có củ éo mọc dại, dân cũng đi đào về ăn.

Độc nhất là củ nần. Củ nần tương tự như củ khoai tía. Muốn ăn phải thái ra, ngâm nước muối 3 ngày, lại ngâm nước lạnh 3 ngày. Sau đó ngâm phèn mấy ngày nữa. Đồ với xôi ăn ngon lắm. Lúc đói dân cứ vớ được củ nần là ăn tươi. Củ nần tươi rất độc. Ăn vào là chết. Chính tay tôi đã chôn 4 người hàng xóm chết đói. Gia đình tôi may nhờ bà chị đi kiếm ăn trên rừng đem về cứu giúp mới còn sống được 4 người, chỉ bị chết 2 người...".

2. Ông Nguyễn Đức Hồ (71 tuổi)
Xóm Rào, thôn Cẩm Phổ.

"Gia đình tôi không có ruộng đất, chỉ có 1 sào 3 thước ruộng đất công. Nhà cũng không có trâu bò. Làm ruộng thì cuốc. Hồi năm 1945, gia đình tôi có 10 người. Nguồn sống chính là làm thuê. Ai thuê việc gì cũng làm. Nhà tôi bình thường đã nghèo đói. Khi nạn đói xảy ra, không có người thuê làm nữa thì bị chết. Cha mẹ tôi bị chết đói năm 1945. Mấy anh em chúng tôi thoát chết là do đi ở, lên đến tận miền ngược.

Tôi phải đi ở bên xóm đạo. Trong cảnh đói, chủ nhà cũng bị đói, phải ăn cháo rau. Đứa ở càng khổ, phải ăn rau, củ chuối. Tôi thoát chết đói là vì ăn được củ chuối không bị cảy[1]. Nhiều người ăn củ chuối bị cảy lên rồi chết.

Dân Cẩm Phổ đói, nhưng không có tục đi xin. Đói thì đi làm thuê. Làm thuê tối ngày. Tối về mua vài bơ gạo mới thổi nấu cho gia đình ăn. Vì thế đã có câu vè "Lý sự Thụy Khê, làm thuê Cẩm Phổ". Dân Thụy Khê hay cãi lý sự lắm. Dân Cẩm Phổ chỉ đi làm thuê. Đã nghèo thì quần áo cũng không có. Có nhà vợ chồng chỉ có 1 cái quần đùi. Người ta nói "Cẩm Phổ ở lỗ đi làm". Năm 1945 rét lắm. Dân đã đói lại rét. Đói cũng dai, rét cũng dai, cho nên chết nhiều...".

1. Thổ ngữ: cảy là phù.

TIẾNG NÓI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG

Hiện nay ở Bùi Xá có gần 40 người cao tuổi (từ 60 tuổi đến 80 tuổi). Những người trên 80 tuổi rất hiếm và không còn nhớ. Trong 18 nhân chứng được hỏi (9 người từ 60 tuổi đến 69 tuổi; 9 người từ 70 tuổi đến 79 tuổi) ở hai xóm Bắc và Nam đều là những người may mắn còn sống sót sau nạn đói năm 1945. Bản thân những người này đều có bố mẹ, anh em, con cái, vợ (hoặc chồng) bị chết đói năm 1945. Dưới đây là 10 nhân chứng phát biểu.

1. Ông Dương Tất Lập

Xã Cẩm La, tổng Hà Nam, huyện Yên Hưng.

"Nhân dân phần lớn sống về nghề rừng, vận tải, mua khoai sắn ở Sơn Tây, Phú Thọ đem về đây bán. Vì vậy, nạn đói năm 1945 vùng tôi không xảy ra khắc nghiệt lắm, vì không phải nghề nông là chính mà nghề thuyền bè là chính. Sống về nghề đánh cá. Đánh lưới kéo 2 - 3 tấn bán 2 - 3 ngày mới hết. Loại cá hiện nay 5.000 đồng/1 chục, hồi đó chỉ 2 - 3 hào, có khi ế phải đổ đi mà về. Xã tôi có độ 4 hộ chết thất lạc sau mới biết. Ông Châu chết 3 người, chết không có cơm ăn. Gia đình thứ hai cũng đi làm sông.

Xã tôi có 110 dân đinh kể cả những người có tiền nộp thuế và đi làm xa.

Lúa chiêm chỉ cấy ven sông, chưa có nước như bây giờ, mất mùa là thường xuyên, mỗi năm chỉ được 1 vụ, 1 vụ mất. Ở đây không có đất trồng đay. Chỉ có Nhật bắt đóng thóc, mỗi người bắt đóng một thúng thóc. Xã này đóng hơn 40 thúng thóc, mỗi thúng khoảng 25kg. Năng suất thóc 25 - 30kg/1 sào, chủ yếu là ăn đong. Nhật đến đây như thằng Pháp vẫn bắt đóng thuế thân, ngoài ra còn các thứ thuế khác...".

2. Ông Lưu Văn Thép (69 tuổi)

Xóm Nam thôn Bùi Xá. Gia đình có 7 người, năm 1945 chết đói 5 người, bản thân không nuôi nổi em, đem em trai bỏ trên chợ Rộc. Năm 1951, người em mới tìm được về quê cũ. Họ hàng ruột thịt với ông Thép, sau nạn đói chỉ còn sót lại ông Thép và người em tha phương.

"Năm 1945, tôi ở đây. Năm 1944 rải rác có nạn đói. Thôn đây có 90 hộ chết đói, tổng số 110 hộ, mỗi hộ trung bình 5 người, chỉ tồn tại 20 hộ ở địa phương. Số hộ không có người chết không có. Chết hết, nhà ông Bun: 2 ông bà, 4 người con xóm ngoài, ông Môn, ông Mãnh, ông Vũ Văn Nội... Hộ còn 1 người: Cụ Thoát. Gia đình tôi có 9 người chết 8. Khu dưới hơn 70 hộ chết đói. Lúc đó bố mẹ chết hết, tôi cõng em đi ăn xin, sau đó đi ở, cuối năm 1946, tôi về đây thì bị Tây bắt; cuối năm 1948, tôi được thả. Trong số 70 hộ chết đói thì toàn người địa phương; số địa chủ ở đây không có, chỉ một số gia đình đủ ăn. Ruộng ở đây ít, chúng tôi biết Việt Minh phá kho gạo ở Quảng Yên đưa về đây, nhưng lý dịch không phát cho dân mà để lại cho gia đình họ và một số thân nhân.

Ông Hỡi 7 người chết cả. Bác tôi 5 người chết cả, ông Cảnh chết cả 7 người. Họ tôi còn lại mỗi mình tôi (ông cụ 4 đời trở xuống)...".

3. Ông Nguyễn Văn Hiền (75 tuổi)

Gia đình ông có 12 người (gia đình riêng có 4). Năm 1945 chết đói 9 người (vợ và con ông Hiền cũng bị chết đói).

"Nhà tôi có 5 sào ruộng bãi. Anh cả, chị dâu đều chết năm đói, tất cả 12 người, chết 9 người, còn lại 3 người, ngoài làm ruộng còn đi kiếm tôm cá. Thu hoạch kém, nhà lại đông người, ruộng 1 vụ khoai, 1 vụ lúa. Chung quanh chết đói nhiều, bác Đống Văn Đại chết 1 người, bác Đống 6 người không chết vì làm ăn khá...".

4. Bà Lê Thị Tờm (74 tuổi)

Gia đình có 6 người; năm 1945 không ai chết đói. Anh em họ hàng ruột thịt chết 50 - 60 người. Gia đình chồng là ông Nguyễn Văn Nội có 6 người, năm 1945 chết đói 4.

"Năm 1945, gia đình nhà chồng chết đói tất cả 6 anh em, chỉ còn một mình chồng tôi là Nguyễn Văn Nội mới mất: 85 tuổi. Nhà mẹ đẻ tôi có 5 người, năm 1945 không bị chết ai. Ruộng hơn 2 mẫu, mỗi sào khoảng 20 cân, tốt nhất mới được 50 cân. Ngoài làm ruộng cũng chỉ đi ngòi, đi hói, phụ nữ đi là chính, thu nhập ít, ngày 5 đồng, ngày 3 đồng. Chết đói rất nhiều. Bố tôi có 8 anh em thì chết đói mất 6, mỗi gia đình có 6, 7 người, có ngày chết 2, 3 người. Có hôm tôi mang cháo xuống nhà bác từ sáng sớm, đi đường làng rất sợ, rủ em thì nó không

chịu đi, đến nhà mở cửa ra thì thấy bác và 3 anh chị nằm còng queo, tất cả 4 người chết đói một lúc, chỉ còn chị út, tôi cõng về và nói với bố tôi là nhà bác chết hết rồi, chỉ còn một mình chị nữa thôi. Lúc chôn thì người lớn bó bằng mành, bằng chiếu, còn đứa bé con chú thì chôn trần, không có gì. Lúc bấy giờ tôi cũng rất sợ hãi vì một mình là lớn cứ phải đi chỗ này, chỗ kia.

Bên nhà cụ Phúc (vợ là Tình) cũng họ Nguyễn: Hai vợ chồng và 2 đứa con đều chết cả. Xung quanh đấy, gia đình nào cũng có người chết đói, không có gia đình nào không có người chết. Có nhà chết cả, còn cái xác nhà thì người ta đốt đi.

Ông Nguyễn Văn Mỳ đổi cái vườn lấy 5 ống gạo, 3 giành khoai, ăn được 2, 3 hôm thì chết cả nhà 4 người (2 vợ chồng và 2 con: Một đứa 12 tuổi, một đứa 14 tuổi...".

5. Bà Đoàn Thị Khuê (60 tuổi)

Thân sinh bà Khuê mất sớm, bà ở với ông bà nội. Ông bà nội có 4 người con (chú bác bà Khuê), ba người đã có gia đình riêng. Năm 1945, hai bà thím và một ông chú bà Khuê chết đói.

"Tháng 3-1945, cụ tôi nấu cháo chia cho chú tôi, một thời gian chú tôi chết đói để lại vợ và con. Hồi đó không có cơm, chỉ ăn cám, củ chuối, rau. Gia đình tôi lúc đó có 3 người, ông tôi sinh ra được 3 người con, đều đã lập gia đình cả, 2 gia đình bị chết đói. Xung quanh hàng xóm cũng chết nhiều. Có ông bác họ năm trước cưới vợ cho con, năm sau bị đói, người ta đến lấy trộm hết các thứ, phải đền vạ rồi chết. Còn 2 người con thì đi phiêu bạt. Gia đình này chết cả 4 người. Cũng có người đi tha

phương cầu thực, nhưng đi gần, rồi cũng về hết. Gia đình tôi có ít ruộng, đi biển thì một giỏ cua chỉ đổi được 1 cân khoai nên mới bị chết. Tôi cũng đi bắt cua tôm, lấy củ nâu cạo đi rồi giã nhỏ nấu thành cháo. Phải mặc cả bao tải...".

6. Bà Phạm Thị Hắt (69 tuổi)

"Năm 1945, bố tôi chết, cuối năm 1945 thì mẹ chết, còn chị tôi thất lạc đi đâu cũng không biết, em tôi phải cho bên đạo, sau đi đâu không biết. Gia đình tôi có 8 người, chết 7 người còn một mình tôi, bà chị tôi đã có chồng, có 1 con, chồng con chết, chị tôi đi không về. Kinh tế lúc đó kém, ruộng các cụ cho mỗi người 1 sào, không có ruộng nhiều, bố tôi nghiện nên phải bán ruộng đi, rồi đi kiếm cá tôm để sống. Bà tôi, cậu tôi cũng chết.

Nhà bà Nên có 3, 4 người chết hết; bà Đằng, ông Buồm, ông Giác gia đình 4, 5 người cũng chết hết.

Ông bác là Vũ Văn Cương mất cả gia đình, ông cậu là Vũ Văn Chủng mất cả gia đình. Ông Cương 5 nhân khẩu, ông Chủng 4 nhân khẩu còn 1. Lúc ấy đói đến quá nửa làng. Gia đình khá giả ở đây không nhiều, họ không tổ chức cứu tế, cả Pháp cũng không tổ chức cứu tế, một vài nhà giàu có ai cầm cố đồ đạc thì họ cũng mua giúp. Lúc đó không biết có phải nhà nước cứu tế không chỉ có ông Lý Phù cho mỗi gia đình có nhiều người (4, 5 người) 2 ống thiếc gạo. Gia đình ông Tấn đi xa kiếm ăn rồi không thấy về. Lúc bấy giờ đói, nhưng lạ nhất là không đi được. Tôi đầu gối cứ cuống cuồng lên, cứ ngồi đâu ngồi đấy, cũng có thể đi mót được nhưng không đi được, có người thì nề ra. Ngoài ruộng ra, không có gì khác, lấy củ năn mà ăn...".

7. Ông Hoàng Văn Tri (62 tuổi)

Xóm Ngoài.

"Gia đình tôi có 6 người, 3 người chết đói. Ở đây không có ruộng, bệnh chết nhiều là bệnh dịch tả. Ở đây hầu hết đều thiếu ăn. Bố mẹ tôi cũng mất năm đó. Gia đình ông Lê Văn Chấn chết cả (5 người). Bùi Xá chết đến 40%. Năm 1945, tôi có 7, 8 sào, 7 nhân khẩu. Có gạo cứu tế nhưng lý trưởng lấy hết (ông Lý Phù), chỉ cho dân một ít. Trước năm 1945, ở đây tuy không đói, nhưng thường phải ăn độn khoai, sau năm 1945 vẫn còn đói, nhưng năm 1945 lại là nặng nhất. Năm 1945, Nhật không về đây, chỉ nghe tiếng thôi...".

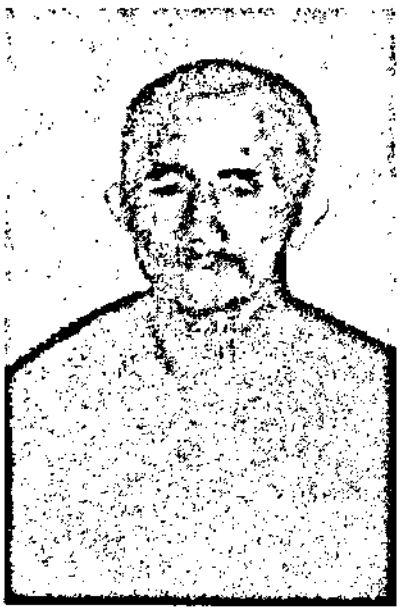

8. Ông Đống Văn Bình (66 tuổi)

"Gia đình tôi có 6 người, mất 2 người, còn 4 người. Cấy 3, 4 sào ruộng nhưng nước mặn, bình quân chỉ 60kg khi được mùa. Trồng khoai nhưng bị người đói nhổ lên nên không thu hoạch, do đó không có cái ăn. Đi hói, ngòi về thì đổi khoai, bột sắn về nấu cháo. Mỗi ngày đi làm liên tục thì cũng chỉ được bữa cháo, rất ít được ăn cơm. Bùi Xá chết đến 2/3, chỉ có một số như ông Phù, ông Cật là không mất ai, sau đó ông ta bị chết dịch, ông Phù làm lý trưởng, có gạo cứu tế nhưng ít cấp cho dân, chỉ độ 3/10 còn lại đem bán bỏ túi. Nhà giàu ở đây cũng phải ăn cháo, ruộng vài ba mẫu: Ông Lục, ông Liệt, ông Miền, ông Ba, bà Mây...

Bùi Xá có khoảng hơn 300 nhân khẩu, chết độ 200 còn độ 100. Dãy này là nhà bỏ không hết. Đi tha phương ít thôi, như ông Ù đi mất tích. Trước năm 1945 cũng đói, nhưng không trầm trọng lắm như năm 1945...".

9. Ông Đoàn Văn Cẩm (75 tuổi)

Gia đình 10 người chết 3.

"Gia đình đông: 5 trai, 3 gái, mất hai ông bà một anh trai. Ruộng có ít, 1 mẫu 2 sào cả trồng và cấy. Lúa cấy 3 sào, 15 - 20kg 1 sào. Vụ chiêm chỉ trồng màu, đói thường xuyên. Phụ nữ đi kiếm cá ra chợ bán kiếm 5 xu, một hào. Ăn chỉ có khoai chứ không phải độn. Nam giới thì cày ruộng hoặc làm thuê, không có nghề phụ. Làng này chết gần hết. Ông Vũ Xuân Đang để con gái ra đường cho người ta nhặt, còn một con trai thì đi đâu không về, còn bà lão thì chết ngoài đình, coi như chết hết.

Ông Đoàn Văn Ngôn 4 người chết cả. Bùi Xá có 120 nóc nhà, bình quân 6, 7 người, đông là 10 người. Các làng khác không đến đây ăn xin vì đây nghèo. Những nhà phải bỏ làng ra đi: Gia đình ông Thùy có 4 người bỏ đi Hà Nam. Quân Nhật có về đây nhưng không bắt trồng đay...".

10. Ông Đoàn Văn Sỉnh (78 tuổi)

Gia đình bố mẹ có 9 người. Năm 1945 chết đói 5 người. Ông Sỉnh có vợ và 2 con cũng bị chết đói trong năm này.

"Gia đình tôi có 9 người, 7 người mất hồi năm 1945, bà vợ trước có 2 con chết cả ba mẹ con. Ruộng ít, mỗi sào may lắm được khoảng 20kg, ngoài ruộng ra chỉ đi ngòi, đi dậm, chẳng có việc gì khác. Năm ấy, Bùi Xá này chết nhiều. Gia đình ông Vát 5-6 người chết sạch, không còn ai. Chỉ có 4 nhà là không có

người chết. Xóm dưới chết nhiều nhất. Nạn đói năm 1945 thật khủng khiếp, đến 2, 3 năm mới hồi lại. Trước năm 1945 cũng đói, nhưng còn đi làm kiếm ăn qua ngày được. Năm 1945 mất mùa, vụ chiêm cấy xong lại cứ mưa liên tục (từ tháng 10-1944 đến tháng Giêng năm 1945), mưa nổi nước, ruộng đất cát, lúa không lên được.

Tháng 2, 3 không thu hoạch khoai được, thóc gạo không có dự trữ. Khoai trồng xuống lại bị người đói nhổ lên đem về băm lá ra ăn nên không thu hoạch được. Lúc bấy giờ cha bỏ con, tớ bỏ thầy, nhiều người bỏ con ngoài đường vì không có gì cho con ăn. Chôn cất thì rất sơ sài, bó chiếu, bó mành, chôn nông...".

TIẾNG NÓI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG

1. Ông Đỗ Mạnh Đích (tức Tuyết - 78 tuổi)

Tổ 39A, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên. Năm 1945 là dân nghèo, làm thợ rèn, làm công cho chủ Hai Lư ở phố Cácnô.

"Năm 1944 - 1945, tôi là thợ rèn, đi làm công cho chủ. Lúc quân Nhật về có tham gia cướp chính quyền, đánh nhau với Nhật ở thị xã Thái Nguyên. Vào tổ chức Công nhân cứu quốc hội...

Bản thân tôi khỏe mạnh, có việc làm, mà vẫn ăn cháo cám. Nhân dân lúc đầu lên thưa thớt (người miền xuôi lên tha phương cầu thực), sau thấy đông quá mới biết ở vùng dưới xuôi đói, lại thấy đồn ở dưới (xuôi), quân Nhật bắt nhổ lúa trồng đay. Dân dưới xuôi mới lên đi xin ăn, nhưng sau nhiều quá, không ai cho, chết lả dần... Có bà bán cám ở chợ, người ta cứ xà vào bốc ăn, người bán lấy đòn gánh đánh, một đằng cứ vụt, một đằng cứ bốc ăn. Lại có trường hợp ở các cống nước, người ta ngồi mò từng hạt cơm ăn. Xung quanh đây toàn là đồn điền. Nơi ta ngồi đây (Đồng Hỷ) là đồn điền Kíplê, một trong 4 đồn điền ở khu vực. Dân cư địa phương, những người không có ruộng, không có công ăn việc làm cũng chết; nhưng nhiều nhất là dân dưới xuôi, nhiều người mang con bán, cho, có người đội cả ngai thờ đi bán, nhưng không ai mua, có ông đội khăn xếp áo dài, bụng đét nằm chết ở chợ, chết thì nhiều, địa phương có thằng Bảo, lão Tuất... chết.

Mỗi buổi sáng, xe bò dài to đi dọc phố để nhặt xác. Mỗi ngày có 2 xe chở đến khu Âm hồn (cách thị xã 2 cây), họ đào hố vuông hắt xuống, lấp phủ qua. Bình quân 1 ngày 6 xe bò, do ông đội kèn, đội khố xanh chỉ huy. Có nhiều trường hợp người ta nôn mửa ra, nhưng cũng có người đến bốc ăn...".

2. Ông Nông Văn Bền (74 tuổi)

Tổ 16, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên. Dân tộc Tày. Nhà nghèo, không ruộng đất, phát nương rẫy, vào rừng kiếm sống. Bản thân là thanh niên, xông xáo nhiều nơi, chứng kiến cảnh chết đói ngay trong xóm, làng ông sinh sống.

"Tôi năm nay 74 tuổi, là dân tộc Tày. Lúc đó tôi 23 tuổi, nhà nghèo, không có ruộng, ruộng lúc đó tập trung vào đồn điền và địa chủ. Gia đình tôi phát được một ít rẫy, nhưng không nhớ được là bao nhiêu sào. Tôi phải thường xuyên vào rừng lấy củi, gỗ, mây, song để bán kiếm sống. Gia đình cũng không đủ ăn, có lúc phải ăn khoai, ăn củ, ăn cháo.

Giặc Nhật nó ác lắm, chúng vào bản, vào xóm có cái gì cũng lấy. Không dám làm gì, lơ mơ là nó đánh, nó lấy gỗ, lấy tre, bắt gà, lợn...

Làng tôi có 5 thôn và ấp, xóm ấp nào cũng có người chết đói và chết dịch.

Chết đói ở xóm tôi có nhà ông Hòe chết 2 người, nhà ông Bằng chết 1 người, nhà ông Na có 6 người chết 2 người, ông ấy và người con gái. Nhà ông Cả có 2 người chết cả 2. Nhà anh Nhót 7 người chết 2. Cũng có nhà không có người chết, vì còn đi rừng, còn có ruộng.

Chết đói còn có anh Phảy sống một mình đi làm thuê, không có ruộng.

Ở ấp Trại Dự không nhiều người chết đói, nhưng cũng chết gần mười người.

Xóm Sắn có 2 nhà chết cả nhà, đó là nhà ông Sọc và nhà anh Bật. Nhà chết 2 người có nhà anh Máy, ông Tân, ông Cung.

Ấp Trại Được, nhà ông Tị có 5 người chết 2 người. Còn lại 6 hộ, hầu như nhà nào cũng có 1 người chết...".

3. Ông Trần Thanh Sơn (76 tuổi)

Năm cướp chính quyền tham gia tự vệ, làm nhân viên Sở Liêm phóng (Sở Công an bây giờ), sau tham gia bình dân học vụ - vào bộ đội ở Đại đoàn 308. Năm 1952, chuyển ngành về Sở Y tế Bắc Thái.

"Bố tôi làm nghề cắt tóc. Tôi được nuông chiều cho đi học. Gia đình tôi cũng nằm trong cảnh đói khổ, đi vào rừng kiếm củi, hôm bán được có ăn, hôm không bán được, nhịn đói. Bố tôi cũng vậy, không cắt được (tóc) là nhịn. Dân khổ, làm thuê, làm phu mỏ sắt Linh Nham (1945). Nhiều trường hợp làm quá sức chết đói tại chỗ. Bọn culi nhòm ngó. Không có tiền cho chúng là chúng phạt, đánh đập..., mắc bệnh dịch mà chết. Hàng ngày, bọn Sở Cẩm cho 1 đội nhà pha đi nhặt xác chết. Bình quân 1 ngày 6 xe bò bánh to, chôn tập thể ở khu vực Hai Dốc, Âm hồn...

Dân phá kho thóc dành cho ngựa của quân Nhật, dân tự động phá vì đói quá. Lúc đó nó đánh, nó đâm, nó bắt ông Tuất bố thằng Ngọ mang về cổng trại buộc 2 ngón tay treo lên, thỉnh thoảng đến đẩy một cái đến chết. Cả thị xã không ai dám ho he. Ác nhất là thằng Nhật, ho he là bắt liền, nó sục vào nhà muốn lấy gì là quyền của nó. Anh Lâm, Bảng... chết khổ, chết sở. Ông Cả Tẹo chết ở góc ba - toa. Mỗi ngày 6 xe bò, mỗi xe hai chục... Trong vòng 5 tháng, người ta vớt cả cơm cống bệnh viện, hàng ngày trên dưới một chục cái rá hứng ở dưới cống. Nhật đến đông, nhà tôi cây cối nó chặt

hết, có cái gì nó khuân hết: Gỗ, tre, lạt... Gia đình tôi mất hai cái vườn: 100 cây cau, bao nhiêu tre ngâm, chúng lấy ra làm kè, bao gỗ lạt chúng xông vào lấy...".

4. Ông Nguyễn Văn Giai (77 tuổi)

Thôn Đông, phường Đồng Bẩm, Thái Nguyên. Quê Nam Hà lên định cư từ năm 1940. Không ruộng đất, làm thuê ở mỏ Linh Nham.

"Tôi ở đây từ năm 16 tuổi, biệt tích quê từ năm 1944... Nhật sang, đầu tiên nó chiếm mỏ quặng Linh Nham. Một số đi làm thuê cho nó, khai thác quặng bán cho nó; nó chuyển xuống Bến Tượng, đưa về Hải Phòng, chở về Nhật. Nó sang năm 1942, 1943, đến năm 1945, đảo chính Pháp, nó đưa lừa ngựa sang, phá đám ngô, vào làng bắt gà...

Ở trại tế bần Bến Tượng, em rể tôi đi lính khố xanh trông trại này, bảo: "Bác ạ, có ngày chết 25 người... xe chở đi đổ, nguyên một trại chết cả".

Lính Nhật thả lừa ngựa vào ruộng ngô ăn hết...

Ác cái là đã đói, nó lại bắt phải phá ngô để cho ngựa ăn. Không đụng đến thì thôi, tức phản ứng lại, đụng đến nó, nó đâm chết...".

5. Ông Ngô Thái (77 tuổi)

Xóm Chùa Hang, Đồng Bẩm, Thái Nguyên. Kỹ sư canh nông. Sinh ở đất Thái Nguyên (quê Nam Hà), tốt nghiệp tiểu học ở Thái Nguyên. Về Hà Nội làm ở Viện Khảo cứu Nông Lâm năm 1936, làm cùng phòng với Cù Huy Cận. Thỉnh thoảng về Thái Nguyên thăm các cụ (cha mẹ ông), nên biết về nạn đói ở Thái Nguyên.

"Năm 1944, do lụt lội, Nhật mua thóc gạo cho quân đội, chính bố tôi cũng là người tham gia cứu tế cho dân. Tôi còn nhìn thấy có thằng bé nhặt con mèo chết về ăn.

Đến củ chuối cũng không có mà ăn, nguyên nhân chủ yếu do Nhật thu thóc, lũ lụt. Cung Đình Vận cấm mang gạo đi lại. Cũng có nơi, trước khi rút chạy, chúng tưới xăng để đốt thóc gạo...".

6. Ông Nguyễn Văn Mưu (76 tuổi)

Xóm Đông, Đồng Bẩm, Thái Nguyên. Quê ở Nam Hà, lên Đồng Bẩm định cư từ năm 1940. Đi ở chăn trâu cho địa chủ, không có ruộng đất.

..."Tôi thấy năm 1945 người chết xe bò chở đi chôn ở bãi Soi, mỗi ngày 25 người chết.

Bãi Soi sau này còn nhiều xương. Mưa, nước sông lên xói, trẻ chăn trâu còn nhặt được đầu lâu, gõ công cốc. Xóm này chết không nhiều, chỉ chết ở 3 nhà tế bần.

Số phu mỏ cũng chết, nhưng không nhớ được.

Chết nhiều nhất là tháng Giêng, tháng Hai, có ngày 20, có ngày 30 nhưng cũng có ngày 10 người (chết đói). Bình quân ngày 20-25 người (chết đói) trong 2 tháng.

Dọc các đường Quán Triều, đường số 3, chết không biết bao nhiêu, người ta đào hố to, sâu... Xe bò chở đến, lấp sơ sài...".

7. Ông Quản Văn Khuê (66 tuổi)

Xóm Chùa Hang, Đồng Hỷ, Thái Nguyên. Trước năm 1945 là học sinh tiểu học thị xã.

..."Pháp - Nhật có tổ chức từ thiện nhưng chỉ giả tạo, rất ít. Ngay chuyện tranh cướp cứu tế cũng có người chết.

Nhật đảo chính ngày 9-3-1945. Dân đói quá, phá kho thóc, bê được thóc ra bị quân Nhật giết chết, dân đói ăn cắp bị quân Nhật trói treo lên rồi chết.

Tài Kỳ, một tài xế cho Nhật bị đổ nước, giẫm lên ngực đến chết.

Tôi được chứng kiến nhiều vụ việc, quân Nhật thu từng gánh củi. Bà Gái Luân đi ở, ông Bô kéo xe tay bị chết phải đi xin từng manh chiếu để vùi.

Quân Nhật bóc lột bằng mọi hình thức.

Quân Nhật cùng Cung Đình Vận bắt được cộng sản đánh chết, chặt đầu treo cột, bắt người đói đến ôm hôn xác chết.

Chúng thu gom mọi thứ gạo, muối... làm đến chết hàng loạt.

Chính tôi chứng kiến, có người bốc cám bỏ vào miệng, bị người bán hàng xô ngã, chết gục ngay tại chỗ.

Trại mồ côi ở thị xã chỉ sống sót có đôi người, một trại do bà Đồng Lai trông nom, tiền bạc do địa chủ Nguyễn Thị Năm cung cấp - chết dần, chết mòn, đến hết...".

8. Ông Lã Chí Cao (78 tuổi)

Dân tộc Tày. Phố Hoàng Văn Thụ (số nhà 61). Thành phố Thái Nguyên.

"Tôi ở ấp Trại Dự, không có ruộng đất phải đi rừng, lấy củi, măng để bán kiếm sống, làm thuê.

Làng Đồng Quang chúng tôi có xóm Phú Thái, ấp Trại Dự, ấp Trại Được, xóm Sắn, xóm Cầu Tre. Dân số mỗi xóm có từ 7-20 hộ.

Người chết đói có ba mẹ con bà... (không nhớ rõ tên) cho tôi một đứa con, các cháu không chịu ở, sau bị chết. Số dân các tỉnh lên vừa chết đói, vừa chết dịch tả, bệnh sâu chân, lở ghẻ, không có ăn, chết, quần áo không có mặc, mỗi ngày mấy chục xe bò. Năm có lụt, lúa ngập chết không còn tí nào.

Chết đói nhiều, năm sau mưa xói còn trơ cả xương. Tôi đi lấy củi, mỗi gánh bán được 5 xu, nhưng qua cổng Kíplê nó thu 5 xu, không công cả một ngày. Thuế không đủ, quân Nhật bắt giẫy cỏ cà phê cho chúng.

Chánh tổng, lý trưởng trong làng thu thuế thân cho chúng, không có nó bắt giam. Thu thuế đóng cho gia đình Kíplê.

Lý trưởng cũng không có gì, chỉ là bầu lên để phục dịch cho chúng.

Một anh ở Sở Cẩm nhặt một số quần áo ở Sở Cẩm vứt ra, bị chúng bắt treo lên, chính tôi nhìn thấy rất sợ. Sau không dám ra thị xã nữa.

Khi quân Nhật đi rồi, nó bỏ lại đạn dược nhiều, làm các cháu chăn trâu bị què.

Tá điền phải làm thuê, làm mướn, cả ngày trả một bát gạo, nấu cháo ăn với nhau. Làm cho người có máu mặt cũng chỉ trả mấy xu: 3 xu, 1,5 xu.

Áo không đủ mặc, gạo không đủ ăn, mẹ tôi cũng vậy.

Quân Nhật vào xóm bắt gà, dân sợ hơn Tây, nói là nó giết luôn, ác lắm, nó đi oai lắm, ai cũng phải sợ. Chỉ có ai ôm chân Pháp, được chúng giúp đỡ. Bấy giờ nó cấm, nó phạt, củi cũng phải lấy trộm, củ mài đào sâu hàng mét, đào đâu có dễ. Ốm là chết, không có thuốc men gì, chết đói, chết bệnh nhiều. Chính ông bố tôi đứng gốc cây đái, bị nó phạt 7 hào...

Phá kho thóc chỉ có gậy và dao, chết cũng phá, có cách mạng nên dân rất hăng, dễ vận động, tin tưởng ở cách mạng.

Thóc ở các đồn điền hàng bao nhiêu tấn, chúng chở đi đâu không biết.

Chủ đồn điền Kíplê sợ Nhật, phân tán tài sản, thóc gạo trong dân, sau mất hết.

Dân ủng hộ cách mạng nhiệt tình, có người ủng hộ cả con trâu, góp rau, gạo, ủng hộ Quân Giải phóng.

Tại mỏ Glonét chết nhiều, do sụp hầm, đói. Chúng khuyến khích tệ cờ bạc... Ở mỏ Linh Nham, người làm không có áo mặc, toàn mặc bao tải, đóng khố.

Quân Nhật đánh đập ác lắm, người hàng xóm làm một cái lán cho quân Nhật bị chúng đánh dã man...".

TIẾNG NÓI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG

1. Ông Viên Đình Quỳnh (70 tuổi)

Người xã Quảng Đại, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1945, gia đình bần nông, là người chứng kiến, họ hàng có người bị chết đói.

"Trong nạn đói, người ở nhà không có gì ăn chết đói, người đi ra đường không kiếm được cái ăn cũng chết. Người thì chết khô cứng, người còn chút hơi sức lo chôn cất người chết, cứ để nguyên đem chôn, có khi dùng manh chiếu, buồm cói bó lại. Nghĩ lại mà giật mình. Đói quá, ông Thủ lấy trấu giã nhỏ cho em là ông Luyện ăn. Ông Luyện bị chết. Có người bị lừa đi nghề có ăn, nhưng đói quá lăn ra chết, người ta túm cẳng ném xuống biển.

Có phát chẩn cháo 3 lần, chen nhau lĩnh, có người vừa bò vào bị đánh, về nhà thì chết".

2. Bà Nguyễn Thị Khoát (84 tuổi)

Người xã Quảng Đại, huyện Quảng Xương. Năm 1945, gia đình đánh cá thuê, là người sống sót trong gia đình.

"Năm ấy đói, gia bản bất lực, không có gì ăn. Nhà lúc đó có 6 đứa con; cho 1 đứa đi ở, một đứa nhờ ông cậu ở làng Đai nuôi.

Ông nhà tôi mồ côi cha từ lúc 3 tháng, mẹ lấy chồng. Năm đó ông nhà tôi đến với mẹ, nhà cũng đói, mẹ băm trầm lang (dây khoai lang gốc) cho ăn, về bị nề chân tay, nôn mửa, may không chết. Tôi đem 2 con gái, một đứa con 4 tuổi, một đứa 4 tháng đi ăn xin. Không có ăn, không có sữa cho con bú, con nhỏ chết. Còn đứa 4 tuổi chết đói từ tháng hai, giờ không biết mồ mả chôn vùi ở chỗ nào".

3. Ông Nguyễn Bá Lộc (84 tuổi)

Xã Quảng Đại, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1945, gia đình bần nông. Chứng kiến nạn đói.

"Hai vợ chồng ông Thi, con trai là Mao ăn trấu bị chết. Nhà tôi vách trát đất, ông Thoa bị đói quá đến lấy đất đem về, tôi không biết lấy làm gì. Ông đem về đập ra, lấy trấu rang lên ăn. Gặp nạn đói, trong vườn có cây chuối, cây đu đủ vào lúc lọ mặt người (chập tối) là bị lấy trộm hết. Ngoài đồng, bao nhiêu bờ dứa đều bị đốn hết để ăn... Lúc đó tôi làm bảo an, thấy 5, 6 người nơi khác đến chết đống, ruồi bâu vào mắt, mũi đen sì, tôi sợ lắm, không biết ai chôn vùi...".

4. Ông Viên Đình Cỏi (87 tuổi)

Xã Quảng Đại, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

"Gặp lúc đói quá, anh Chan, anh Bách đi móc trộm lang (khoai) bị bắt cả lang lẫn người đem về điếm cùm. Kiểm Kiên tra hỏi, cầm cái bai thước đánh 3 cái" - "Ông Thủ sai ông Quyền Liên giật tàu kè lợp nhà tẩm dầu đốt tay về đến nhà thì chết" (Cụ Quỳnh bổ sung).

5. Ông Nguyễn Văn Yên (64 tuổi)

Xã Quảng Đại, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, năm 1945, bần nông. Người chứng kiến.

"Năm 1945 tôi 14 tuổi, thấy nhà ông Hoàng Văn Lại ở bên cạnh có hai người chết không có gì chôn, chỉ có manh chiếu phủ, thò cẳng ra ngoài. Ông Khoa thì mẹ gửi con, bỏ đi kiếm ăn. Con chết đói. Nhà ông Sặng chồng chết, mẹ đi kiếm ăn, bỏ con chết ở nhà, trên nền đất, chó ăn mất. Ông Thoa Kim chết giữa đường ngõ, không chôn kịp, bị ròi bọ rúc đầy người".

6. Bà Hồ Thị Bời (62 tuổi)

Xã Quảng Đại, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1945, bần ngư, người sống sót trong gia đình.

"Lúc đó tôi còn nhỏ dại lắm, cha mẹ có 12 người con, còn mình tôi thôi. Cha chết ở đâu, tôi không biết. Mẹ tôi dẫn đàn con đi kiếm ăn, nhặt từng mẩu lang (ngọn rau khoai lang), đọt lúa, xin ai cho thì cho, không cho thì thôi. Đói quá chết hết. Tôi ơn trời sống sót, có người làng bên nuôi, sau về được làng".

7. Ông Phạm Văn Năng (79 tuổi)

Xã Quảng Đại, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Dân nghèo, người chứng kiến.

"Đói không gì ăn, người ta mua nâu nhuộm vàng nghề (lưới), lấy bã nâu chia làm ba, bạn nghề hai phần, chủ giữ một

phần, ăn chống đói. Còn ăn đủ thứ cỏ vòi voi, cùi đọt, dứa, cây đu đủ... cả cá, bò, lợn chết thối trôi giạt vào biển. Ăn vào cũng chết luôn. Nhiều người chết, vùi dập tại nhà. Nhà ông Đặng Thủy, nhà ông Ngoan Tri chết vùi tại nhà.

Ông Khang Thông chết sau, anh em không còn ai chôn, dân tình thấy vậy, vùi luôn tại chỗ".

Những tấm ảnh về nạn đói sau đây mà Nghệ sĩ nhiếp ảnh VÕ AN NINH đã *ghi lại một cách chân thực*, luôn gợi nhớ cho chúng ta nỗi đau thương, uất hận, muôn đời không quên.

Trong 70 năm qua, những hình ảnh này đã ra mắt độc giả trong nhiều cuộc triển lãm, trên nhiều sách báo và màn ảnh truyền hình trong và ngoài nước, nhưng công trình này sẽ là thiếu sót nếu không một lần nữa giới thiệu với độc giả.

VĂN TẠO

Những nạn nhân còn sức, còn cất bước nổi được đưa về trại Giáp Bát và nhà tế bần Sinh Từ (chợ Cửa Nam, Hà Nội)

Lính Nhật đánh đồng bảo cướp xe gạo do chúng áp tải

Lính Nhật đứng nhìn đồng bào cướp gạo

Tuổi thanh niên gặp cảnh đói như thế này đây! Thái Bình, 1945

Cả nhà còn mình em! Thái Bình, 1945

Vợ chết đói, chồng nhìn con, chờ đến lượt mình, rồi con mình ngã xuống...

Quá đói, quá mệt, không đứng nổi... Ngồi chờ tiếp tế

Đi bộ từ Thái Bình lên Hà Nội xin ăn, một thiếu phụ vì đói, mệt, bị đẻ non, con chết ngay từ phút lọt lòng

Thân hình một thiếu phụ trong hàng ngàn thiếu phụ hiện ra khắp mọi nơi

Hai con đỗ cháo vào mồm bố. Cháo chảy ra ngoài, vì hàm răng đã cứng!

Gặp gì ăn nấy, kể cả chuột chết nhặt được

Mút vỏ ốc thối nhặt được ở đầu hè, Nam Định, 1945

Đừng hỏi bố mẹ các cháu đâu. Chết đói, chết cả rồi!

Một thiếu nữ đang tuổi dậy thì mà thế này đây!

Hai thiếu phụ chia nhau nắm cơm

Trên đường cái, các nẻo đường làng quê, chỗ nào cũng gặp thảm cảnh này!

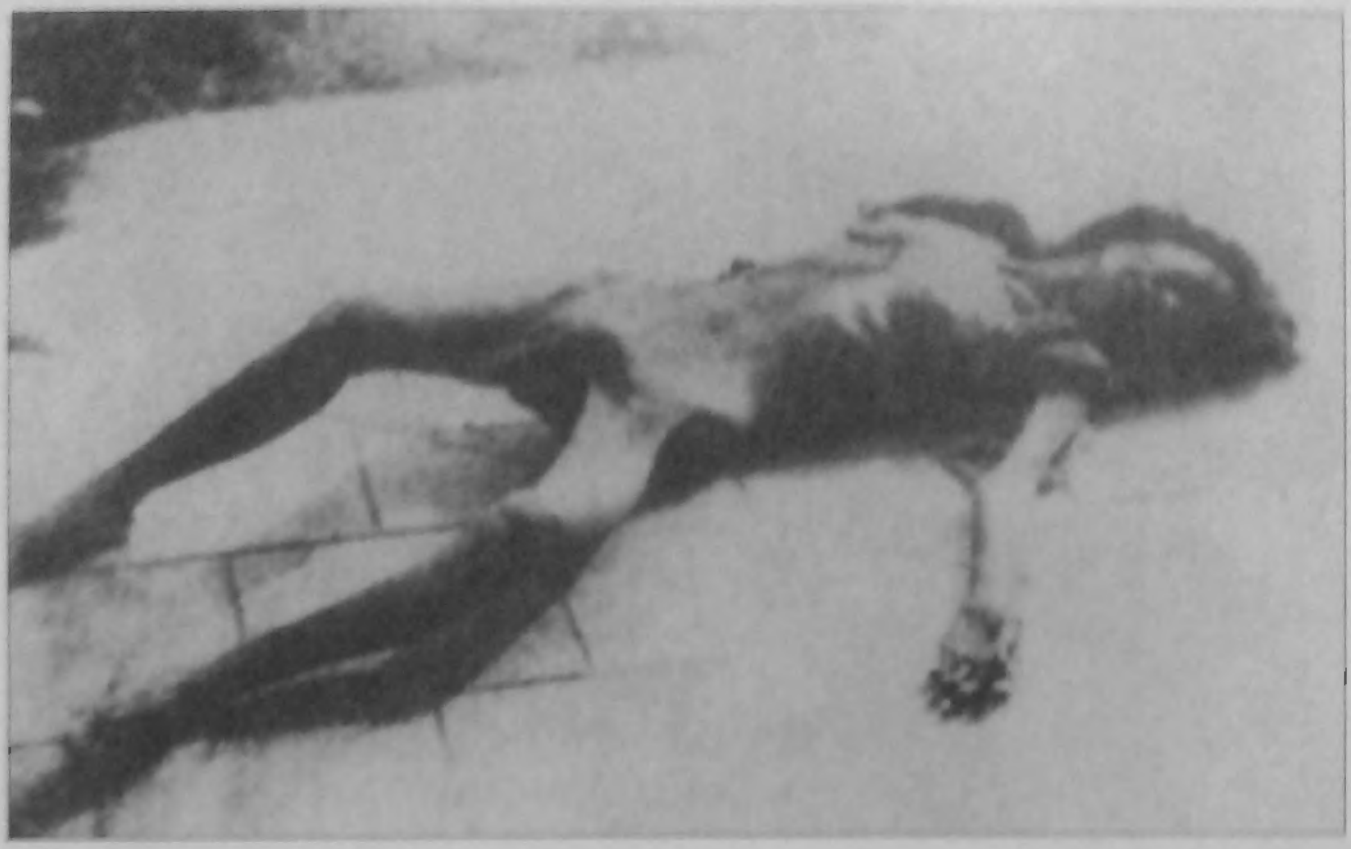

Trên vỉa hè Nhà thờ Tin Lành, phố Hà Trung, Hà Nội,
một xác thiếu phụ đêm trước còn thoi thóp

Nhặt xác chết để gọn thành đống!

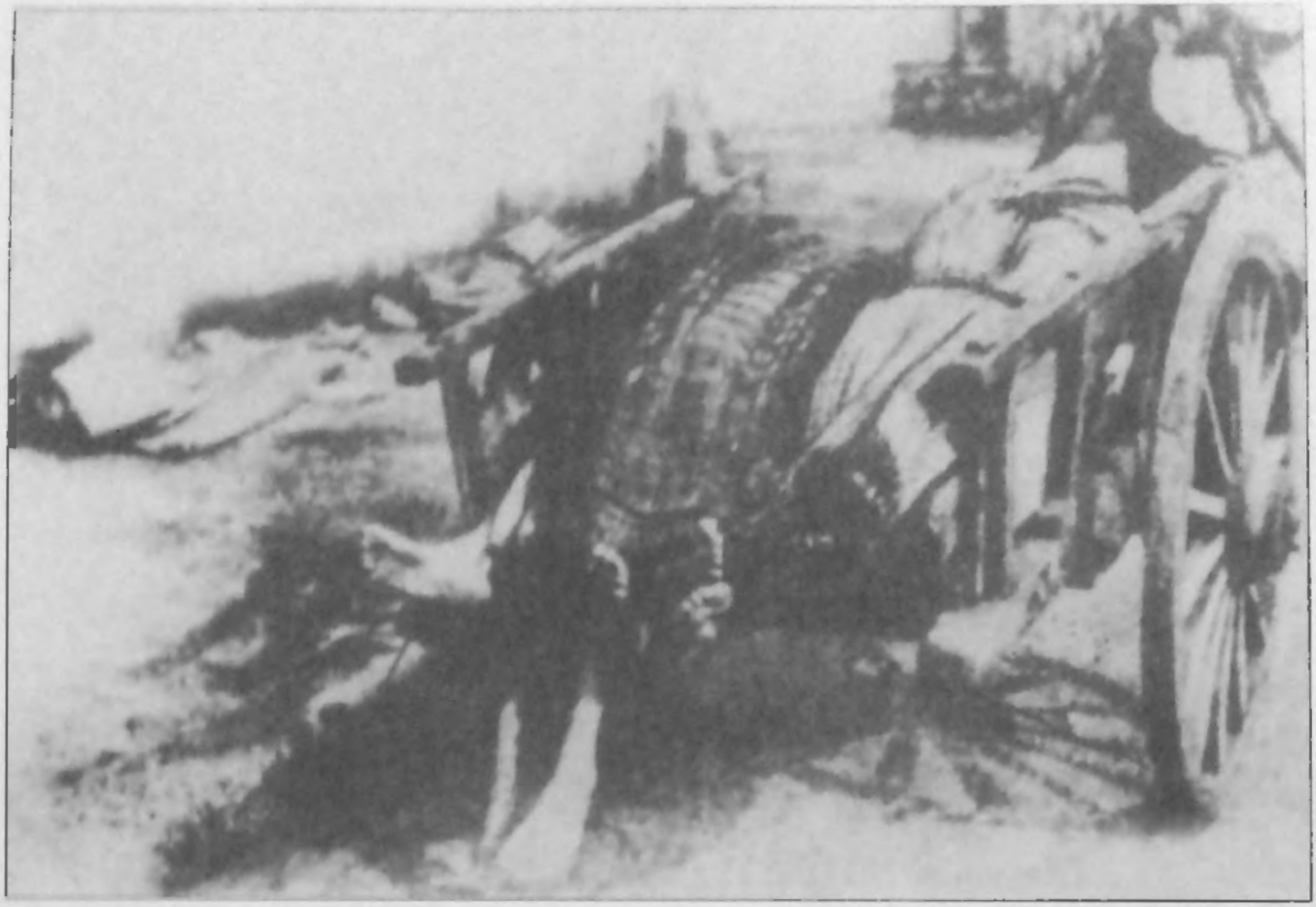

Xác chết được chất lên xe bò để đi chôn

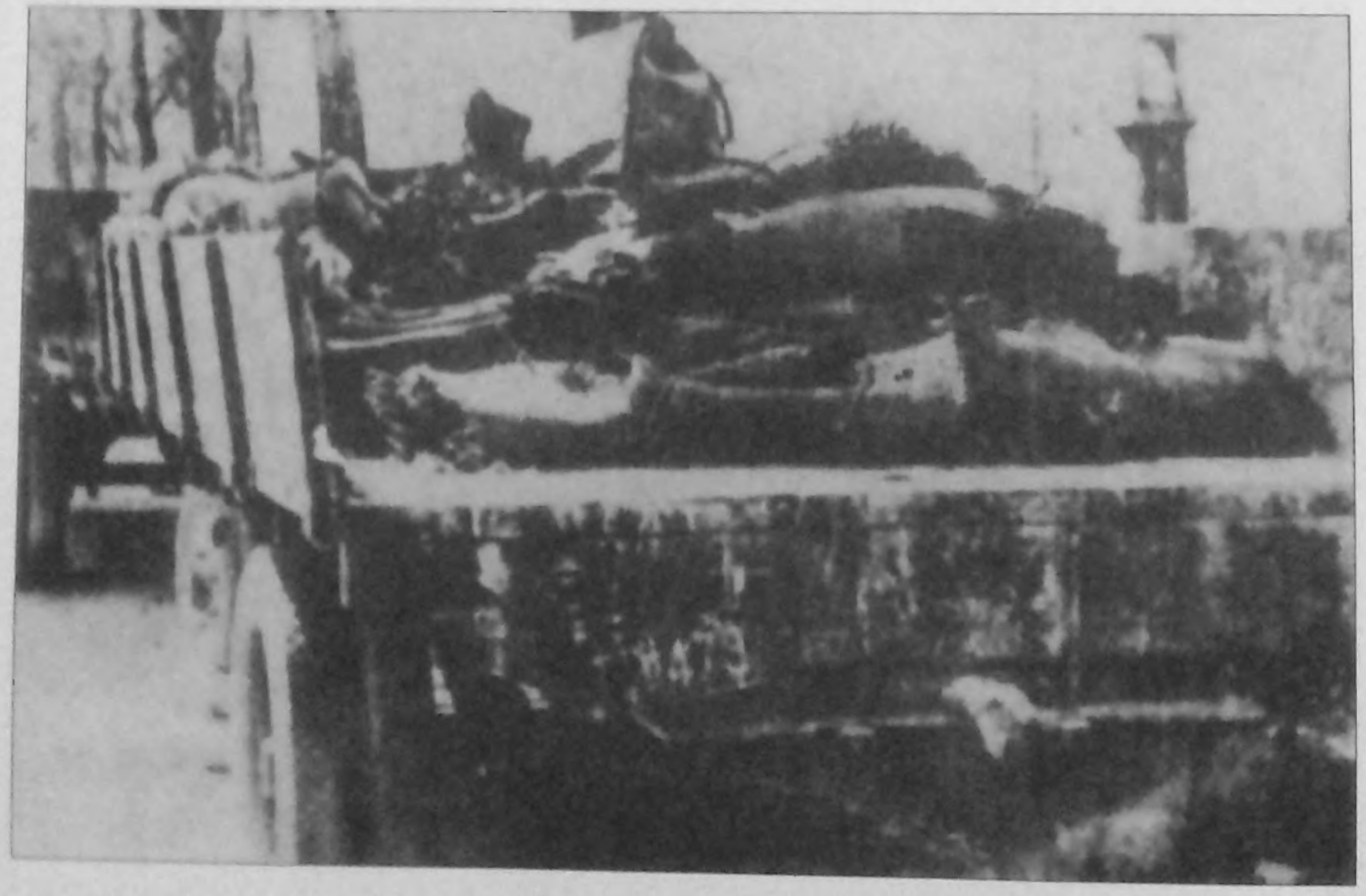

Những moóc ô tô lấy ra để chở xác, Hà Nội, 1945

Chết cứng không nhắm mắt được! Oán hận chi đây!

Không phân biệt xác chết, cả nam lẫn nữ, già lẫn trẻ
nhặt được là dồn đến một chỗ

Tại bãi chợ Hàng Da, Hà Nội, đồng bào chờ phát cơm,
trong lúc đó cũng đã có người lăn ra chết

Đôi mắt chứa đầy phẫn uất. Tại trại Giáp Bát (Hà Nội),
đang cùng nhau ngồi ăn từng hạt cơm

Những em nhỏ này, bố mẹ chết hết cả rồi!

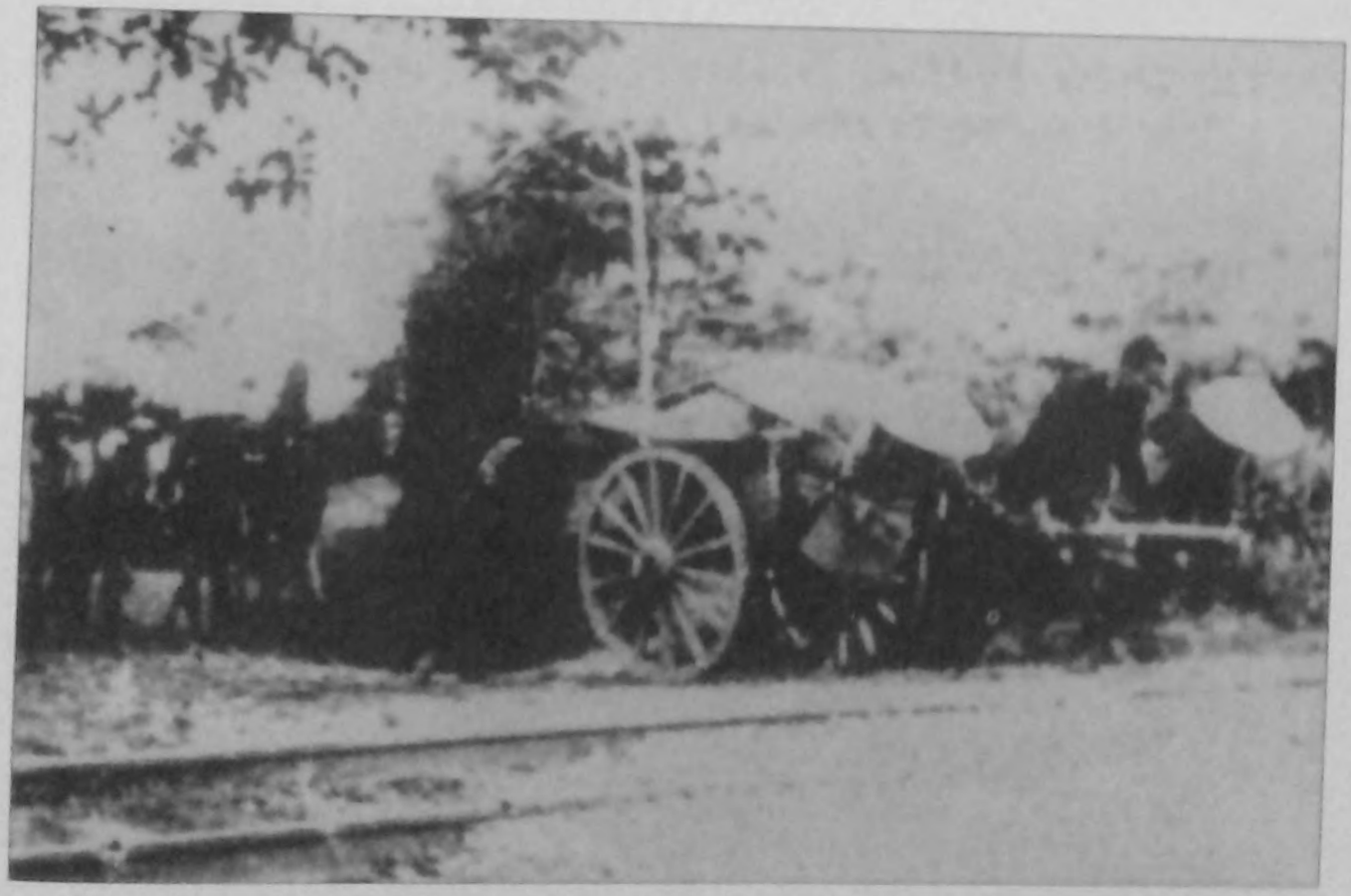

Trại Giáp Bát (Hà Nội), 1945. Những xe bò chở gạo đến trại lại dùng để chở xác chết. Mỗi xe do 3 người kéo, 2 người đẩy

Có xác được bó chiếu, có xác không được bó chiếu, đổ lăn lông lốc xuống hố!...

Xác chết được đổ đến đâu, lấp đất đến đấy!

Khu nuôi dưỡng những cháu bé nhặt được vì bố mẹ đã chết cả

Trong khu trại Giáp Bát, Hà Nội, 1945

Những đống xác chết, xe bò, ô tô chở đến Nghĩa địa Hợp Thiện ở Mai Động, Hà Nội

Hàng đống xác ở nhiều nơi dồn về để đi chôn

Ở Nam Định, một bà lão bán nước bên cạnh chùa Phổ Minh chết đói, thịt rữa hết, chỉ còn trơ xương

Đến năm 1950, những hố đã chôn xác chết năm 1945 được đào lên để nhặt xương

Xương đã được rửa tươm tất - 1950

Xương đã được rửa sạch - 1950

Xương ống được xếp gọn từng đống riêng

Xương vụn xếp riêng, 1950

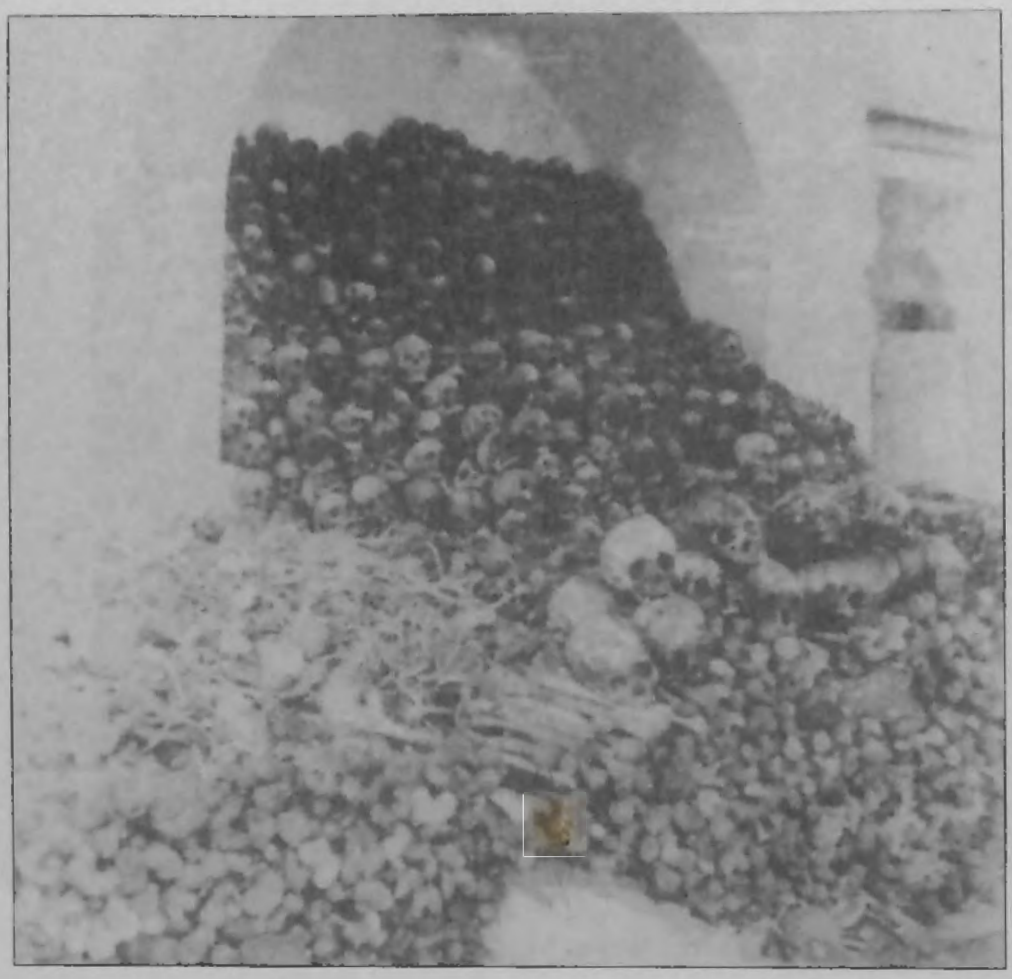

Những người chết đói ở trại Giáp Bát, năm 1950 được cải táng
đem về Nghĩa trang Hợp Thiện. Xương đã được xếp ngăn nắp trong bể chứa

Khu nghĩa địa chôn những nạn nhân chết vì đói,
trông sang Nhà máy dệt 8-3, Hà Nội

NẠN ĐÓI NĂM 1945 Ở VIỆT NAM

Những chứng tích lịch sử

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT, Số 6/86 phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222 Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ
Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
ThS. NGUYỄN MINH

Biên tập nội dung
ThS. NGUYỄN MINH
NGUYỄN VIỆT THANH
ThS. BÙI ÁNH HỒNG
LÊ THU MAI

Vẽ bìa
ThS. PHÙNG MINH TRANG

Chế bản vi tính
PHẠM THU HÀ

Sửa bản in
NGUYỄN VIỆT PHỤNG

Đọc sách mẫu
LÊ THU MAI

In 500 cuốn, khổ 16x24 cm, tại TNHHMTV In Tiến Bộ,
175 Nguyễn Thái Học, Hà Nội.
Số đăng ký xuất bản: 294-2016/CXBIPH/11-193/CTQG.
Quyết định xuất bản: Số 327/QĐ/NXBCTQG.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2016.